

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



ĐỒ ÁN CUỐI KỲ MÔN

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ & ỨNG DỤNG

TÊN ĐỀ TÀI: ỨNG DỤNG DRUPAL VÀO XÂY DỰNG
WEBSITE BÁN GIÀY

Nhóm 16 – Thành viên trong nhóm

STT	MSSV	Họ tên
1	3120410538	Huỳnh Phúc Toàn
2	3120410526	Trần Ngọc Thảo Tiên
3	3120560104	Huỳnh Thế Vinh
4	3120560108	Trần Phương Vy

GVHD: ThS. PHẠM THỊ VƯƠNG

TP.HCM, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU VỀ DRUPAL	1
1.1. Giới thiệu Drupal	1
1.1.1. Khái niệm	1
1.1.2. Lịch sử phát triển của Drupal	1
1.1.1.1. Khái quát về lịch sử của Drupal	1
1.1.1.2. Sự phát triển của từng phiên bản trong Drupal(7,8,9).	2
1.1.3. Các tính năng nổi bật của Drupal	6
1.1.4. Một vài website được tạo từ Drupal	7
1.1.5. Ưu và nhược điểm của Drupal	7
1.2. Cài đặt Drupal với Xampp	9
1.2.1. Cài đặt gói Xampp	9
1.2.2. Cài đặt Drupal	14
1.3. Tìm hiểu cấu hình trong Drupal	21
1.3.1. Soạn thảo nội dung(Content authoring)	21
1.3.2. Phát triển (Development)	22
1.3.3. Phương tiện truyền thông (Media)	23
1.3.4. Mọi người(People)	28
1.3.5. Khu vực và ngôn ngữ (Region and language)	29
1.3.6. Tìm kiếm và siêu dữ liệu (Search and metadata)	32
1.3.7. Hệ thống (System)	32
1.4. Các thành phần của Drupal	34
1.4.1. Content Type và Node	34
1.4.2. Block và Regions	35
1.4.3. Menu và Taxonomy	36
1.4.4. Views	38
1.4.5. Modules	38
1.4.6. Theme	39
1.4.7. User, Permission và Role	40
1.4.8. Database	41
1.4.9. Path	41
1.4.10. Comment Types	41

1.5. Cách thêm và xóa một module trong Drupal.....	42
1.5.1. Thêm module	42
1.5.2. Xóa module	48
1.6. Cài đặt và thay đổi theme trong Drupal.....	51
1.7. Việt hóa Drupal	59
CHƯƠNG 2 : XÂY DỰNG WEBSITE BÁN GIÀY “BAMBO’SVN” VỚI MÃ NGUỒN DRUPAL 9	62
2.1. Cài đặt các module và theme hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử	62
2.1.1. Cài đặt các module hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử	62
2.1.2. Cài đặt theme hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử	65
2.2. Hướng dẫn cài đặt thư viện bên ngoài Drupal	66
2.2.1. Cài đặt thủ công.....	66
2.2.2. Cài đặt bằng trình soạn thảo (composer)	69
2.3. Các yêu cầu chức năng.....	71
2.3.1. Yêu cầu chức năng đối với “Khách hàng”	71
2.3.1.1. Chức năng tạo tài khoản khách hàng	71
2.3.1.2. Chức năng đăng nhập hệ thống	75
2.3.1.3. Chức năng đăng xuất khỏi hệ thống.....	77
2.3.1.4. Chức năng tìm kiếm mặt hàng.....	78
2.3.1.5. Chức năng chọn hàng.....	79
2.3.1.6. Chức năng đặt hàng	82
2.3.1.7. Chức năng liên hệ.....	85
2.3.2. Đối với “Nhà quản trị hệ thống”	87
2.3.2.1. Chức năng đăng nhập hệ thống	87
2.3.2.2. Chức năng quản lý khách hàng.....	87
2.3.2.3. Chức năng quản lý đơn đặt hàng	92
2.3.2.4. Chức năng quản lý thuộc tính sản phẩm.....	94
2.3.2.5. Chức năng quản lý sản phẩm	100
2.3.2.6. Chức năng quản lý loại biển thẻ sản phẩm	105
2.3.2.7. Chức năng quản lý loại sản phẩm.....	109
2.3.2.8. Chức năng quản lý phương thức thanh toán	112
2.3.2.9. Chức năng quản lý cửa hàng.....	114

2.3.2.10. Chức năng quản lý phiếu khuyến mãi.....	116
2.4. Chi tiết thực hiện xây dựng website.....	121
2.4.1. Tạo thực đơn(menu)cho website:.....	121
2.4.2. Hiển thị sản phẩm theo dạng khối	123
2.4.3. Quảng cáo (banner).....	129
2.4.4. Thanh trượt (slider) sản phẩm.....	133
2.4.5. Tìm kiếm sản phẩm.....	140
2.4.5.1. Thanh tìm kiếm cơ bản	140
2.4.5.2. Tìm kiếm theo bộ lọc:.....	147
2.4.6. Xác thực tài khoản với google	151
2.4.7. Làm email gửi đến khách hàng.....	154
2.4.8. Thiết lập điều hướng đến trang giỏ hàng sau khi nhấn nút “Add to cart”	156
2.4.9. Tạo bộ cục cho trang chi tiết sản phẩm.....	158
2.4.10. Thiết lập phiên đăng nhập cho người dùng	159
2.5. Kết quả thực hiện	161
2.6. Các khó khăn khi tiến hành xây dựng đồ án	168
2.6.1. Khó khăn khi sử dụng module	168
2.6.2. Khó khăn khi sử dụng hosting miễn phí được cung cấp bởi giảng viên hướng dẫn	170
CHƯƠNG 3 : CÁC BÀI TẬP ĐÃ LÀM TRONG MÔN HỌC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ & ÚNG DỤNG	172

CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU VỀ DRUPAL

1.1. Giới thiệu Drupal

1.1.1. Khái niệm

Drupal là một hệ quản trị nội dung (CMS) được cung cấp bởi PHP, mang lại khả năng phát triển blog của bản thân (cá nhân) hay các trang thương mại điện tử lớn. Nền tảng Drupal được tạo bởi Dries Buytaert vào năm 2000 và hiện được sử dụng ở nhiều mảng, đặc biệt thiết kế website thương mại điện tử.

1.1.2. Lịch sử phát triển của Drupal

1.1.1.1. Khái quát về lịch sử của Drupal

Drupal ban đầu được viết bởi Dries Buytaert như một bảng tin để bạn bè của anh ấy liên lạc trong ký túc xá của họ khi đang học lấy bằng Thạc sĩ tại Đại học Antwerp. Sau khi tốt nghiệp, Buytaert chuyển trang này sang internet công cộng và đặt tên là Drop.org. Mãi cho đến tháng 1 năm 2001, Dries mới quyết định phát hành phần mềm đăng sau Drop.org. Ý tưởng là cho phép những người khác sử dụng và mở rộng nền tảng thử nghiệm để nhiều người hơn nữa có thể khám phá những con đường phát triển web mới. Ông gọi phần mềm là "Drupal". Ý tưởng của logo Drupal dựa trên sự sụt giảm - cùng một chủ đề đã truyền cảm hứng cho tên của phần mềm. Những ý tưởng đầu tiên rất đơn giản: một giọt nước trong một vòng tròn, một vòng tròn trong một giọt nước.

Drupal trở thành một dự án mã nguồn mở vào năm 2001. Sự quan tâm đến Drupal đã tăng lên đáng kể vào năm 2003 khi nó giúp xây dựng "DeanSpace" cho Howard Dean, một trong những ứng cử viên trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2004 của Đảng Dân chủ Hoa Kỳ bầu cử. DeanSpace đã sử dụng tính năng chia sẻ mã nguồn mở của Drupal để hỗ trợ một mạng phi tập trung gồm khoảng 50 trang web ủng hộ Dean khác nhau. Sau khi Dean kết thúc chiến dịch của mình, các thành viên trong nhóm Web của anh ấy tiếp tục theo đuổi sở thích phát triển một nền tảng Web có thể hỗ trợ hoạt động chính trị bằng cách thành lập CivicSpace Labs vào tháng 7 năm 2004 công ty đầu tiên có nhân viên toàn thời gian đang phát triển và phân phối công nghệ Drupal. Các công ty khác cũng bắt đầu chuyên về phát triển Drupal. Drupal được phát triển bởi một cộng đồng. Đến năm 2013, trang web Drupal đã liệt kê hàng trăm nhà cung cấp cung cấp các dịch vụ liên quan đến Drupal.

Từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 6 năm 2008, trang Drupal.org đã cung cấp hơn 1,4 triệu lượt tải xuống phần mềm Drupal, tăng khoảng 125% so với năm trước. Tính đến tháng 1 năm 2017, hơn 1.180.000 trang web sử dụng Drupal. Chúng bao gồm hàng trăm tổ chức nổi tiếng, bao gồm các tập đoàn, công ty truyền thông và xuất bản, chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, trường học và cá nhân. Drupal đã giành được một số Giải thưởng CMS nguồn mở Packt và giành được Webware 100 ba lần liên tiếp.

1.1.1.2. Sự phát triển của từng phiên bản trong Drupal(7,8,9).

Sự thay đổi từ 6 sang 7

- Drupal 7 yêu cầu hệ thống như nhau: MySQL 5.0.15 hoặc PostgreSQL 8.3, PHP 5.2 trở lên và bộ nhớ PHP từ 40M đến 64M.
- Thực hiện an toàn hơn cho các tác vụ theo lịch trình (cron.php).
- Hệ thống mật khẩu an toàn hơn.
- Hệ thống đăng nhập an toàn hơn.
- Các mô-đun (module) được cập nhật qua web.
- Liên kết quản trị để chỉnh sửa các thành phần hiện có trên mỗi trang.
- Cải thiện hỗ trợ tích hợp các trình soạn thảo WYSIWYG.
- Kéo và thả nhiều hơn cho các tác vụ quản trị.
- Quyền bây giờ có khả xử lý nhiều dữ liệu meta hơn.
- Người dùng đầu tiên được tạo như một phần của quá trình cài đặt.
- Đã thêm các tính năng vào hồ sơ cài đặt mặc định.
- Chạy nhiệm vụ tự động có thể thiết lập thông qua câu lệnh.
- Trình xác nhận mật khẩu được thiết kế lại.
- Đổi tên “định dạng đầu vào” thành “định dạng văn bản”.
- Đã thêm hỗ trợ cho các định dạng văn bản mặc định trên cơ sở mỗi vai trò.
- Đã chuyển quyền định dạng văn bản sang trang quyền chính.
- Đã thêm “tab đọc”.
- Hỗ trợ mũi giờ được cải thiện.

- Đã xóa chủ đề cho mỗi người dùng.
- Đã thêm module “phím tắt” mới.
- Đã thêm trình tạo truy vấn cho các truy vấn insert, update, delete, merge và select.
- Hỗ trợ sao chép chính/ phụ, giao dịch, truy vấn, đa chèn, chèn chậm.
- Đã hỗ trợ thêm cho công cụ cơ sở dữ liệu SQLite.
- Mặc định cho công cụ InnoDB, thay vì MyISAM, trên SQL khi khả dụng để có khả năng mở rộng và toàn vẹn dữ liệu lớn hơn.
- Tài liệu API hook có trong lõi Drupal.
- Đã có thêm chức năng đăng nhập OPML cho nguồn cung cấp RSS.
- Đã thêm tùy chọn cập nhật nguồn cung cấp dữ liệu.
- Đã thêm hỗ trợ cho các tìm kiếm nhận biết ngôn ngữ.
- Đã thêm khung kiểm tra và kiểm tra.
- Đã thêm một trường đặc biệt để tải tệp lên.
- Cải thiện xử lý hình ảnh.
- Đã thêm một trường đặc biệt để tải lên hình ảnh.
- Hỗ trợ tốt hơn cho cài đặt nhiều trang.
- Hỗ trợ tốt hơn cho tối ưu hóa công cụ tìm kiếm và liên kết web.
- Đã thêm khả năng thêm các trường tùy chỉnh.
- Trình cài đặt có thể được chạy từ dòng lệnh.
- Nâng cấp được thực hiện cho thư viện JavaScript cốt lõi, thư viện JQuery Forms.
- Đã thêm jQuery UI 1.8.
- Cải thiện hệ thống kiểm soát truy cập nút.
- Cải thiện xử lý các tác vụ dài hạn.

Drupal 7 vs Drupal 8

Drupal 7

- Phát hành 5/1/2011

- Trưởng thành: Cũ hơn, trưởng thành hơn so với thời gian và có rất nhiều module, nhiều tài liệu và rất nhiều hướng dẫn.
- Đầu ra: Đánh dấu XHTML theo mặc định.
- Thư viện mặt trước: JQuery v2.x.
- Đánh dấu Schema: Không xuất ra đánh dấu lược đồ.org.
- Thuộc tính: không sử dụng rộng rãi các thuộc tính WAI-ARIA.
- Hỗ trợ IE: Hỗ trợ IE 6, 7, 8.
- Tổng hợp CSS và JavaScript: Tổng hợp CSS và JavaScript kém hiệu quả hơn so với Drupal 8.
- JQuery : Drupal 7 bao gồm jQuery 1.4.4 và jQuery UI 1.8.7.
- Hỗ trợ SVG: Các trình duyệt được hỗ trợ không hỗ trợ SVG(bao gồm IE 8 và Trình duyệt Android 2.3).
- Công cụ chủ đề mặc định: PHPTemplate.
- Thêm Css hoặc Js: Các hàm drupal_add_css() và drupal_add_js().
- ID Css: chứa nhiều ID hơn drupal 8.
- Chọn bộ giả Css 3: Được sử dụng lớp đầu tiên, cuối cùng, chẵn, lẽ.
- Chính sửa : Phải vào trang chỉnh sửa để chỉnh sửa.
- Symfony: Không bao gồm khung Symfony.
- Khái niệm OOP: Có ít khái niệm lập trình hướng đối tượng.
- Trường thư điện tử mới: Trường email đơn giản.
- Lĩnh vực điện thoại mới: Trường điện thoại đơn giản.

Drupal 8

- Phát hành 7/10/2015
- Trưởng thành : Mới hơn, ít trưởng thành hơn và có ít module hơn, ít tài liệu, ít hướng dẫn hơn.
- Đầu ra: Đánh dấu HTML 5 ngữ nghĩa theo mặc định.

- Thư viện mặt trước: JQuery v2.x, Moderniz, Underscore.js và Backbone.js.
- Đánh dấu Schema: Module RDFa lõi của Drupal 8 xuất ra đánh dấu lược đồ.org.
- Thuộc tính : Sử dụng rộng rãi các thuộc tính WAI-ARIA.
- Hỗ trợ IE: Giảm hỗ trợ IE 6, 7, 8.
- Tổng hợp CSS và JavaScript : Cải thiện tổng hợp CSS và JavaScript.
- JQuery : Sử dụng JQuery 2.0 và các mã khác giả định, hỗ trợ trình duyệt HTML5/ CSS3 hiện đại .
- Hỗ trợ SVG: Không hỗ trợ các trình duyệt không hỗ trợ SVG(bao gồm IE 8 và Trình duyệt Android 2.3).
- Công cụ chủ đề mặc định: Giới thiệu Twig.
- Thêm Css hoặc Js: Đính kèm tài sản JS / CSS trong thuộc tính #attached của mảng kết xuất bằng thư viện.
- ID Css: chứa ít ID hơn drupal 7.
- Chọn bộ giả Css 3: Sử dụng bộ chọn giả CSS 3.
- Chính sửa : Trình chỉnh sửa nội tuyến giúp chỉnh sửa nội dung của một trang mà không cần đến trang chỉnh sửa, thay vào đó chỉ cần nhấp chuột phải để chỉnh sửa.
- Module Hình ảnh: Tính năng Mô-đun hình ảnh tự động thay đổi kích thước hình ảnh cho các màn hình khác nhau.
- Symfony: Sử dụng khung Symfony và kiến trúc MVC của nó giúp mã dễ bảo trì, chia sẻ và tái sử dụng.
- Khái niệm OOP: Đi kèm với các khái niệm lập trình hướng đối tượng cho hầu hết các phần của hệ thống
- Trường thư điện tử mới: Trường Email tự động xác thực địa chỉ email và tạo liên kết 'mailto:' khi được hiển thị.
- Lĩnh vực điện thoại mới : Trường Điện thoại tạo liên kết 'tel:' khi được hiển thị cho các ứng dụng điện thoại như Skype và các ứng dụng khác.

Drupal 8 vs Drupal 9

- Sử dụng các phiên bản mới nhất của Symfony And Twig: Không giống như Drupal 8 sử dụng Symfony 3, Drupal 9 sử dụng Symfony 4/5 để cải thiện hiệu suất, khả năng mở rộng, chất lượng của trang web, v.v. Cùng với đó, phiên bản mới sử dụng Twig 2.0 làm công cụ tạo khuôn mẫu.
- Drupal 9 tương thích ngược: Một trong những điểm khác biệt chính giữa bản nâng cấp Drupal 9 so với bản nâng cấp tiền nhiệm là nó tương thích ngược. Nếu bạn có một trang web Drupal 8 được cập nhật đầy đủ, thì trang web đó đã tương thích với phiên bản mới và có thể dễ dàng nâng cấp. Tuy nhiên, Drupal 8 hoàn toàn không tương thích với Drupal 7 và các nhà phát triển đã gặp khó khăn khi nâng cấp nó lên Drupal 8.
- Khả năng tương thích của các mô-đun đã đóng góp: Một trong những rào cản chính của việc cập nhật trang web của bạn là vấn đề tương thích của các mô-đun được đóng góp. Không giống như nâng cấp Drupal 7 lên 8, phiên bản mới cung cấp cho khách hàng trải nghiệm nâng cấp liền mạch vì hầu hết các mô-đun đóng góp của Drupal 8 đều tương thích với Drupal 9.
- Xóa các mã không dùng nữa: Vì mỗi lần nâng cấp Drupal đều đảm bảo một số tính năng bổ sung, nên rất nhiều mã không được dùng nữa trong quá trình này. Không cần nâng cấp tối thiểu, bản phát hành này đã tập trung nhiều hơn vào việc loại bỏ các mã không dùng nữa để cung cấp cho các nhà phát triển phiên bản nền tảng sạch hơn.

1.1.3. Các tính năng nổi bật của Drupal

Drupal có những tính năng nổi bật sau:

- a) Giao diện người dùng trực quan và thân thiện với người dùng
- b) Hỗ trợ đa ngôn ngữ: CMS này hỗ trợ rất nhiều ngôn ngữ, mang lại khả năng quản lý tại nhiều vùng địa lý.
- c) Nền tảng và cơ sở dữ liệu độc lập : cấu hình tiêu chuẩn dành cho Linux, MySQL, Apache và PostgreSQL và có thể chạy trên các máy chủ windows hay MacOS khi có yêu cầu.
- d) Tích hợp tìm kiếm : cho phép bật chế độ tìm kiếm theo tiêu chuẩn hoặc nâng cao. Bất cứ tìm kiếm nào trong công cụ tìm kiếm của Drupal đều có thể tùy chỉnh.
- e) URL thân thiện: Cho phép người dùng tạo ra các URL thân thiện với người dùng và cả công cụ tìm kiếm thông qua việc dùng mod_rewrite của Apache

- f) Cấu trúc phân loại linh hoạt
- g) Cá nhân hóa : sáng tạo nội dung và cách thức trình bày theo các tiêu chuẩn do người dùng đặt ra
- h) Bảo mật cao: Drupal có tính năng bảo mật cao, do đó nó có thể giữ cho website của bạn luôn an toàn. Ngoài ra, Drupal còn xác định được các lỗ hổng và tự động tạo/cung cấp bản vá lỗi một cách nhanh chóng.

1.1.4. Một vài website được tạo từ Drupal

Website doanh nghiệp: *nasa.gov* (NASA), *bvptw.org* (Bệnh viện phổi TW), *noh.vn* (Bệnh viện tai mũi họng TW), *hungyentv.vn* (Truyền hình Hưng Yên).

Website thương mại điện tử: *tesla.com*

Hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến: *harvard.edu* (Đại học Harvard)

1.1.5. Ưu và nhược điểm của Drupal

Về ưu điểm

a) Dễ dàng xây dựng website: Drupal được biết đến như một hệ quản trị nội dung ổn định và mạnh mẽ, sự ổn định của Core Drupal khiến cho Drupal chiếm được niềm tin của các lập trình viên và người dùng cho các website lớn có lượng người truy cập cao. Sự linh hoạt trong nền tảng của Drupal giúp cho các lập trình viên có thể lập trình mở rộng nhiều tính năng, có thể phát triển website theo nhiều hướng khác nhau mà hầu như không gặp trở ngại.

b) Có một cộng đồng lớn hỗ trợ cho Drupal: Cộng đồng Drupal là một cộng đồng gồm hơn 100.000 câu chuyện chia sẻ (<https://www.drupal.org/forum>). Mọi người trong cộng đồng Drupal đều có một câu chuyện, đến từ nhiều nền tảng, với nhiều kỹ năng và nhiều quan điểm. Có hơn 1500 người hàng tháng cùng nhau cải thiện phần mềm Drupal, bản dịch, tài liệu và cộng đồng. Nếu gặp bất cứ sự cố với trang web của mình khi sử dụng thì có thể liên hệ với cộng đồng này. Thêm hỗ trợ bên ngoài được cung cấp cho Drupal từ các nguồn như Pinterest và Twitter thì bạn chắc chắn sẽ tìm thấy bất kỳ sự trợ giúp nào mình cần, bất kể kỹ năng phát triển của bạn có nâng cao đến đâu.

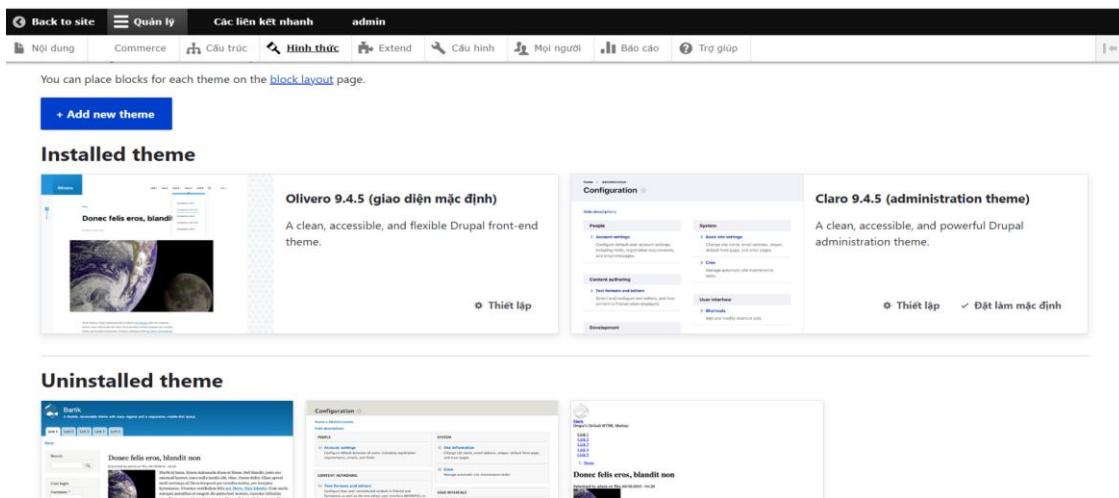
c) Khả năng mở rộng của Drupal rất tốt: Bất kể trang web của bạn cần lớn đến mức nào, Drupal đều có khả năng đáp ứng nhu cầu. Ngay cả về lưu lượng truy cập được,

nền tảng này có thể đảm bảo rằng trang web có thể đáp ứng nhu cầu thay đổi của khách truy cập. Có rất nhiều Module để chúng ta áp dụng, phù hợp cho loại kiến trúc hoặc mô hình trang web cá nhân hay thương mại điện tử.

d) Đa dạng chủ đề khác nhau: từ Blog cá nhân hay tới những trang web quản lý, thương mại phức tạp.

e) Dễ dàng quản trị nội dung: mã nguồn Drupal tích hợp sẵn khả năng cung cấp thông tin cho các công cụ tìm kiếm, người quản trị có thể dễ dàng đưa nội dung website lên các mạng xã hội như Facebook. Tất cả các tính năng có thể thực hiện một cách tự động. Drupal là nền tảng số một dành cho các trang web lớn hơn và phức tạp hơn. Khi bạn truy cập vào trang web lớn hơn và phức tạp hơn (nội dung phức tạp), Tùy chỉnh phức tạp, nhiều cấp quyền đối với nội dung cho các vai trò người dùng khác nhau, trải nghiệm tìm kiếm phức tạp thì tốt hơn hết bạn nên sử dụng Drupal.

f) Quản lý giao diện dễ dàng: có thể thay đổi giữa các giao diện một cách nhanh chóng



Hình 1.1.1. Giao diện trong Drupal

g) Làm việc nhóm tốt hơn: có sẵn hệ thống quản trị thành viên với nhiều quyền khác nhau, người quản trị có thể dễ dàng thiết lập các thao tác thành viên một cách dễ dàng.

Về nhược điểm

a) Drupal rất khó học. Đường cong học tập của Drupal dành cho người mới bắt đầu khá dài. Có các chương trình dạy kèm có sẵn để dễ dàng quá trình học tập, nhưng một người nào đó đã tham gia và hy vọng rằng kiến thức về PHP của họ sẽ giúp họ tiếp cận những gì

Drupal có thể làm được trong một lần thức tỉnh thô lõi. Cần thời gian để truy cập vào nền tảng này ngay.

b) Tiêu tồn nhiều tài nguyên: Một trong những phần nàn phổ biến nhất về Drupal là tốc độ của nó. Đây là một nền tảng khá chậm, đặc biệt nếu bạn đang sử dụng các mô-đun của bên thứ ba không được tối ưu hóa mã hóa.

c) Không phải là một nền tảng tốt để cài đặt tùy chỉnh: Nếu bạn cần một trang web phức tạp để đáp ứng nhu cầu của mình, Drupal có thể không phải là giải pháp tốt nhất. Để cài đặt nhanh chóng, nó hoạt động tốt nhờ các mô-đun được cung cấp và khả năng làm việc mà không cần cấu trúc lại. Một cách tiếp cận cụ thể không phải là thứ mà Drupal có thể cung cấp nói chung.

1.2.Cài đặt Drupal với Xampp

1.2.1. Cài đặt gói Xampp

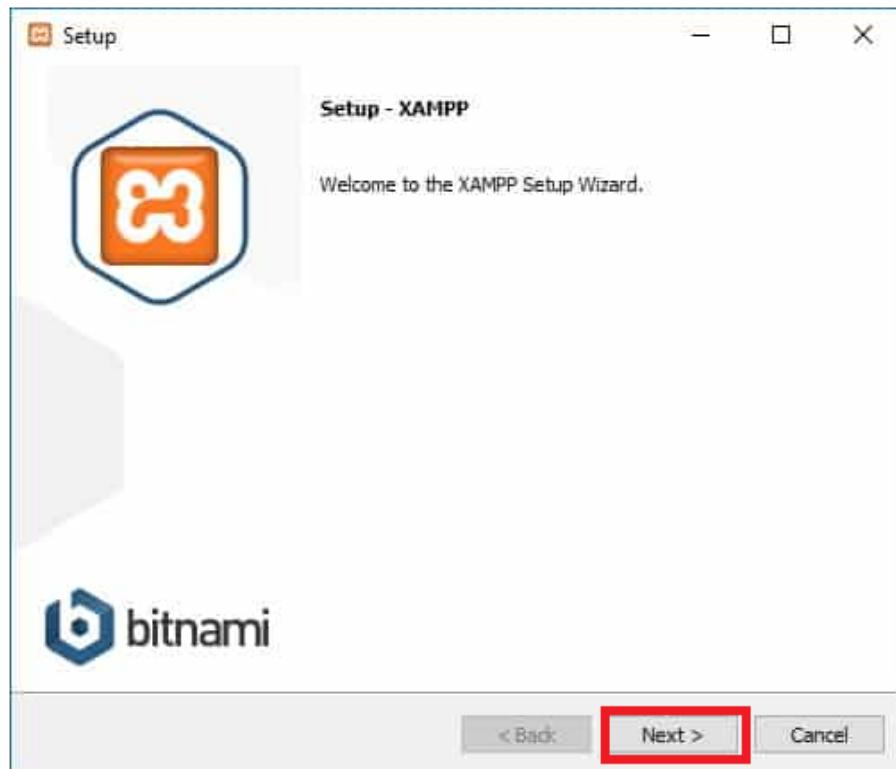
Cài đặt gói Xampp bao gồm: Apache server, ngôn ngữ PHP, cơ sở dữ liệu MySQL, phpMyAdmin công cụ quản lý cơ sở dữ liệu Mysql

Bước 1 : Truy cập vào trang chủ của Xampp tải phiên bản cho Window

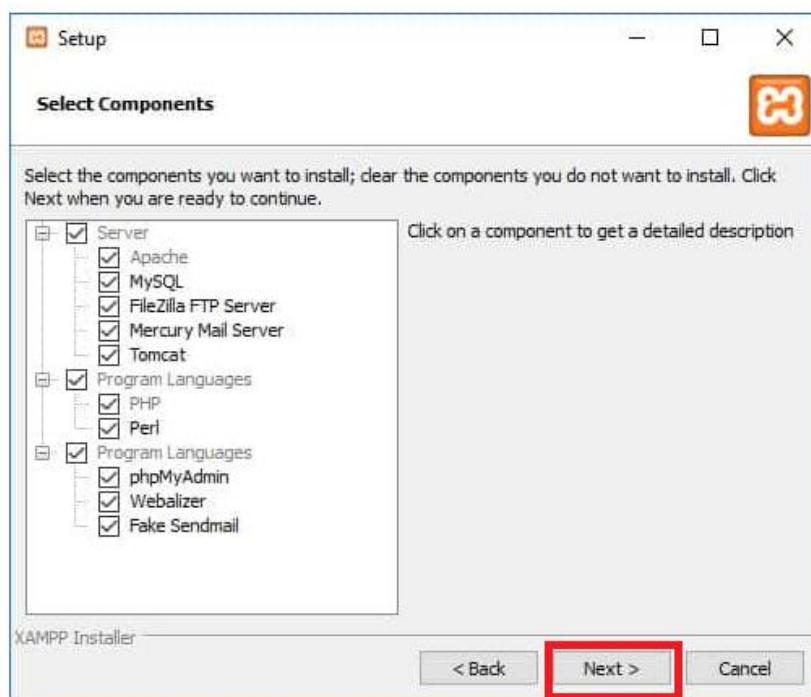
The screenshot shows the Apache Friends XAMPP website at apachefriends.org/index.html. The page title is "XAMPP Apache + MariaDB + PHP + Perl". A section titled "What is XAMPP?" describes it as the most popular PHP development environment. To the right is a large orange XAMPP logo icon. Below this are download links for Windows, Linux, and OS X, each with a red border around the text area. A green arrow-shaped button labeled "Download Click here for other versions" points to the Windows link. A message box at the bottom left announces a new XAMPP release (7.4.33, 8.0.25, 8.1.12) with a link to read more. The footer contains sections for "About Apache Friends", "Community", and "Recent Discussions".

Hình 1.2.1. Trang chủ chứa các phiên bản cho các nền tảng khác nhau

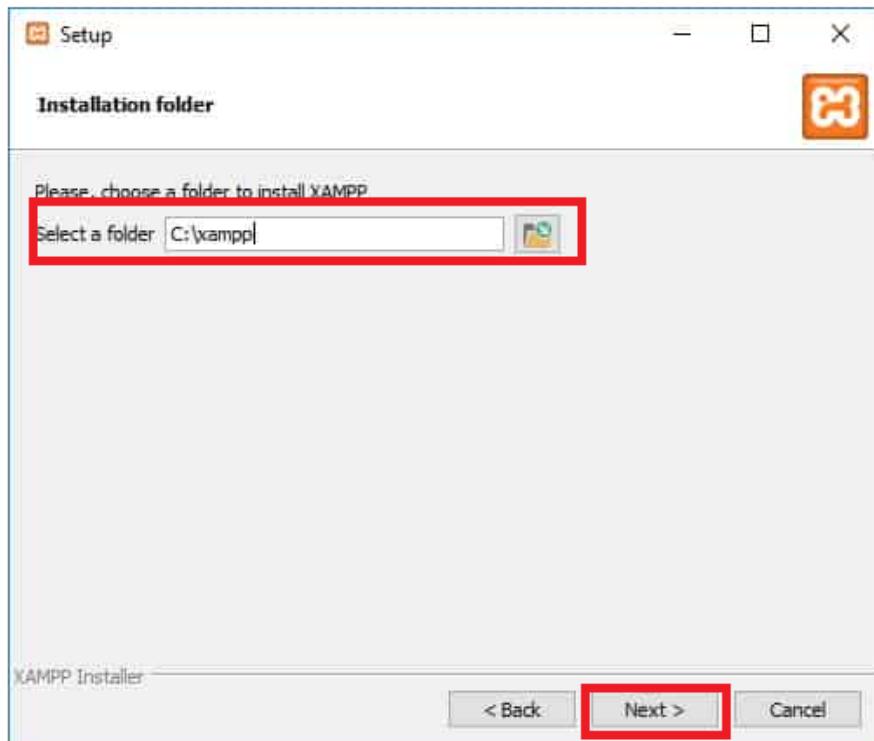
Bước 2 : Cài đặt cấu hình cho Xampp



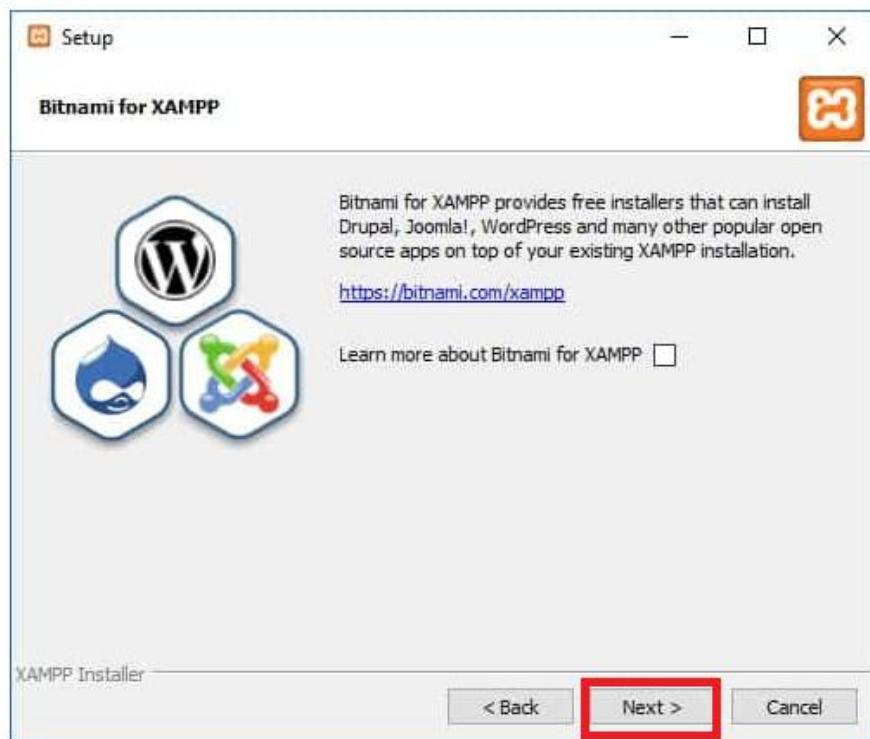
Hình 1.2.2. Tiến hành cài đặt Xampp



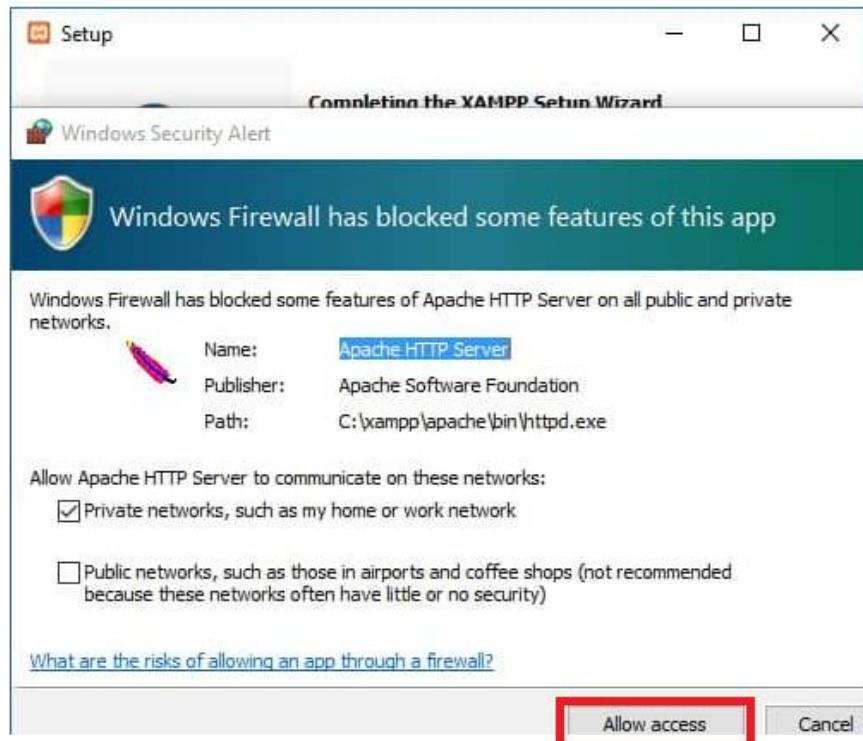
Hình 1.2.3. Chọn các thành phần muốn tải và nhấp vào nút next



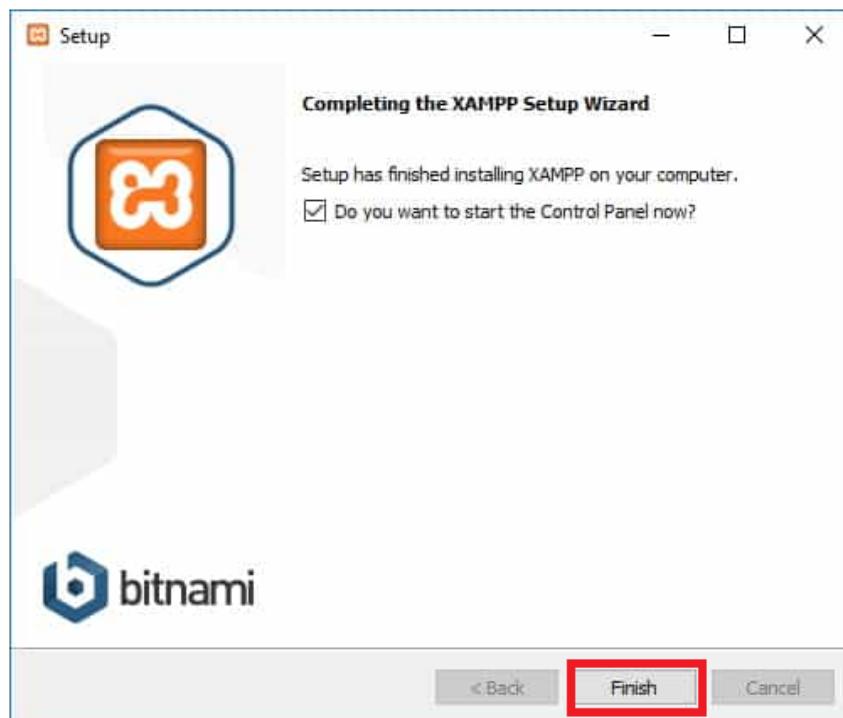
Hình 1.2.4. Chọn vị trí cài đặt và nhấn “next”



Hình 1.2.5. Nhấn nút next

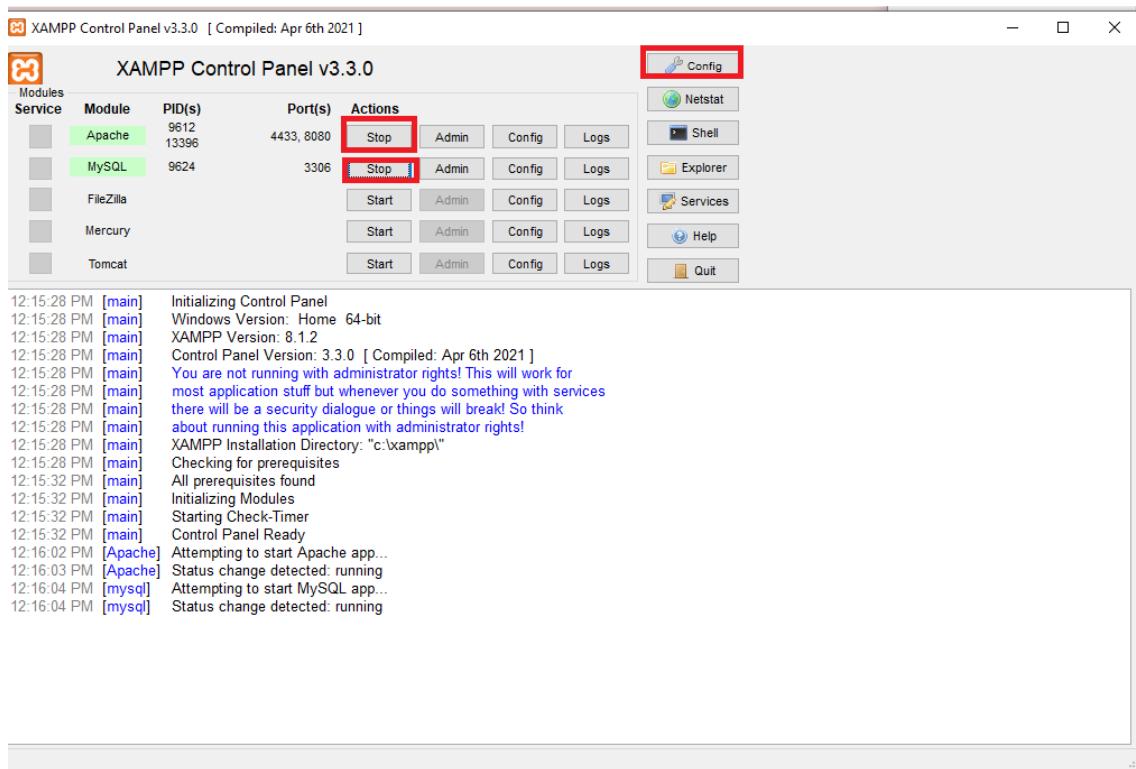


Hình 1.2.6. Nhấn Allow access cho phép ứng dụng thông qua tường lửa (nếu có)



Hình 1.2.7. Hoàn thành cài đặt

Bước 3 : Đổi công thành 8080 trong “Config” và bật các module Apache, MySql

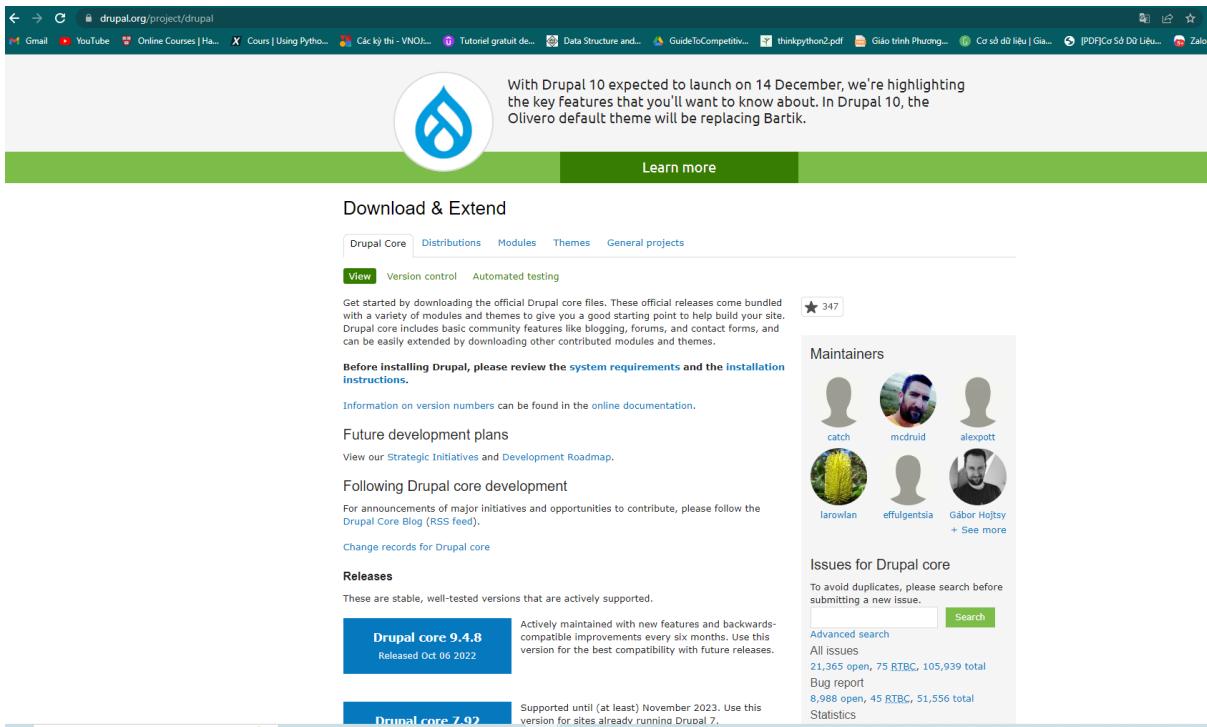


Hình 1.2.8. Xampp sau khi đổi cổng (port) và bật các nút của module Apache và MySQL

1.2.2. Cài đặt Drupal

Tải Drupal 9 (phiên bản 9.4.5) và tiến hành cài đặt

Bước 1: Truy cập vào trang “<https://www.drupal.org/project/drupal>” để tải phiên bản Drupal 9.



Hình 1.2.9. Giao diện trang download Drupal

Nhấn vào “View all releases” để hiển thị các phiên bản Drupal hiện có

Development releases

These releases have all the latest features, but might be not stable. Only use them if you are a developer and you are sure you know what you are doing.

Drupal core 10.0.x-dev

Released Nov 28 2022

Drupal core 9.5.x-dev

Released Nov 21 2022

Drupal core 9.4.x-dev

Released Nov 28 2022

Drupal core 9.3.x-dev

Released Sep 28 2022

[View all releases](#)

Hình 1.2.10. Giao diện phiên bản Drupal

Lựa chọn phiên bản ‘drupal 9.4.5’, tải file .zip về máy

The screenshot shows the official Drupal release page. It lists several versions:

- 7.92**: Maintenance release of the Drupal 7 series. Includes bug fixes and small API/feature improvements only (no major, non-backwards-compatible new functionality).
Bug fixes
New features
- drupal 10.0.0-alpha7**: This is an **alpha release for the next major version of Drupal**. This alpha release is intended for module or theme authors to test whether their code is compatible with recent significant changes in Drupal 10.0.x. **Drupal 10 alpha releases should not be used in production**. No upgrade path will be provided between Drupal 10 alpha releases, nor to Drupal 10.0-beta1.
Bug fixes
New features
- drupal 9.4.5**: This is a **patch (bugfix) release of Drupal 9** and is ready for use on production sites. [Learn more about Drupal 9](#).
Bug fixes Insecure

Read more View usage statistics for this release

Read more View usage statistics for this release

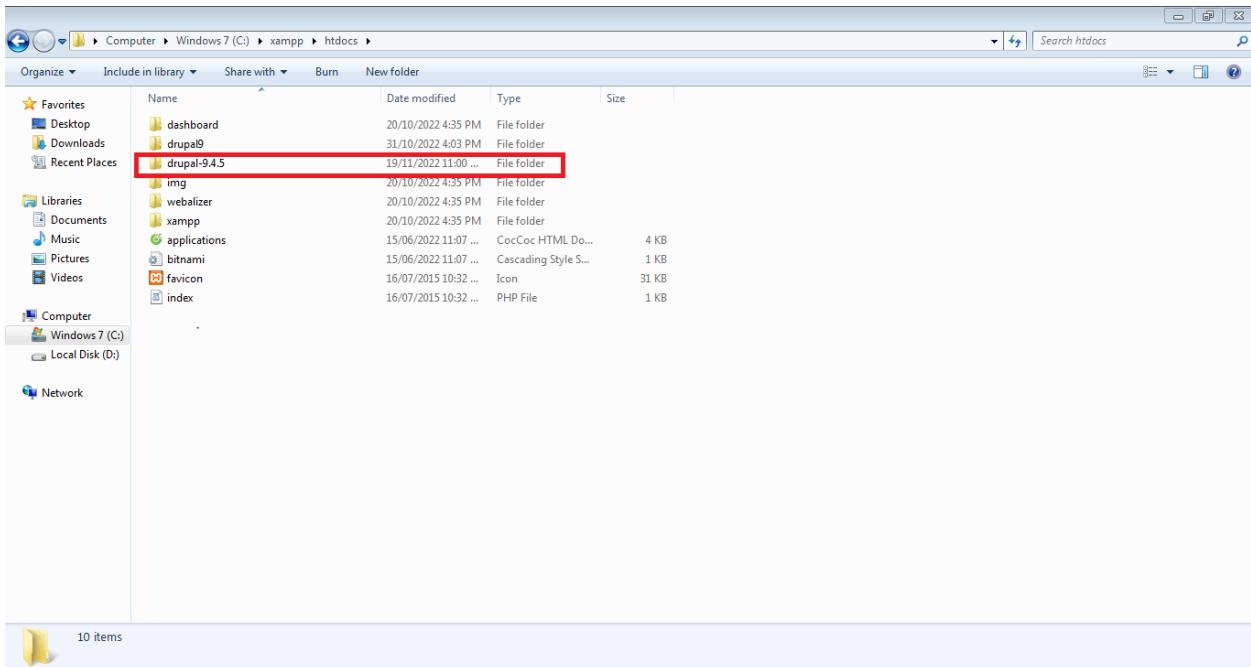
Read more View usage statistics for this release

Đang kết nối...

Hình 1.2.11. Lựa chọn phiên bản Drupal

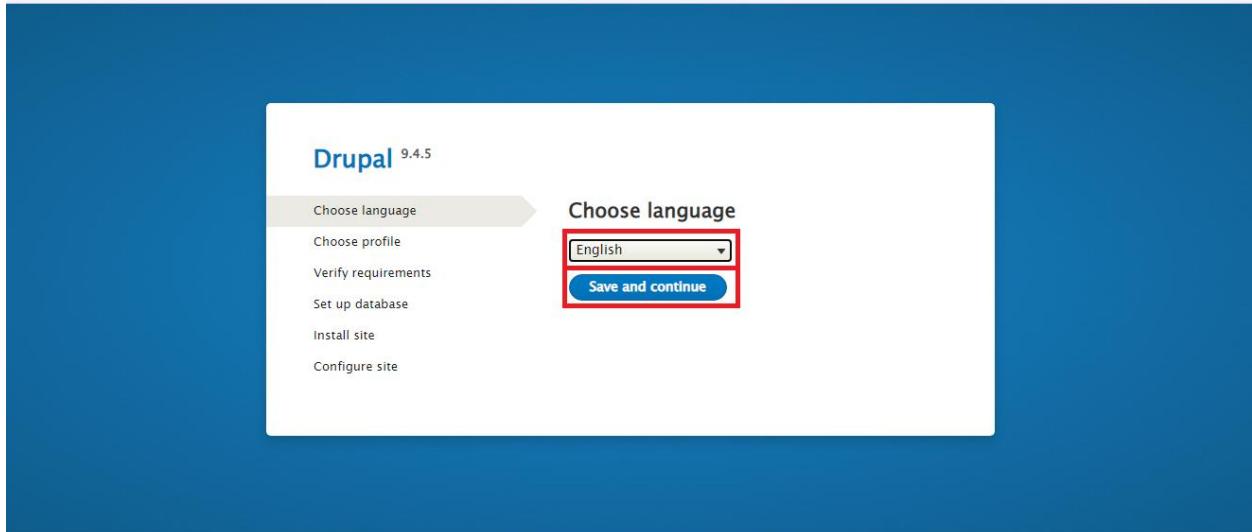
Bước 2:

Sau đó giải nén và đặt vào thư mục “ C:\xampp\htdocs”



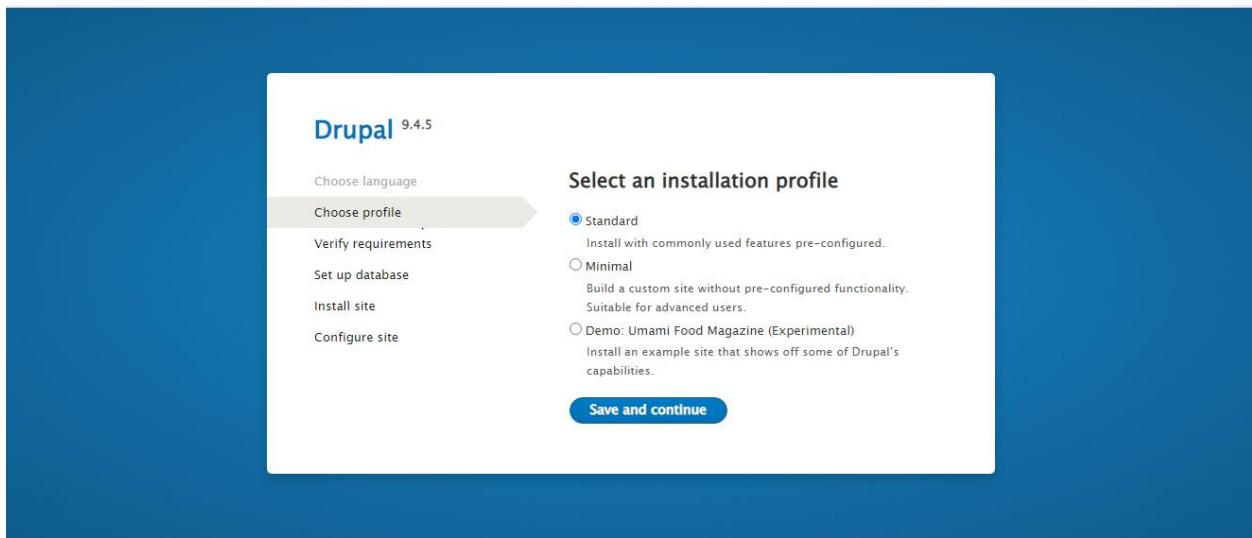
Hình 1.2.12. File sau khi giải nén và để vào thư mục htdocs

Bước 3 : Khởi động, truy cập <http://localhost:8080/drupal9.4.5/core/install.php> để tiến hành cài đặt Drupal trên localhost. Hệ thống sẽ hiển thị giao diện chọn ngôn ngữ cho Drupal. Nhấn “Save and Continue” để đi đến bước tiếp theo



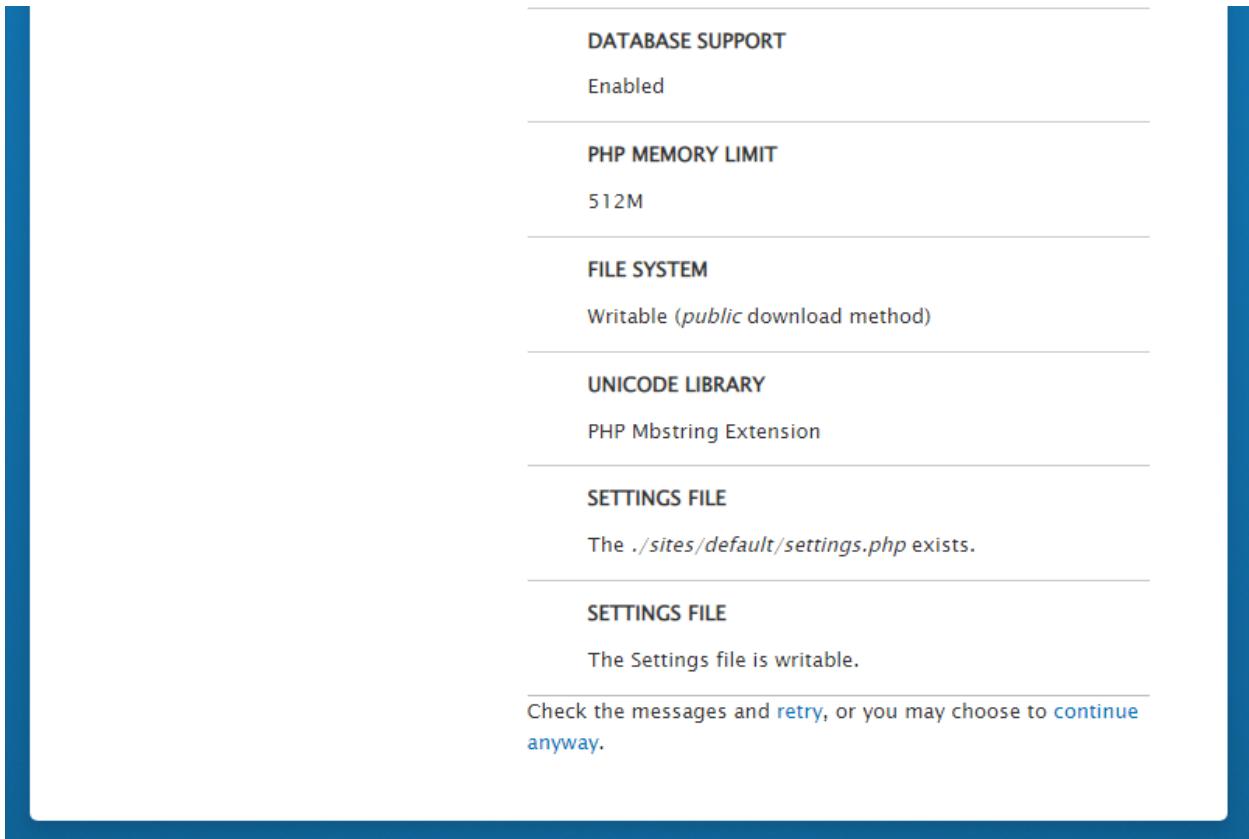
Hình 1.2.13. Giao diện chọn ngôn ngữ cho Drupal

Bước 4: Ở mục “Choose profile”, chọn Standard theo mặc định và nhấn “Save and continue” để tiếp tục



Hình 1.2.14. Chọn hồ sơ cài đặt “Standard”(Tiêu chuẩn)

Bước 5: Ở mục “Verify requirements”, chọn continue anyway



Hình 1.2.15. Giao diện xác nhận các yêu cầu

Bước 6: Ở mục “Set up database”, tiến hành cài đặt cơ sở dữ liệu với Database name là dữ liệu đã tạo trên localhost. Database username và Database password là tên đăng nhập và mật khẩu trên localhost. Sau đó nhấn “Save and Continue”

Drupal 9.4.5

Choose language
Choose profile
Verify requirements
Set up database
Install site
Configure site

Database configuration

Database type *
 MySQL, MariaDB, Percona Server, or equivalent
 SQLite

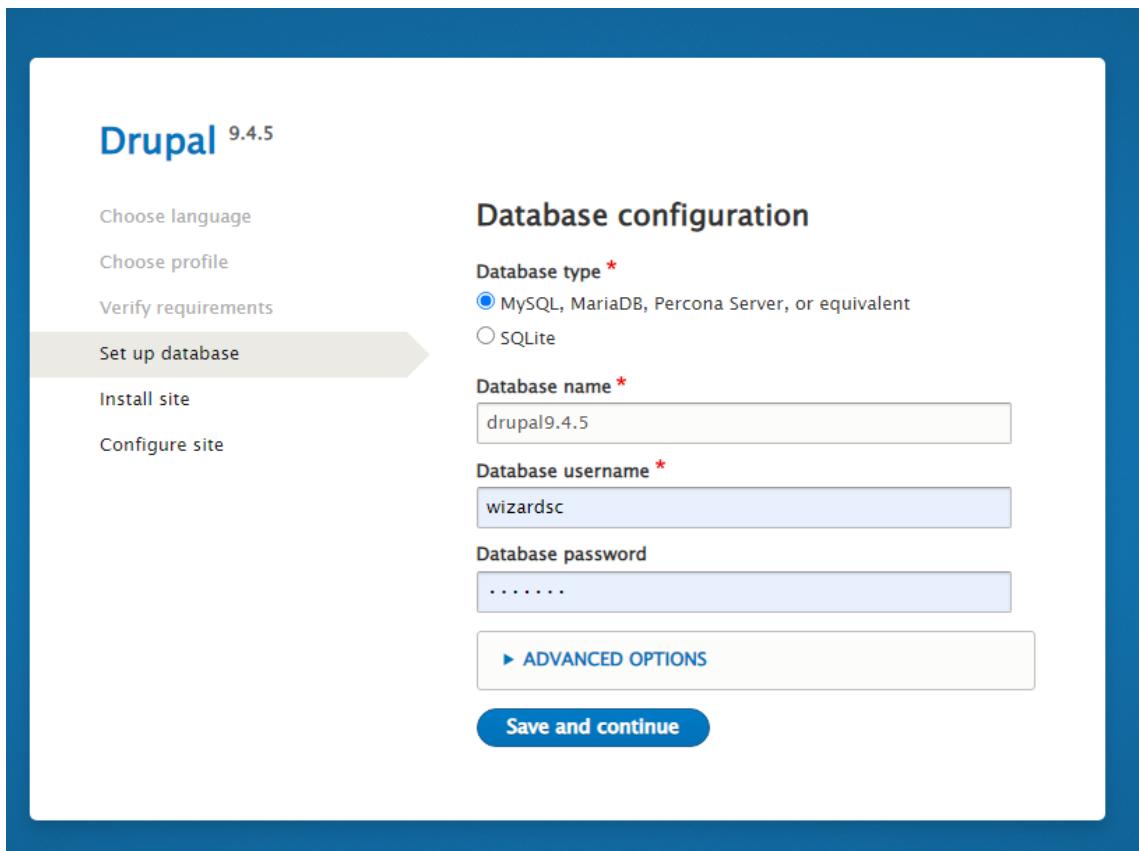
Database name *
drupal9.4.5

Database username *
wizardsc

Database password
.....

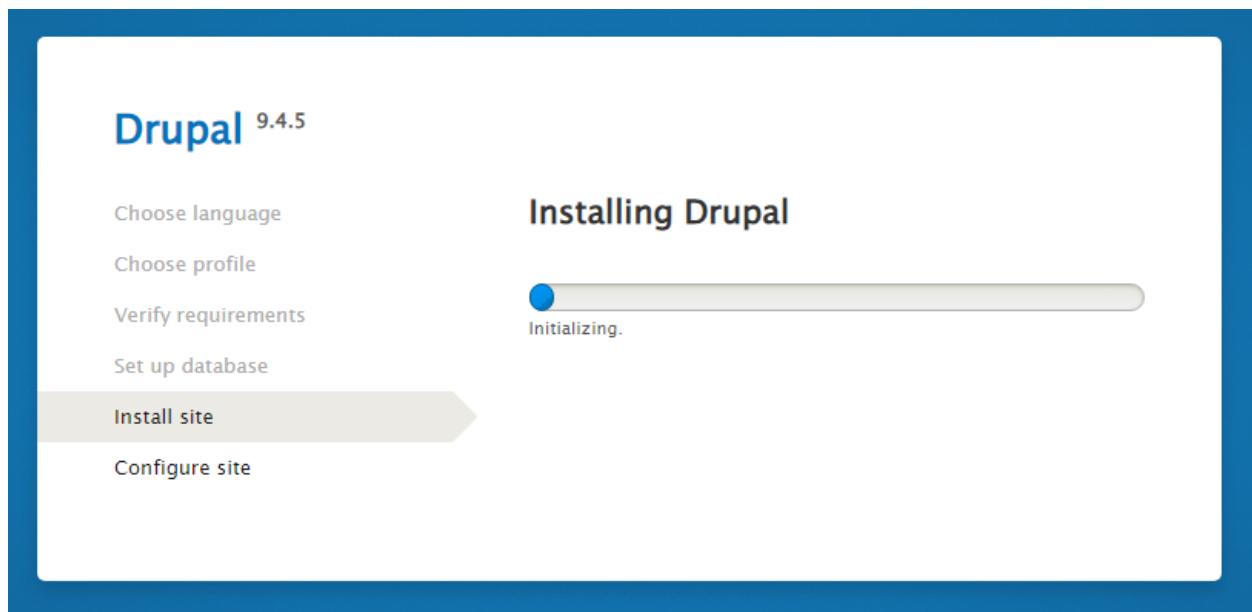
► ADVANCED OPTIONS

Save and continue



Hình 1.2.16. Cài đặt cơ sở dữ liệu

Bước 7: Hệ thống đang tiến hành cài đặt Drupal



Hình 1.2.17. Hệ thống tiến hành cài đặt

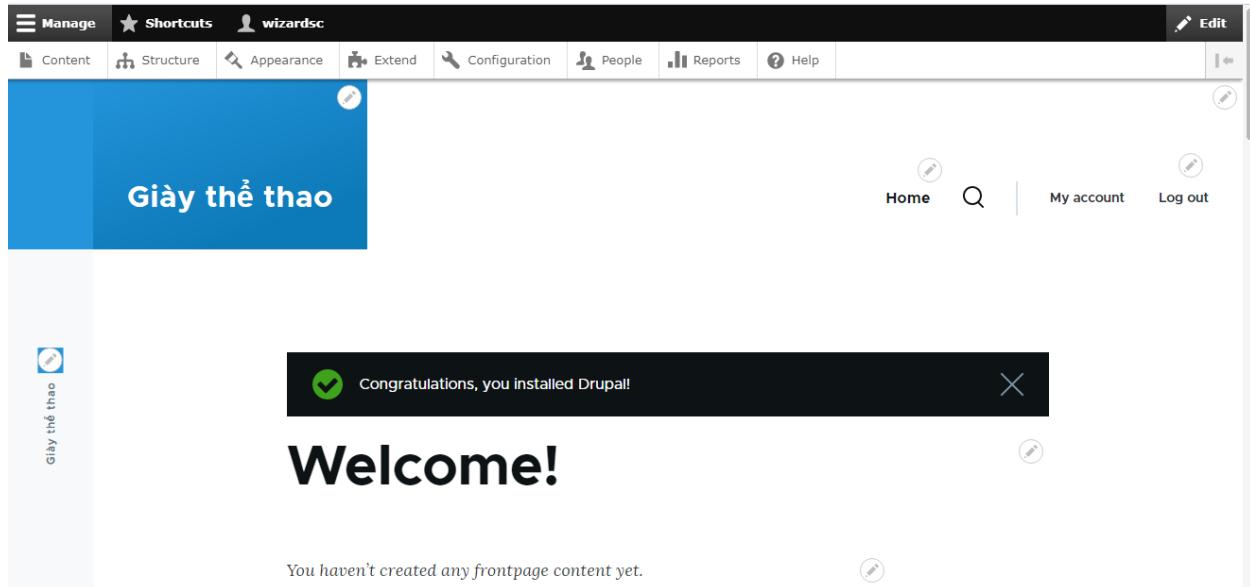
Bước 8: Ở mục “Configure site”, người dùng tiến hành nhập các thông tin cần thiết

1. Phần site name: Tên của website, không được phép bỏ trống
2. Phần site email address: Nhập email cho site, không được phép bỏ trống
3. Phần username: Nhập username bất kì, username này đại diện cho người quản trị, không được phép chứa các kí tự đặc biệt đã liệt kê bên dưới và không được phép bỏ trống
4. Password: nhập password và xác nhận lại password

The screenshot shows the 'Configure site' step of the Drupal 9.4.5 setup wizard. The 'Configure site' tab is selected in the left sidebar. The main area is titled 'Configure site' and contains the 'SITE INFORMATION' section. It includes fields for 'Site name *' (filled with 'Giay the thao'), 'Site email address *' (filled with 'giaythethaoxanh@gmail.com'), and 'Username *' (filled with 'wizardsc'). Below these are fields for 'Password *' and 'Confirm password *', both containing '.....'. A note indicates that several special characters are allowed. A 'Password strength' bar shows 'Weak'. A 'Recommendations to make your password stronger:' box lists: 'Make it at least 12 characters', 'Add lowercase letters', 'Add uppercase letters', and 'Add punctuation'. The 'Email address *' field is also filled with 'giaythethaoxanh@gmail.com'. The 'REGIONAL SETTINGS' section includes 'Default country' (set to 'None') and 'Default time zone' (set to 'Bangkok'). The 'UPDATE NOTIFICATIONS' section has a checked checkbox for 'Check for updates automatically'.

Hình 1.2.18. Cài đặt cấu hình sơ khai cho website

Bước 9: Hoàn thành cài đặt Drupal 9 phiên bản 9.4.5. Hệ thống tự điều hướng đến giao diện trang chủ của Drupal 9



Hình 1.2.19. Giao diện trang chủ Drupal sau khi cài đặt

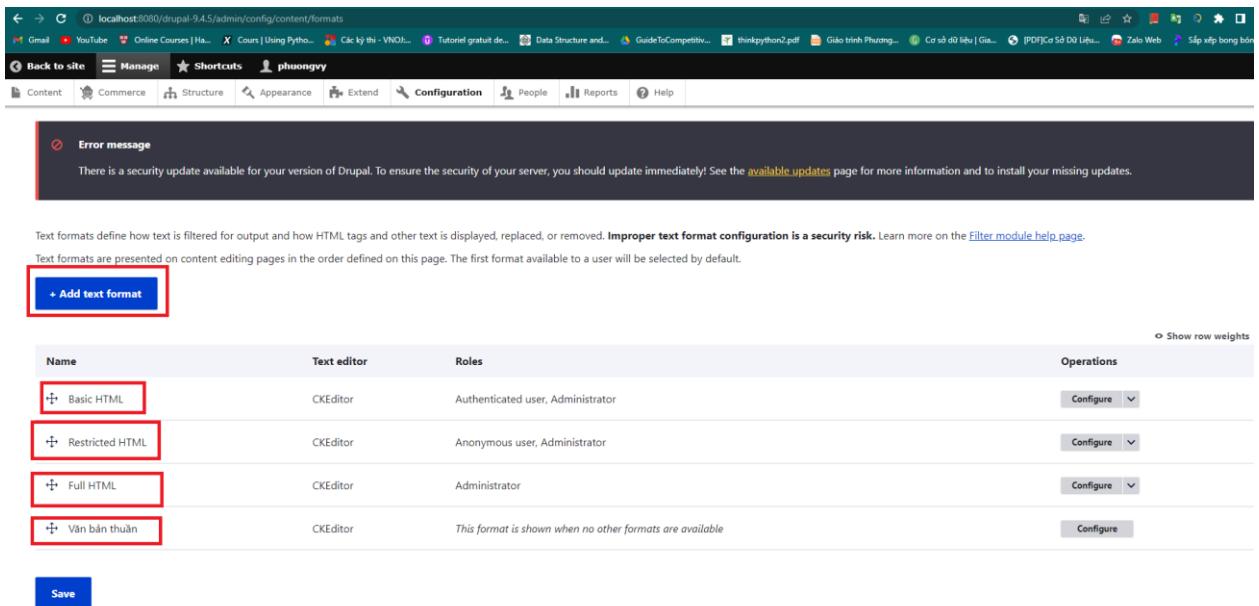
1.3. Tìm hiểu cấu hình trong Drupal

1.3.1. Soạn thảo nội dung(Content authoring)

Mục này có “Định dạng văn bản và trình soạn thảo (Text formats and editors)” là quan trọng nhất. Định dạng văn bản (Text format) cho phép người dùng nhập liệu vào website. Mặc định của Drupal 8 trở lên có 4 dạng định dạng văn bản (Text format) bao gồm:

- a) **Plain text**: dạng văn bản thuần không chấp nhận bất kỳ HTML nào, thường dùng cho trường văn bản (Text field).
- b) **Restricted HTML**: loại bỏ một số thẻ độc hại.
- c) **Basic HTML**: chỉ cho phép người dùng dùng một số thẻ HTML xác định, người quản trị có thể tùy chỉnh theo ý mình. Ví dụ: không cho thành viên thông thường được phép sử dụng thẻ <a>,,...
- d) **Full HTML**: cho phép người dùng sử dụng toàn bộ các thẻ HTML mà trình duyệt website có thể hiểu. Khi được kết hợp với trình soạn thảo văn bản (Text editor) CKEditor sẽ cho phép tùy ý trình bày và trang trí văn bản.

Ngoài ra, người dùng có thể thêm một dạng định dạng văn bản (Text formats) rồi cấu hình theo tùy theo yêu cầu của bản thân



The screenshot shows the Drupal administration interface at <localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/config/content/formats>. The page title is 'Text formats'. A prominent error message at the top states: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below this, a note says: 'Text formats define how text is filtered for output and how HTML tags and other text is displayed, replaced, or removed. **Improper text format configuration is a security risk.** Learn more on the [Filter module help page](#).' A table lists four text formats:

Name	Text editor	Roles	Operations
Basic HTML	CKEditor	Authenticated user, Administrator	Configure
Restricted HTML	CKEditor	Anonymous user, Administrator	Configure
Full HTML	CKEditor	Administrator	Configure
Văn bản thuần	CKEditor	This format is shown when no other formats are available	Configure

A blue 'Save' button is located at the bottom left of the form.

Hình 1.3.1. Các dạng định dạng văn bản trong Text formats and editors

1.3.2. Phát triển (Development)

Trong mục phát triển (Development) cho phép tùy chỉnh cấu hình về hiệu suất (Performance) của website.

- a) **Hiệu suất(Performance):** Định cấu hình bộ nhớ đệm và tối ưu hóa băng thông
- b) **Ghi nhật ký và lỗi (Logging and errors):** Định cấu hình hiển thị thông báo lỗi và ghi nhật ký cơ sở dữ liệu
- c) **Chế độ bảo trì (Maintenance mode):** chuyển website sang chế độ bảo trì.
- d) **Đồng bộ hóa cấu hình (Configuration synchronization):** nhập và xuất cấu hình.

Development

- > **Performance**
Configure caching and bandwidth optimization.
- > **Logging and errors**
Configure the display of error messages and database logging.
- > **Maintenance mode**
Take the site offline for updates and other maintenance tasks.
- > **Configuration synchronization**
Import and export your configuration.

Hình 1.3.2. Tùy chỉnh cấu hình hiệu suất trong mục phát triển (Development)

1.3.3. Phương tiện truyền thông (Media)

Cho phép tùy chỉnh tệp, hình ảnh, nơi lưu trên host... Mục này khá quan trọng và thường được sử dụng thường xuyên.

MEDIA

- ➊ **File system**
Configure the location of uploaded files and how they are accessed.
- ➋ **Image styles**
Configure styles that can be used for resizing or adjusting images on display.
- ➌ **Image toolkit**
Choose which image toolkit to use if you have installed optional toolkits.

Hình 1.3.3. Các mục trong Media

Hệ thống tập tin (File system): định cấu hình vị trí của các tệp đã tải lên và cách chúng được truy cập. Mặc định các tệp tin được tải lên website sẽ có các đường dẫn mặc định là “sites/default/files”.

Error message

There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Public file system path
sites/default/files

A local file system path where public files will be stored. This directory must exist and be writable by Drupal. This directory must be relative to the Drupal installation directory and be accessible over the web. This must be changed in settings.php

Public file base URL
http://localhost:8080/drupal-9.4.5/sites/default/files

The base URL that will be used for public file URLs. This can be changed in settings.php

Private file system path
Not set

An existing local file system path for storing private files. It should be writable by Drupal and not accessible over the web. This must be changed in settings.php

Temporary directory
xampp/tmp

A local file system path where temporary files will be stored. This directory should not be accessible over the web. This must be changed in settings.php.

Delete temporary files after
6 hours

Temporary files are not referenced, but are in the file system and therefore may show up in administrative lists. **Warning:** If enabled, temporary files will be permanently deleted and may not be recoverable.

Interface translations directory *
sites/default/files/translations

Hình 1.3.4. Hệ thống tập tin trong Drupal

Kiểu dáng hình ảnh(Image styles): định cấu hình các kiểu có thể có được sử dụng để thay đổi kích thước hoặc điều chỉnh hình ảnh trên màn hình. Phần này khá quan trọng vì hầu như các dự án website nào dù nhỏ hay lớn cũng dùng đến nó. Khi giao website cho người khác sử dụng, cập nhật bài viết, hình ảnh lên website thì người sử dụng thường tải lên các tệp có kích thước không đồng đều, tỷ lệ hình khác nhau vì vậy phải tạo ra kiểu dáng ảnh theo kích thước đúng theo ý muốn về giao diện. Tất cả các file khi người dùng tải lên sẽ được lưu trong mục “default/files” với kích thước thật của tệp, đồng thời tạo ra một tệp khác với kích thước mà đã định trong kiểu dáng ảnh(Image styles), nếu có nhiều kiểu dáng thì hệ thống tạo ra nhiều hình ảnh, mỗi kiểu dáng một hình ảnh.

Image styles ☆

Home » Administration » Configuration » Media

Image styles commonly provide thumbnail sizes by scaling and cropping images, but can also add various effects before an image is left unchanged.

+ Add image style

STYLE NAME	OPERATIONS
Large (480×480)	<button>Edit</button> <button>▼</button>
Medium (220×220)	<button>Edit</button> <button>▼</button>
Thumbnail (100×100)	<button>Edit</button> <button>▼</button>

Hình 1.3.5. Thêm một kiểu dáng hình ảnh

Add image style ☆

Home » Administration » Configuration » Media » Image styles

Image style name *

new style

Machine name: new_style [Edit]

Create new style

Hình 1.3.6. Nhập tên của kiểu dáng hình ảnh muốn thêm

Edit style new style ☆

Home » Administration » Configuration » Media » Image styles

✓ Style new style was created.

Preview

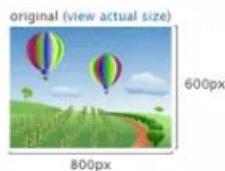


Image style name *

new style

Machine name: new [Edit]

EFFECT

OPERATIONS

+ Select a new effect ▾

Add

Select a new effect

- Up
- Convert
- Crop
- Desaturate
- Resize
- Rotate
- Scale
- Scale and crop

Hình 1.3.7. Chọn phương thức xuất hình

Add Scale and crop effect ☆

Home » Administration » Configuration » Media » Image styles » Edit style

✓ Changes to the style have been saved.

Scale and crop will maintain the aspect-ratio of the original image, then crop the larger edges.

Width *
200 pixels

Height *
200 pixels

Add effect **Cancel**

Hình 1.3.8. Nhập kích thước độ rộng và chiều cao hình ảnh

Edit style *Image style(200x200)* ☆

Home » Administration » Configuration » Media » Image styles

✓ The image effect was successfully applied.

Preview

original (view actual size)

800px

600px

Image style(200x200) (view actual size)

200px

200px

Image style name *
Image style(200x200) Machine name: new [edit]

EFFECT **OPERATIONS** Show row weights

+ Scale and crop 200x200 **Edit** **Delete**

+ Select a new effect **Add**

Update style **Delete**

Hình 1.3.9. Khi tải lên ảnh 800px x 600px hệ thống tạo ra một hình ảnh có kiểu dáng khác với 200px x 200px

Bộ công cụ hình ảnh(Image Toolkit): tùy chỉnh chất lượng hình ảnh khi tải lên trang website. Giá trị càng cao thì chất lượng hình ảnh sẽ tốt hơn nhưng tệp sẽ lớn hơn

The screenshot shows the 'Image toolkit' configuration page. At the top, it says 'Select an image processing toolkit' with 'GD2 image manipulation toolkit' selected. Below that, under 'GD2 IMAGE MANIPULATION TOOLKIT SETTINGS', there is a section for 'JPEG quality' where the value '75 %' is highlighted with a red box. A note below says: 'Define the image quality for JPEG manipulations. Ranges from 0 to 100. Higher values mean better image quality but bigger files.' At the bottom, there is a blue 'Save configuration' button.

Hình 1.3.10. Chất lượng của tệp có đuôi jpeg khi tải lên là 75%

1.3.4. Mọi người(People)

Cài đặt tài khoản (Account settings): Định cấu hình cài đặt tài khoản người dùng mặc định, bao gồm các trường, yêu cầu đăng ký và thông báo email.

The screenshot shows the 'Account settings' page. Under 'Registration and cancellation', there are sections for 'Who can register accounts?' and 'When cancelling a user account'. In 'Who can register accounts?', 'Visitors, but administrator approval is required' is selected. In 'When cancelling a user account', 'Disable the account and keep its content.' is selected. There are also checkboxes for 'Require email verification when a visitor creates an account' (unchecked) and 'Enable password strength indicator' (checked). A note says: 'New users will be required to validate their email address prior to logging into the site, and will be assigned a system-generated password. With this setting disabled, users will be logged in immediately upon registering, and may select their own passwords during registration.' Another note says: 'Users with the Select method for cancelling account or Administer users permissions can override this default method.'

Hình 1.3.11.Tùy chỉnh đăng ký và xóa tài khoản

^ **Anonymous users**

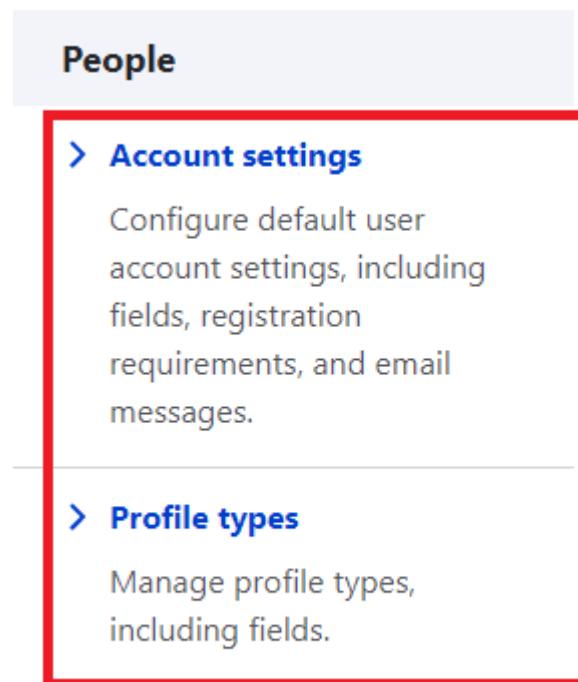
Name*

Ẩn danh

The name used to indicate anonymous users.

Hình 1.3.12. Tùy chỉnh tên hiển thị đối với người dùng ẩn danh

Loại hồ sơ (Profile types): quản lý loại hồ sơ



Hình 1.3.13. Account settings & Profile types

1.3.5. Khu vực và ngôn ngữ (Region and language)

Định dạng ngày và giờ (Date and Time formats): Cho phép tùy chỉnh ngày giờ của hệ thống.

Date and time formats ☆

Home > Administration > Configuration > Regional and language

Add format

NAME	PATTERN	OPERATIONS
Default long date	Wednesday, March 15, 2017 – 15:12	Edit
Default medium date	Wed, 03/15/2017 – 15:12	Edit
Default short date	03/15/2017 – 15:12	Edit
Fallback date format	Wed, 03/15/2017 – 15:12	
HTML Date	2017-03-15	
HTML Datetime	2017-03-15T15:12:45+0700	
HTML Month	2017-03	
HTML Time	15:12:45	
HTML Week	2017-W11	
HTML Year	2017	
HTML Yearless date	03-15	

Hình 1.3.14. Các định dạng ngày và giờ

Add date format ☆

Home > Administration > Configuration > Regional and language > Date and time formats

Name

Vietnamese Time Machine name: vietnamese_time [Edit]

Name of the date format

Format string *

d/m/Y - H:i Displayed as 15/03/2017 – 15:14

A user-defined date format. See the [PHP manual](#) for available options.

Add format

Hình 1.3.15. Thêm định dạng ngày và giờ

Định dạng chuỗi(Format string): là kiểu hiển thị ngày giờ mà người dùng nhập. Lưu ý, kiểu hiển thị ngày giờ phải theo chuẩn PHP

Date and time formats ☆		
Home » Administration » Configuration » Regional and language		
+ Add format		
NAME	PATTERN	OPERATIONS
Default long date	Wednesday, March 15, 2017 – 15:16	Edit ▾
Default medium date	Wed, 03/15/2017 – 15:16	Edit ▾
Default short date	03/15/2017 – 15:16	Edit ▾
Vietnamese Time	15/03/2017 – 15:16	Edit ▾

Hình 1.3.16. Định dạng ngày và giờ của Vietnamese Time sau khi tạo

Thiết lập khu vực(Regional settings): cho phép chọn đất nước mặc định, ngày đầu tiên của tuần và múi giờ

Regional settings ☆

Home » Administration » Configuration » Regional and language

▼ LOCALE

Default country
- None -

First day of week
Sunday ▾

▼ TIME ZONES

Default time zone
Asia/Ho Chi Minh ▾

Users may set their own time zone

Remind users at login if their time zone is not set
Only applied if users may set their own time zone.

Time zone for new users

Default time zone

Empty time zone

Users may set their own time zone at registration
Only applied if users may set their own time zone.

[Save configuration](#)

Hình 1.3.17. Thiết lập khu vực mặc định

Ngôn ngữ (Languages): Định cấu hình ngôn ngữ cho nội dung, giao diện và cấu hình.

Name	Default	Interface translation	Operations
Vietnamese	<input type="radio"/>	3149/4336 (72.62%)	Edit ▼
English	<input checked="" type="radio"/>	not applicable	Edit
Afrikaans	<input type="radio"/>	815/4336 (18.8%)	Edit ▼

[Save configuration](#)

Hình 1.3.18. Lựa chọn ngôn ngữ muốn hiển thị

1.3.6. Tìm kiếm và siêu dữ liệu (Search and metadata)

Cho phép sử dụng tùy chỉnh về tìm kiếm và đường dẫn. Mục URL aliases là một mục khá là quan trọng và hầu như dự án nào của drupal 8 trở lên cũng phải sử dụng.

SEARCH AND METADATA

- Search pages**
Configure search pages and search indexing options.
- URL aliases**
Add custom URLs to existing paths.

Hình 1.3.19. Các mục trong Search and Metadata

1.3.7. Hệ thống (System)

SYSTEM

- Basic site settings**
Change site name, email address, slogan, default front page, and error pages.
- Cron**
Manage automatic site maintenance tasks.

Hình 1.3.20. Các mục trong System

Cài đặt trang web cơ bản(Basic site settings): cho phép thay đổi tên trang web, địa chỉ email, khẩu hiệu, trang đầu tiên mặc định và các trang thông báo lỗi như trang 403, 404

Basic site settings ☆

Home > Administration > Configuration > System

SITE DETAILS

Site name *
Drupal 8.2.6

Slogan
How this is used depends on your site's theme.

Email address *
hoangvanhuu87@gmail.com

The From address in automated emails sent during registration and new password requests, and other notifications. (Use an address ending in .com or .org.)

FRONT PAGE

Default front page
http://drupal826.dev:8080 /node

Optionally, specify a relative URL to display as the front page. Leave blank to display the default front page.

ERROR PAGES

Default 403 (access denied) page
This page is displayed when the requested document is denied to the current user. Leave blank to display a generic "access denied" page.

Default 404 (not found) page
This page is displayed when no other content matches the requested document. Leave blank to display a generic "page not found" page.

Save configuration

Hình 1.3.21.Thiết lập các nội dung trong Basic site settings

Định kỳ(Cron): Cron đảm nhận việc chạy các tác vụ định kỳ như kiểm tra các bản cập nhật và lập chỉ mục nội dung cho tìm kiếm.

The screenshot shows the 'Cron' configuration page in Drupal. At the top left is a 'Run cron' button. Below it, a message says 'Last run: 1 hour 32 minutes ago.' A link to run cron from outside the site is provided: <http://localhost:8080/drupal9/en/cron/moYY0mndokNE0WyQ1TwYHpw1Wj7XRDWNctA5Vcm9wL7UGxXMtWryrKTDiq5pDMXUwlBTtY6Vg>. A section titled 'Cron settings' contains a checked checkbox for 'Detailed cron logging' with the note 'Run times of individual cron jobs will be written to watchdog'. It also shows a dropdown for 'Run cron every' set to '3 hours'. A note at the bottom says 'More information about setting up scheduled tasks can be found by [reading the cron tutorial on drupal.org](#)'. At the bottom left is a blue 'Save configuration' button.

Hình 1.3.22. Giao diện quản lý định kỳ

1.4. Các thành phần của Drupal

1.4.1. Content Type và Node

Content type: Là một kiểu nội dung để cho người dùng cập nhật và tạo bài viết. Trong Content type cho phép tạo ra các trường (fields).

Có 2 kiểu nội dung(Content type) cơ bản là : article và basic page

Article (Bài viết): bao gồm các nội dung tin tức, bài blog, hay thông tin thường xuyên được cập nhật

Basic page (Trang cơ bản): bao gồm các nội dung tương ứng với ít thay đổi, ví dụ như một trang “Giới thiệu”

The screenshot shows the Drupal 9.4.5 administrative interface at the URL <localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/structure>. The top navigation bar includes links for Gmail, YouTube, Online Courses, Cours Using Python, Các kỳ thi - VNĐ..., Tutorial gratuit de..., Data Structure and..., GuideToCompetit..., thinkpython2.pdf, Giáo trình Phương..., Cơ sở dữ liệu..., PDF, and Cơ Sở. The main menu has items for Back to site, Manage, Shortcuts, and the user phuongvy. Below the menu, there are tabs for Content, Commerce, Structure (which is selected), Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. The Structure tab has sub-options: Home, Block layout, Books, Comment types, Contact forms, Content types (which is highlighted with a red border), Display modes, Media types, and System. An error message box at the top states: "There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates." Below the message, the Content types section is described as: "Create and manage fields, forms, and display settings for your content."

Hình 1.4.1.Mục Content Types

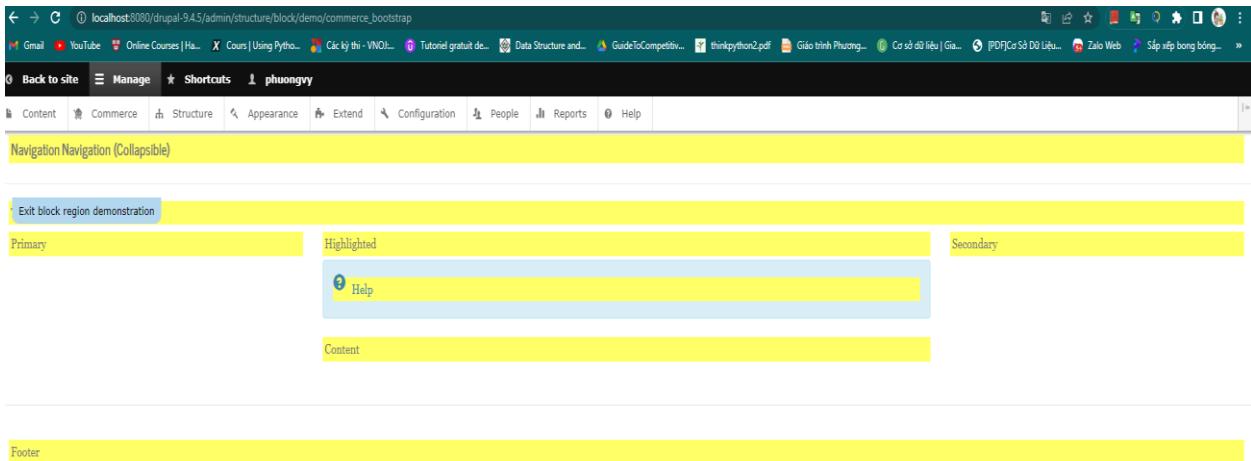
Node: Một “Node” trong Drupal là một thuật ngữ chung cho một phần của nội dung trên trang web. Mỗi “Node” trên trang có một kiểu nội dung (Content type) . Nó cũng có ID, tiêu đề, ngày viết, tác giả , nội dung.

1.4.2. Block và Regions

Drupal chia một trang thành nhiều khu vực (Regions). Region trong Drupal ám chỉ các khu vực trên website, chúng được ghép lại để tạo thành một website như: header, right sidebar, left sidebar, footer,....

Mỗi một giao diện có những khu vực khác nhau và đặt tên khác nhau. Ví dụ với theme của “Bootstrap 3” có các khu vực : Navigation, top bar, primary, highlighted, help, content, secondary, footer.

Regions có thể không chứa, chứa một hoặc nhiều các blocks, còn blocks có thể chứa bất kỳ nội dung nào nó muốn hiển thị.



Hình 1.4.2. Các khu vực theme trong Bootstrap 3

Có thể đặt block vào bất cứ region nào, và di chuyển block từ bất cứ region nào đến các region khác còn lại. Mỗi module đều có thể cung cấp block riêng của nó, vì thế mỗi khi bật một module mới, phải kiểm tra xem có block mới tồn tại hay không để chắc chắn block có thể hiển thị cho đúng người dùng, cần phải điều chỉnh permission được định nghĩa bởi module mới đó.

Mỗi block thực hiện một chức năng, nghiệp vụ trên trang web tùy theo yêu cầu của người sử dụng.

1.4.3. Menu và Taxonomy

Menu

Drupal có một hệ thống menu phức tạp được sử dụng với mục đích chính là xây dựng điều hướng cho trang web. Hệ thống này còn thực hiện chức năng như một công cụ dùng để ánh xạ các URL tới những địa chỉ điều khiển riêng. Menu cũng như Taxonomy cũng có một hệ thống phân cấp cha con

Menu trong Drupal chứa các phần tử (Items), mỗi phần tử (Items) chứa đường dẫn (links hay được gọi là Path).

Menu không hề chứa bất kỳ node nào, mà chỉ chứa duy nhất một thứ gọi là Path. Ta đưa đường dẫn vào phần tử (Items) thì khi người dùng lướt website bấm vào phần tử (Items) đó, hệ thống sẽ nhảy vào trang đó.

The screenshot shows the Drupal 9.4.5 admin interface at localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/structure. The top navigation bar includes links for Gmail, YouTube, Online Courses, Cours Using Python, Các kỳ thi - VNOI..., Tutoriel gratuit de..., Data Structure and..., GuideToCompetit..., thinkpython2.pdf, Giáo trình Phương..., Cơ sở dữ liệu | Gia..., [PDF]Cơ Sở Dữ Liệu..., and Zalo. The main menu has several items: Content, Commerce, Structure (which is selected), Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. Under the Structure menu, there are sections for Contact forms, Content types, Display modes, Media types, Menus (highlighted with a red box), Pages, Taxonomy, Taxonomy manager, Views, and Webforms.

Hình 1.4.3. Mục Menus trong Drupal

The screenshot shows the Drupal 9.4.5 admin menus page at localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/structure/menu. The top navigation bar and main menu are identical to the previous screenshot. The 'Menus' section is displayed, featuring a 'List' tab (selected) and an 'Available attributes' tab. A prominent red box highlights the '+ Add menu' button. Below it, a dark box displays an 'Error message': 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' A table lists five existing menus: Main navigation, Phản hồi, Quản lý, Tools, and User account menu, each with an 'Edit menu' button.

Hình 1.4.4. Nút thêm Menu trong Drupal

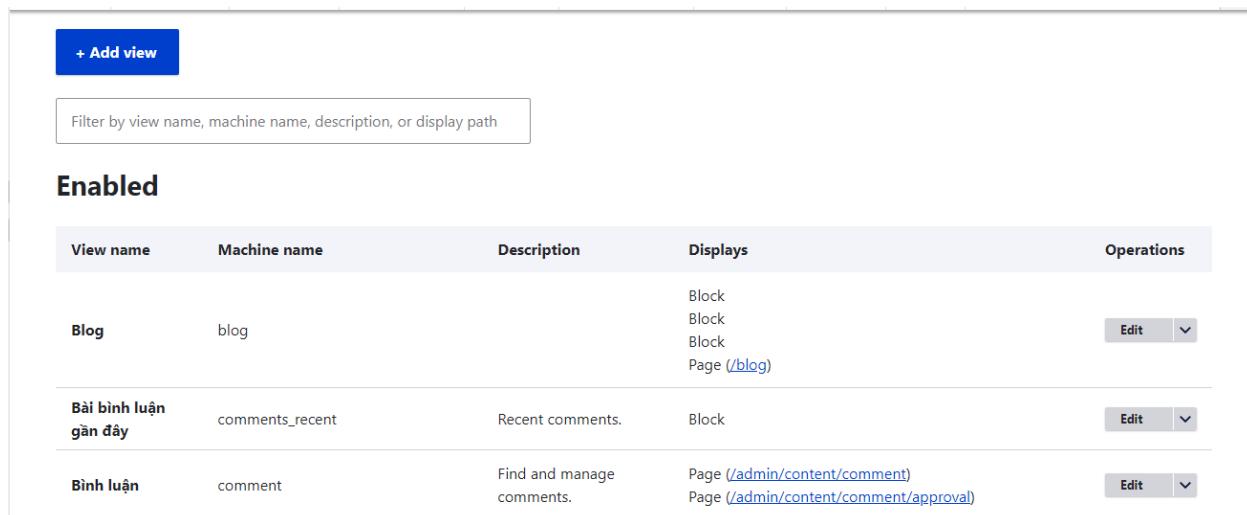
Taxonomy- Vocabulary

Là hệ thống phân loại nội dung. Có thể định nghĩa từ vựng và thêm phần tử cho mỗi từ vựng. Từ vựng có thể là ngang hàng hoặc phân cấp, có thể cho phép lựa chọn một hoặc nhiều và có thể thêm phần tử mới khi tạo hoặc chỉnh sửa nội dung. Mỗi từ vựng có thể được gắn với một hoặc nhiều loại nội dung. Vì vậy, khi người dùng lướt website bấm vào một phần tử thì tất cả bài viết của phần tử này sẽ hiển thị ra. Và đường dẫn của các phần tử này luôn là taxonomy/term/* (* là một số tự nhiên N)

1.4.4. Views

Views là một module quan trọng trong Drupal, dùng để đưa ra các thông tin có chọn lọc theo điều kiện cụ thể của người dùng. Bản chất của views chỉ là những câu truy vấn trong SQL.

Trong quá trình thiết kế website, người quản trị muốn người dùng xem gì, sắp xếp thế nào đều thường là dùng Views.



Enabled				
View name	Machine name	Description	Displays	Operations
Blog	blog		Block Block Block Page (/blog)	Edit ▾
Bài bình luận gần đây	comments_recent	Recent comments.	Block	Edit ▾
Bình luận	comment	Find and manage comments.	Page (/admin/content/comment) Page (/admin/content/comment/approval)	Edit ▾

Hình 1.4.5. Giao diện Views và nút thêm View

1.4.5. Modules

Module được chia làm 2 loại : module core và module contributed.

Các module core được tích hợp sẵn trong Drupal, có thể bật chức năng của nó mà không cần cài đặt phần mềm bổ sung. Các module contributed được tải về từ mục “Download” các module của drupal.org và được cài đặt trong thư mục cài đặt Drupal. Để sử dụng một module thì người quản trị phải bật nó lên trong mục “Extend”.

The screenshot shows the Drupal 9.4.5 administration interface at localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/modules. The top navigation bar includes links for Gmail, YouTube, Online Courses, Coursera, Using Python, Các kỳ thi - VNOI..., Tutorial gratuit de..., Data Structure and..., GuideToCompetitiv..., thinkpython2.pdf, Giáo trình Phương..., Cơ sở dữ liệu..., PDF, Cơ sở dữ liệu..., and Zalo. The main menu has items for Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend (which is highlighted with a red box), Configuration, People, Reports, and Help. A sub-menu for 'Extend' contains 'Content', 'Commerce', 'Structure', 'Appearance', 'Extend', 'Configuration', 'People', 'Reports', and 'Help'. A note at the top says 'Add contributed modules to extend your site's functionality.' Below this, it says 'Regularly review and install available updates to maintain a secure and current site. Always run the update script each time a module is updated.' A blue button labeled '+ Add new module' is visible. A filter box with the placeholder 'Filter by name or description' is present. The 'Core' section is expanded, showing a list of modules with checkboxes. The 'Automated Cron' module is checked and highlighted with a red box. Other checked modules include BigPipe, Block, Book, and Breakpoint. Descriptions for each module are provided to the right.

Hình 1.4.6. Mục Extend và các nút bật tắt module

Ngoài ra, có thể tạo các module riêng, điều này cần một sự hiểu biết thấu đáo về Drupal, lập trình PHP và các module của Drupal API.

1.4.6. Theme

Điều khiển cách trang web được hiển thị bao gồm giao diện đồ họa, bố cục, và màu sắc. Theme bao gồm một hay nhiều một tập tin PHP để xác định đầu ra HTML của các trang web cùng với một hoặc nhiều file CSS để xác định bố cục, phông chữ, màu sắc.

The screenshot shows the Bartik 9.4.5 theme configuration page. At the top, there is a banner with the text 'Bartik' and a brief description: 'A flexible, recolorable theme with many regions and a responsive, mobile-first layout.' Below the banner, there is a preview of the theme showing a login form with fields for 'Email', 'Password', and 'Log in'. There are also links for 'Forgot your password?' and 'Create new account'. The main content area has a heading 'Bartik 9.4.5' and the same descriptive text. At the bottom, there are three buttons: 'Settings' (with a gear icon), 'Uninstall' (with a trash can icon), and 'Set as default' (with a checkmark icon).

Hình 1.4.7. Theme Bartik 9.4.5

1.4.7. User, Permission và Role

User:

Một kiểu đối tượng quan trọng trong Drupal là đối tượng người dùng(User). Thông tin về người dùng được sử dụng trong việc xác thực, định nghĩa các thiết lập cá nhân và quyền hạn.

Có 2 loại người dùng :

Authenticated User : là người dùng(User) đã đăng ký tài khoản có thể là và đã đăng nhập. Đối với Drupal, tài khoản được tạo ra đầu tiên trong hệ thống người dùng(User) của Drupal sẽ có quyền lực tối cao và bắt cứ việc gì và có thể giới hạn quyền truy cập, sử dụng của các người dùng(User) khác.

Anonymous User : là người dùng (User) không đăng ký hoặc chưa đăng nhập. Người dùng (User) này sẽ bị giới hạn khá nhiều quyền truy cập.

Role và permission (Vai trò và quyền hạn):

Phương thức quản lý quyền hạn, phân quyền của người dùng(User) trong Drupal.

Mỗi người dùng(User) đều có mã xác định là ID, và người dùng không phải là nặc danh thì có tên người dùng, địa chỉ email.

Với người dùng có ID = 0 : là người dùng đặc biệt có quyền làm mọi thứ trên trang web và có quyền tạo các tài khoản.

Mỗi một người dùng(User) được gán một số quyền (Permission) thông qua các vai trò(Role), một vai trò (Role) là một tập hợp các quyền(permission).

Permission	Anonymous user	Authenticated user	Content editor	Administrator
Advanced Queue				<input checked="" type="checkbox"/>
Administer queues <small>Warning: Give to trusted roles only; this permission has security implications.</small>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Block				<input checked="" type="checkbox"/>
Administer blocks	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Book				

Hình 1.4.8. Permission và Role trong mục People của Drupal

1.4.8. Database

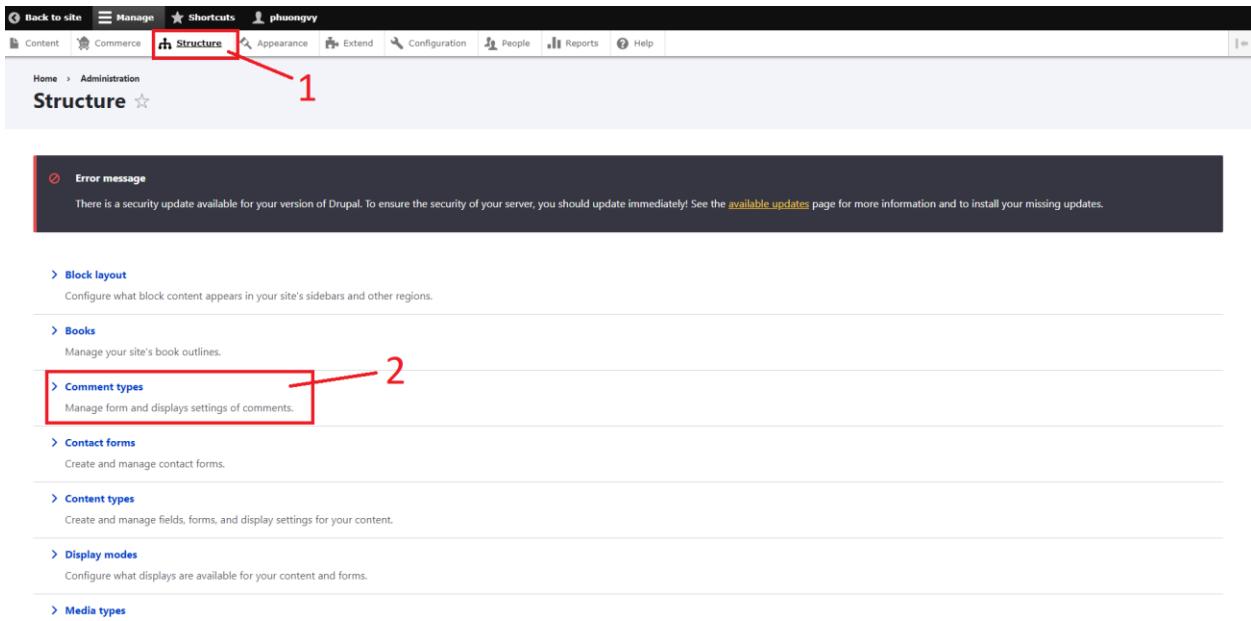
Drupal lưu trữ thông tin trong cơ sở dữ liệu, mỗi loại thông tin có bảng cơ sở dữ liệu của riêng mình. Ví dụ, các thông tin cơ bản về các “Node” trên trang web được lưu trữ trong bảng “Node”. User cũng có bảng cơ sở dữ liệu riêng của nó.

1.4.9. Path

Khi bạn truy cập một địa chỉ URL trong trang web, một phần của địa chỉ URL sau địa chỉ cơ bản của trang web được gọi là Path.

1.4.10. Comment Types

Là một loại nội dung có thể có trên trang web nếu kích hoạt module comment. Mỗi comment gắn với một “node” cụ thể.



Hình 1.42: Comment types trong Drupal

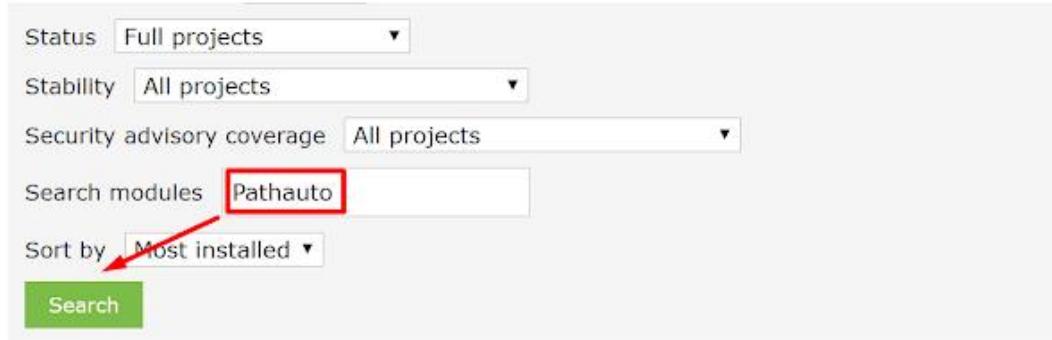
1.5. Cách thêm và xóa một module trong Drupal

1.5.1. Thêm module

Các module core chỉ cung cấp cho chúng ta các chức năng cần thiết, cơ bản ban đầu. Thực tế khi thiết kế một website, chúng ta luôn cần thêm một số module khác, chức năng khác để hỗ trợ và tạo ra một website chuyên nghiệp. Các module này được cộng đồng mạng phát triển, có thể có phí hoặc miễn phí. Nhưng đa phần các chức năng chúng ta cần sẽ miễn phí và thường được tải về ngay tại trang chính của cộng đồng Drupal, hoặc có thể truy cập nhanh vào đường dẫn: "https://www.drupal.org/project/project_module".

Các bước để thêm một module trong Drupal:

Bước 1: Tìm đến mục Search modules , gõ vào tên module muốn cài đặt, sau đó bấm Search để tìm kiếm trong danh sách các module có sẵn



Extend and customize Drupal functionality with contributed modules. If a module doesn't quite do what you want it to do, if you find a bug or have a suggestion, then [join forces](#) and help the module maintainer. Or, share your own by [starting a new module](#).

Pathauto

By Dave Reid on 15 February 2005, updated 25 May 2018

The Pathauto module automatically generates URL/path aliases for various kinds of content (nodes, taxonomy terms, users) without requiring the user to manually specify the path alias. This allows you to have URL aliases like /category/my-node-title instead of /node/123. The aliases are based upon a "pattern" system that uses tokens which the administrator can change.



Requirements

- Token
- CTools (8.x-1.x only)

Hình 1.5.1. Module Pathauto

Nếu từ khóa gõ vào phù hợp, các module tương ứng sẽ xuất hiện ở phía dưới phần tìm kiếm, ta tiến hành tìm kiếm modules phù hợp. Mỗi module xuất hiện sẽ có các thông tin liên quan như mô tả về module, các yêu cầu đối với modules đó.

Nhấp chuột vào module muốn cài đặt. Hệ thống sẽ hiển thị một số thông tin về module đó như người bảo trì, bảng thống kê,... Ở cuối trang sẽ là thông tin phiên bản phát hành (Releases), người dùng sẽ tiến hành lựa chọn các bản phù hợp với phiên bản Drupal hiện tại của mình.

Bước 2 : Cài đặt modules

Có 2 cách cài đặt modules : cài đặt trực tuyến (Online) và cài đặt ngoại tuyến (Offline).

Đối với cài đặt trực tuyến (Online): người dùng có thể sao chép trực tiếp đường dẫn của modules và dán vào phần cài đặt Modules trong Drupal. Đầu tiên, người dùng tiến hành sao chép địa chỉ liên kết đường link có đuôi tar.gz



Hình 1.5.2. Sao chép trực tiếp đường dẫn của module

Hình 1.44 : Sao chép trực tiếp đường dẫn của module

Tiếp theo. Người dùng vào mục Extend của Drupal và chọn Install new module

The screenshot shows the Drupal administration interface with the 'Extend' tab selected (highlighted by a red box and a yellow circle with the number 1). Below the tabs, there are three buttons: 'List', 'Update', and 'Uninstall'. A message box contains a warning about available updates. At the bottom, a large blue button labeled '+ Install new module' is highlighted with a red box and a yellow circle with the number 2.

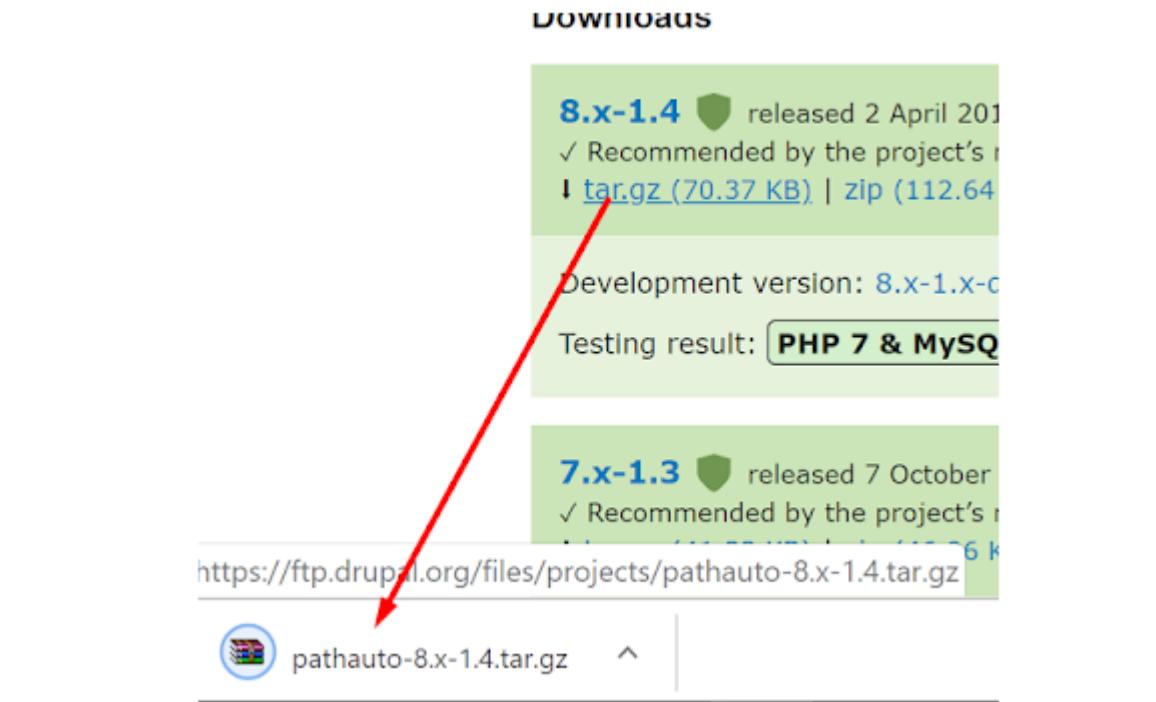
Hình 1.5.3. Giao diện mục Extend

Sau đó, người dùng tiến hành dán trực tiếp đường dẫn đã sao chép vào phần Install from a URL, sau đó bấm Install để cài đặt module.

The screenshot shows the 'Install new module' page. It includes a message about finding modules and themes on drupal.org, a field for 'Install from a URL' containing 'https://ftp.drupal.org/files/projects/pathauto-8.x-1.4.tar.gz', and a file upload section. A red arrow points from the 'Install from a URL' field to the 'Install' button at the bottom, which is highlighted with a red box and a yellow circle with the number 1.

Hình 1.5.4. Giao diện Install new module

Đối với cài đặt ngoại tuyến (Offline) : người dùng tải module về máy tính và cài đặt bằng tệp vừa tải về



Hình 1.5.5. Bấm vào đường dẫn để tải về máy tính cá nhân

Install new module

Home » Administration » Extend

You can find **modules** and **themes** on [drupal.org](#). The following file extensions are supported: .tar.gz, .tar, .zip.

Install from a URL

For example: <https://ftp.drupal.org/files/projects/name.tar.gz>

Or

Upload a module or theme archive to install

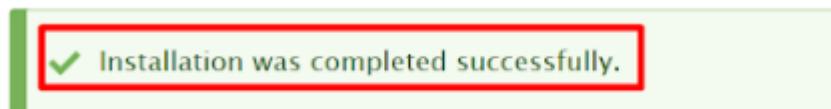
[Browse...](#)

For example: `name.tar.gz` from your local computer

Install

Hình 1.5.6. Giao diện Install new module

Update manager



pathauto

- Installed *pathauto* successfully

Next steps

- [Install another module](#)
- [Enable newly added modules](#) (highlighted with a red rectangular border)
- [Administration pages](#)

Hình 1.5.7. Thêm module thành công

Bước 3: Sau khi cài đặt xong một module, hệ thống sẽ thông báo việc cài đặt module thành công (hoặc thất bại). Có thể chọn Install another module để cài đặt module khác, hoặc Enable newly added modules để kích hoạt module vừa cài đặt. Nếu ta chọn kích hoạt để sử dụng module, hệ thống sẽ quay trở lại danh sách các module đã cài đặt trong hệ thống, ta có thể gõ tên của module trên ô tìm kiếm hoặc kéo chuột để tìm module mà ta muốn kích hoạt để sử dụng. Người dùng lưu ý đến mục Yêu cầu (Requires) của module muốn kích hoạt, nếu các module nằm trong mục Yêu cầu chưa được bật/cài (disabled), người dùng tiến hành bật/cài module đó trước khi tiến hành kích hoạt module.



Hình 1.5.8. Kích hoạt module Pathauto với điều kiện đã cài đặt 2 module khác



Hình 1.5.9. Hệ thống thông báo kích hoạt các module liên quan đến module cần kích hoạt

The screenshot shows the "Extend" page of the Drupal administration interface. The title "Extend" is at the top with a yellow star icon. Below it are three buttons: "List", "Update", and "Uninstall". Underneath these buttons, the breadcrumb navigation shows "Home » Administration". A green success message box contains the text: "✓ 3 modules have been enabled: Pathauto, Chaos Tools, Token.".

Hình 1.5.10. Kích hoạt module thành công

1.5.2. Xóa module

Bước 1 : Nhấp chuột vào mục Uninstall trong mục Extend

The screenshot shows the Extend page of a Drupal 9.4.5 administration interface. At the top, there is a navigation bar with links like Back to site, Manage, Shortcuts, and the user phuongvy. Below the navigation is a toolbar with icons for Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend (which is highlighted with a red box and labeled '1'), Configuration, People, Reports, and Help.

The main content area has a title 'Extend' with a star icon. Below it are three tabs: List (selected), Update, and Uninstall (highlighted with a red box and labeled '2').

Two message boxes are displayed:

- Error message:** There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available_updates](#) page for more information and to install your missing updates.
- Warning message:** There are updates available for one or more of your modules or themes. To ensure the proper functioning of your site, you should update as soon as possible. See the [available_updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Below the messages, there is a note: 'Add [contributed modules](#) to extend your site's functionality. Regularly review and install [available updates](#) to maintain a secure and current site. Always run the [update script](#) each time a module is updated.'

A blue button '+ Add new module' is visible. A 'Filter' section with a search input 'Filter by name or description' is also present.

Hình 1.5.11. Giao diện trong mục Extend

The screenshot shows the Uninstall page for the 'Address' module in a Drupal 9.4.5 administration interface. The URL is localhost:8080/drupal-9.4.5/admin/modules/uninstall.

The page title is 'Uninstall' with a star icon. Below it are three tabs: List, Update, and Uninstall (highlighted with a red box).

An error message box states: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available_updates](#) page for more information and to install your missing updates.'

The main content area shows a table with columns: Uninstall, Name, and Description.

Uninstall	Name	Description
<input checked="" type="checkbox"/>	Address	<p>Provides functionality for handling postal addresses.</p> <p>The following reasons prevent Address from being uninstalled:</p> <ul style="list-style-type: none"> The Address field type is used in the following field: profile.address Required by: commerce, commerce_price, commerce_store, commerce_number_pattern, commerce_order, commerce_product, commerce_cart, commerce_checkout, commerce_log, commerce_payment, commerce_payment_example, commerce_promotion, commerce_tax, commerce_cart_redirection, commerce_recurring, commerce_shipping
<input checked="" type="checkbox"/>	Advanced Queue	<p>Provides a better Queue API.</p> <p>The following reason prevents Advanced Queue from being uninstalled:</p> <ul style="list-style-type: none"> Required by: commerce_recurring
<input type="checkbox"/>	Automated Cron	Provides an automated way to run cron jobs, by executing them at the end of a server response.
<input type="checkbox"/>	BigPipe	Sends pages using the BigPipe technique that allows browsers to show them much faster.

Hình 1.5.12. Giao diện sau khi nhấp chuột vào Uninstall

Bước 2 : Tìm kiếm và chọn module cần gỡ bỏ

The screenshot shows the 'Uninstall' tab selected in the Drupal admin interface. A search bar at the top contains the text 'webform'. Below it, a table lists three modules:

Uninstall	Name	Description
<input type="checkbox"/>	Webform	Enables the creation of webforms and questionnaires. The following reasons prevent Webform from being uninstalled: <ul style="list-style-type: none">There is content for the entity type: Webform submission. Remove submissions.Required by: webform_bootstrap, webform_ui
<input checked="" type="checkbox"/>	Webform Bootstrap	Helps support Webform to Bootstrap integration.
<input checked="" type="checkbox"/>	Webform UI	Provides a user interface for building and maintaining webforms.

A large red box highlights the 'Uninstall' button at the bottom left of the page.

Hình 1.5.13. Lựa chọn gỡ bỏ module của Webform

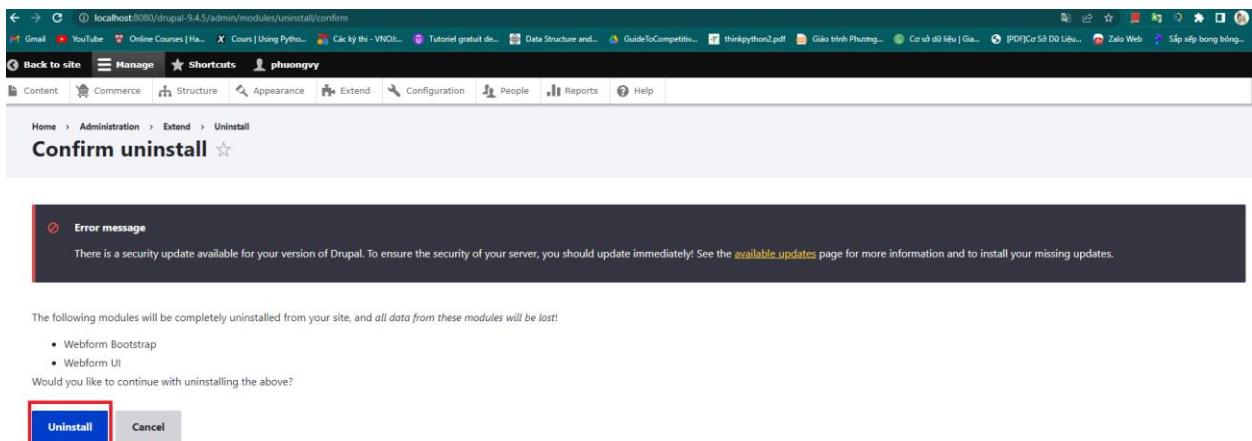
Bước 3 : Nhấp chuột vào nút Uninstall để gỡ bỏ

The screenshot shows the same 'Uninstall' tab and search results as the previous image. Three red numbers are overlaid on the interface:

- Number 1 points to the search bar containing 'webform'.
- Number 2 points to the checkbox next to 'Webform Bootstrap'.
- Number 3 points to the large 'Uninstall' button at the bottom left.

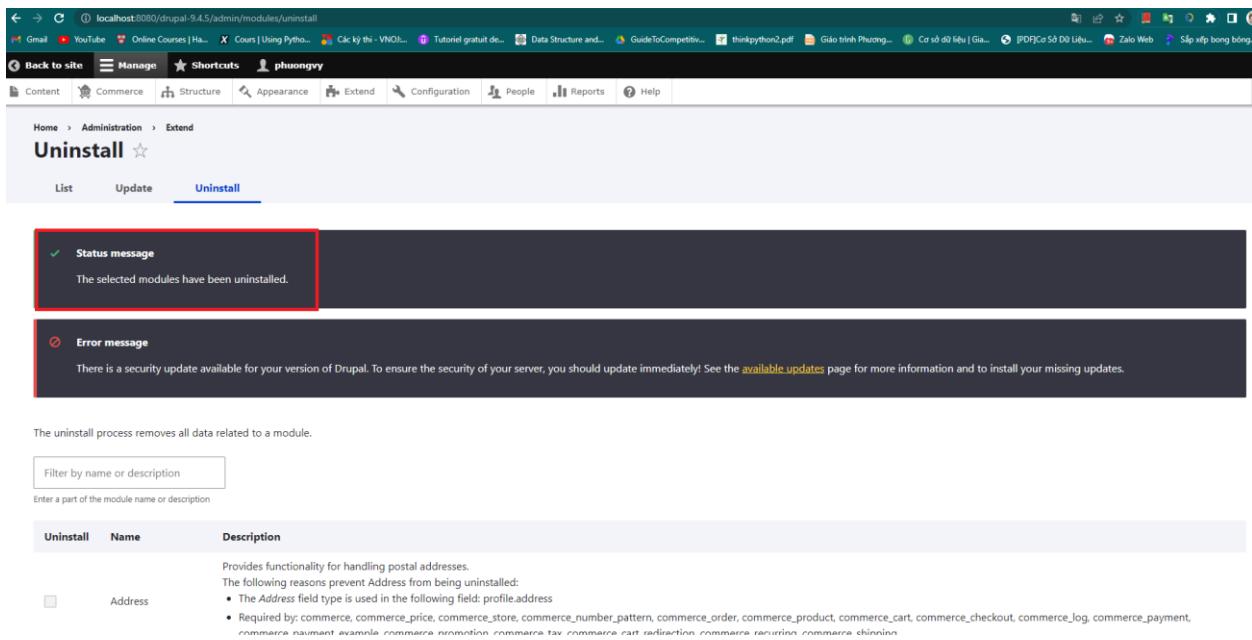
Hình 1.5.14. Nhấn nút Uninstall

Bước 4 : Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận, tiếp tục nhấn nút Uninstall để xác nhận gỡ bỏ



Hình 1.5.15. Thông báo xác nhận gỡ bỏ

Bước 5: Hệ thống hiển thị thông báo gỡ bỏ thành công, module đã được xóa khỏi Drupal



Hình 1.5.16. Thông báo gỡ bỏ thành công

1.6. Cài đặt và thay đổi theme trong Drupal

Bước 1: Lựa chọn theme phù hợp

Vào địa chỉ “https://www.drupal.org/project/project_theme” để lựa chọn các theme phù hợp. Người dùng tiến hành tìm kiếm các theme thích hợp với yêu cầu sử dụng

Nexus Theme ← Bấm vào đây để vào chi tiết theme

By devsaran on 4 September 2013, updated 21 April 2018

Nexus theme is an elegant and flat responsive Drupal theme design by Devsaran. This theme could easily be used for a blog, small business, portfolio or a variety of other websites. The theme was designed using flat elements for the header, navigation, buttons and more. This sharp design is elegant, modern and functional. The clean elements are easy for users to understand and make navigating your website a pleasure.

Features

- **Responsive, Mobile-Friendly Theme**
- Simple, Minimal and Clean Design
- 1-column and 2-columns layout
- Mobile support (Smartphone, Tablet, Android, iPhone, etc)
- Flex Image Slideshow with Caption (Customizable)
- Multi-level drop-down menus (Multilingual menu)
- **HTML5 & super clean markup**
- **A total of 12 block regions**
- Drupal standards compliant and Supported standard theme features
- Google Font and nice typography
- Ideal for business, company and portfolio sites
- Detailed CSS rules for Typography, Forms Elements, Node Teaser, Comments, etc.



Hình 1.6.1. Giao diện thông tin của Nexus Theme

Bước 2: Cài đặt theme

Tương tự như cài đặt module thì cài đặt theme cũng có hai cách cài đặt theme: cài đặt trực tuyến (Online) và cài đặt ngoại tuyến (Offline).

Đối với cài đặt ngoại tuyến (Offline): Người dùng nhấn vào đường dẫn của phiên bản Theme phù hợp và tải tệp về máy tính cá nhân.



Hình 1.6.2. Tải tệp về máy tính cá nhân

Sau khi lưu về máy thành công, chọn mục Appearance, bấm chọn Install new theme.

The screenshot shows the Drupal administration menu bar with several items: Back to site, Manage, Shortcuts, and root. Below the menu bar is a horizontal navigation bar with links for Content, Structure, Appearance (which is highlighted with a red box), Extend, and Configuration. Underneath this is a secondary navigation bar with List, Update, and Settings buttons.

Below the navigation bars, the page title is Home » Administration. A yellow warning box contains the text: "⚠ There are updates available for your version of Drupal. To ensure the proper functionality of your site, install your missing updates." A red arrow points from this warning box towards the "+ Install new theme" button.

The main content area is titled "Set and configure the default theme for your website. Alternative themes are available." It also states, "You can place blocks for each theme on the block layout page." A red box highlights the "+ Install new theme" button.

Installed themes

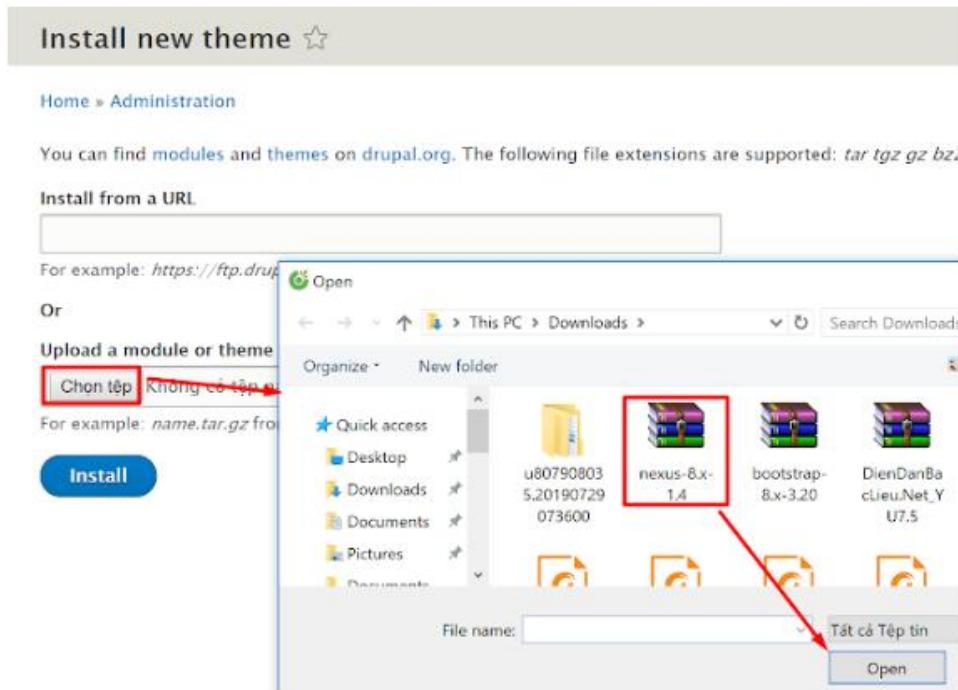


Bartik 8.7.1 (default theme)
A flexible, recolorable theme with many

Settings

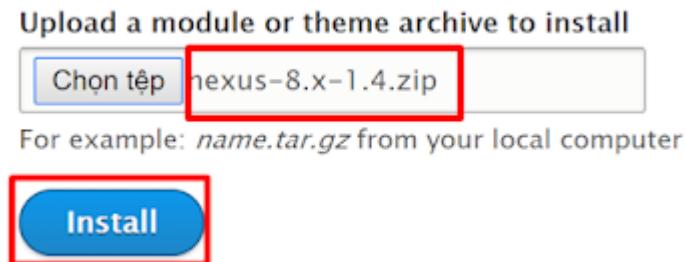
Hình 1.6.3. Giao diện mục Appearance

Giao diện Install New Theme xuất hiện, có hai tùy chọn [Install from a URL] sử dụng cho cách cài đặt trực tuyến (Online) và [Upload a module or theme] sử dụng cho cách cài đặt ngoại tuyến (Offline).



Hình 1.6.4. Chọn tệp để Install

Sau khi chọn được tệp tin theme, bấm Install để cài đặt.



Hình 1.6.5. Sau khi chọn tệp và cài đặt

Update manager



nexus

- Installed *nexus* successfully

Next steps

- [Install newly added themes](#)
- [Administration pages](#)

Hình 1.6.6. Thông báo cài thành công

Bước 3: Thay đổi theme trong Drupal

Ở giao diện cài đặt Theme, tìm theme vừa cài đặt thành công. Bấm Install and set as default để cài đặt và đặt theme này là theme mặc định.



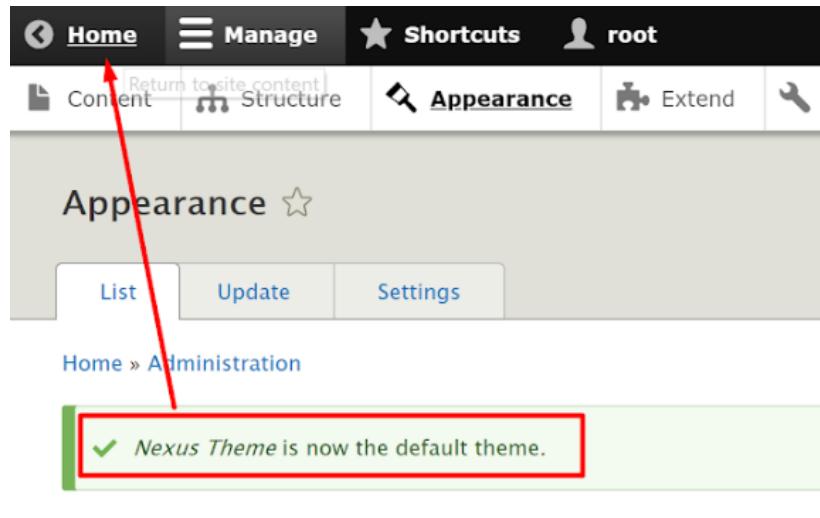
Nexus Theme 8.x-1.4

Nexus Theme is a premium Drupal 7 theme. Developed by Devsaran.com.

[Install](#) | [Install and set as default](#)

Hình 1.6.7. Ở giao diện cài đặt theme chọn Install and set as default

Sau khi nhấn xong, hệ thống sẽ thông báo việc thiết lập theme mặc định của website thành công, nhấn vào Home để quay về giao diện người dùng website sau khi thay đổi theme.



Hình 1.6.8. Thông báo cài Theme thành công

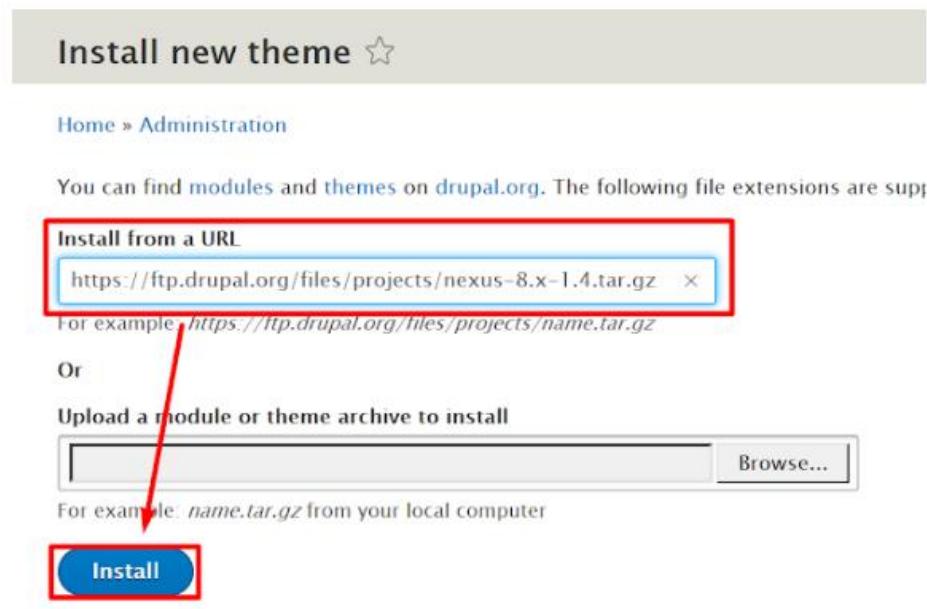
Đối với cài theme trực tuyến (Online): Về cơ bản giống như cài đặt theme ngoại tuyến (Offline) nhưng có 2 điểm khác nhau là:

Thứ nhất, không cần tải theme về máy cá nhân mà chỉ cần sao chép đường dẫn của theme cần cài đặt. Người dùng tiến hành sao chép địa chỉ liên kết đường link có đuôi tar.gz.



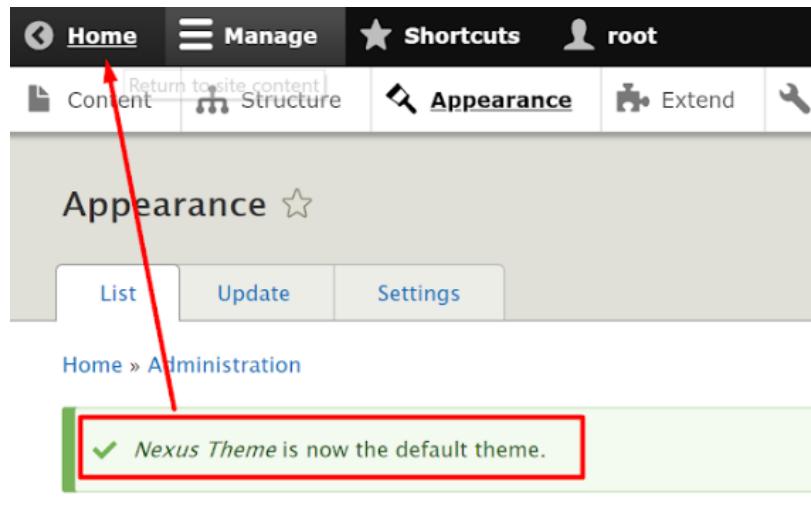
Hình 1.6.9. Sao chép đường dẫn

Thứ hai, thay vì chọn tệp để cài đặt thì chỉ cần dán đường dẫn vừa sao chép vào phần cài đặt theme.



Hình 1.6.10. Dán đường dẫn vừa sao chép và nhấn nút Install

Sau khi nhấn nút Install, hệ thống hiện thông báo cài đặt theme thành công.



Hình 1.6.11. Thông báo cài thành công

1.7. Việt hóa Drupal

Bước 1: Vào cấu hình (Configuration) và chọn ngôn ngữ(Languages)

The screenshot shows the Drupal Configuration page. A red box labeled '1' highlights the 'Configuration' tab in the top navigation bar. Another red box labeled '2' highlights the 'Languages' link under the 'Regional and language' heading.

Hình 1.7.1. Chọn ngôn ngữ trong Configuration

Bước 2: Nhấn nút “Add language” để thêm ngôn ngữ.

The screenshot shows the 'Languages' configuration page. A red box highlights the '+ Add language' button. Below the table, there is a 'Save configuration' button.

Name	Default	Interface translation	Operations
English	●	not applicable	Edit

Hình 1.7.2. Thêm ngôn ngữ

Bước 3: Chọn ngôn ngữ và nhấn nút “Add language” để thêm ngôn ngữ.

[Back to site](#) [Manage](#) [Shortcuts](#) [phuongvy](#)

Content Commerce Structure Appearance Extend Configuration People Reports Help

Home > Administration > Configuration > Regional and language > Languages

Add language ☆

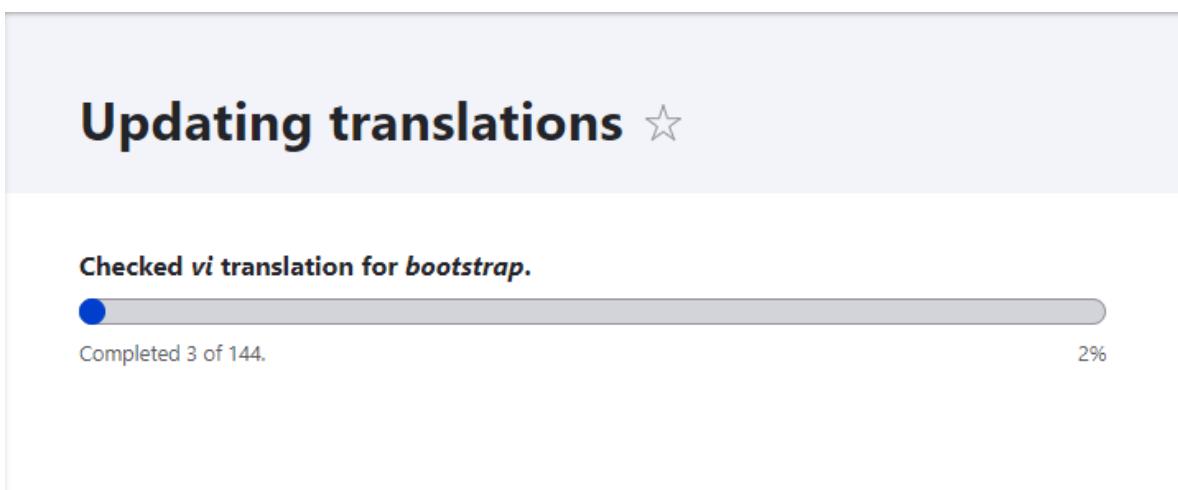
! **Error message**
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Add a language to be supported by your site. If your desired language is not available, pick *Custom language...* at the end and provide a language code and other details manually.

Language name Vietnamese 1

Add language 2

Hình 1.7.3. Chọn ngôn ngữ và thêm ngôn ngữ



Hình 1.7.4. Hệ thống đang cài đặt

✓ **Status message**
The language Vietnamese has been created and can now be used.
Use one of the language switcher blocks to allow site visitors to switch between languages. You can enable these blocks on the [block administration page](#).
6 translation files imported. 180 translations were added, 57 translations were updated and 0 translations were removed.
No configuration objects have been updated.

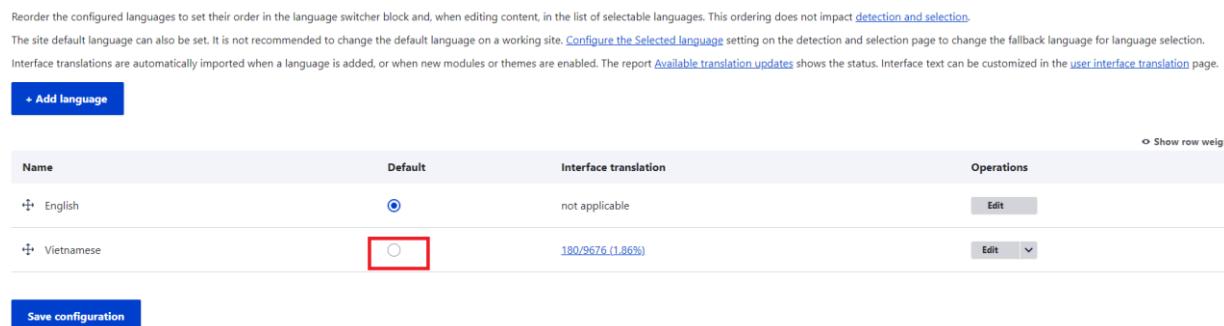
Hình 1.7.5. Hệ thống thông báo thành công

Bước 4: Lựa chọn ngôn ngữ mặc định.

Reorder the configured languages to set their order in the language switcher block and, when editing content, in the list of selectable languages. This ordering does not impact [detection and selection](#).
The site default language can also be set. It is not recommended to change the default language on a working site. [Configure the Selected language](#) setting on the detection and selection page to change the fallback language for language selection.
Interface translations are automatically imported when a language is added, or when new modules or themes are enabled. The report [Available translation updates](#) shows the status. Interface text can be customized in the [user interface translation](#) page.

Name	Default	Interface translation	Operations
English	<input checked="" type="radio"/>	not applicable	Edit
Vietnamese	<input type="radio"/>	180/9676 (1.86%)	Edit

[Save configuration](#)



The screenshot shows a table with three columns: Name, Default, and Interface translation. There are two rows. The first row for 'English' has a radio button next to 'Default' that is checked. The second row for 'Vietnamese' has an empty radio button next to 'Default'. A red box highlights the empty radio button for Vietnamese. The 'Interface translation' column shows 'not applicable' for English and '180/9676 (1.86%)' for Vietnamese. The 'Operations' column contains 'Edit' links for both rows. At the bottom left is a blue 'Save configuration' button. At the top right is a link 'Show row weights'.

Hình 1.7.6. Chọn ngôn ngữ mặc định cho Drupal

CHƯƠNG 2 : XÂY DỰNG WEBSITE BÁN GIÀY “BAMBO’SVN” VỚI MÃ NGUỒN DRUPAL 9

2.1. Cài đặt các module và theme hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử

2.1.1. Cài đặt các module hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử

Module Ludwig : tạo một danh sách các thư viện yêu cầu của các module được tải.

Download missing packages (0)							
Package	Namespace	Paths	Resource	Version	Required by	Status	
phpmailer/phpmailer	PHPMailer\PHPMailer	src	psr-4	v6.6.3	SMTP Authentication Support	Installed	
doctrine/collections	Doctrine\Common\Collections	lib/Doctrine/Common/Collections	psr-4	1.6.8	Address	Installed	
commerceguys/addressing	CommerceGuys\Addressing	src	psr-4	v1.4.0	Address	Installed	
commerceguys/intl	CommerceGuys\Intl	src	psr-4	v1.0.5	Commerce	Installed	
phpmailer/phpmailer				v6.6.0	phpmailer_smtp	Overridden	

Hình 2.1.1. Các gói thư viện yêu cầu của từng Module

Module Commerce Core: các tính năng cốt lõi trong module này như tạo các loại sản phẩm với thuộc tính tùy chỉnh, nhiều loại đơn đặt hàng và luồng thanh toán tương quan, khuyến mãi và nhiều loại ưu đãi, điều kiện và phiếu giảm giá, thuế và quản lý đơn hàng.

Module Address: cung cấp chức năng lưu trữ, xác thực và hiển thị các địa chỉ bưu chính quốc tế.

Module Entity API: mở rộng API thực thể của lõi Drupal nhằm cung cấp một cách thống nhất để xử lý các thực thể và thuộc tính của chúng. Ngoài ra, nó cung cấp một bộ điều khiển CRUD(tạo, chỉnh sửa, xóa, đọc) giúp đơn giản hóa việc tạo các loại thử thê mới.

Module Entity Reference Revisions : Thêm loại trường tham chiếu thực thể và hỗ trợ sửa đổi. Thực thể con là một thành phần của thực thể mẹ, khi thực thể mẹ được cập nhật, thì thực thể được tham chiếu cũng được cập nhật.

Module Inline Entity form: cung cấp một tiện ích để quản lý nội tuyến (tạo, sửa, đổi, xóa) các thực thể được tham chiếu.

Module Profile : cung cấp hồ sơ người dùng có thể định cấu hình.

Module State Machine : cung cấp chức năng quy trình công việc dựa trên mã. Quy trình công việc là một tập hợp các trạng thái và quá trình chuyển đổi mà một thực thể trải qua trong vòng đời của nó. Quá trình chuyển đổi đại diện cho liên kết một chiều giữa hai trạng thái và có nhãn riêng.

Module Commerce Cart Redirection : chuyển hướng người dùng đến thanh toán, giỏ hàng hoặc một vị trí tùy ý tùy ngay sau khi người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng, hành động này có thể lọc theo loại biến thể sản phẩm.

Module Library API : module này lưu trữ chung các thư viện tương ứng cho các module đã đóng góp trên cộng đồng Drupal. Người tạo module sẽ cung cấp thư viện đi kèm của module đó.

Module Flex Slider: được tích hợp thư viện Flex Slider với Drupal và một số module đóng góp khác. Module này cho phép xây dựng các trình chiếu hình ảnh, có thể thay đổi kích thước, có nghĩa là các trình chiếu này tự động thích ứng với kích thước của cửa sổ trình duyệt hoặc thiết bị.

Module Colorbox : hoạt động như một trình định dạng trong thực thể.

Module Search API: cung cấp một khung để dễ dàng tạo các tìm kiếm trên bất kỳ thực thể nào được biết đến với Drupal, sử dụng bất kỳ loại công cụ tìm kiếm nào.

Module Bootstrap View: cho phép tạo các thành phần theo cấu trúc chủ đề của khung Bootstrap. Module này hoạt động chỉ khi sử dụng theme Bootstrap 3 làm giao diện mặc định.

Module ColorField: sử dụng ký hiệu HEX cho sự kết hợp các giá trị màu : đỏ, xanh lục và lam (RGB). Độ mờ cũng được hỗ trợ và có thể tắt hoặc bật tùy vào trường hợp mà quản trị viên muốn sử dụng. Các trình định dạng mặc định của module này là: Văn bản thuần túy(Plain text), CSS Declaration - hỗ trợ mã màu. Ngoài ra, module này còn hỗ trợ các thư viện khác nhau tùy vào nhu cầu và sở thích của người dùng. Các thư viện là :jQuery Simple Color, Spectrum Color Picker, DOMPurify.

Module Layout Builder: một bộ công cụ thiết kế trực quan và linh hoạt cho phép quản trị viên tạo nội dung với nhiều bố cục khác nhau thông qua hành động kéo thả bố cục. Hai khái niệm chính được sử dụng trong module : phần (Section) và khối (Block).

+ Phần (Sestion): là các thùng chứa các khối (Block). Mỗi bộ cục có thể có nhiều phần(estion) theo yêu cầu, nhưng phải có ít nhất một phần(estion). Các phần(estion) tạo thành bộ cục

+ Khối (Block) : một khối(Block) là một thành phần nội dung được trong các thành phần. Các khối đại diện cho nội dung sẽ xuất hiện ở đó.

Module Token : cung cấp các thông báo bổ sung không được lõi hỗ trợ, cũng như giao diện người dùng để duyệt các mã thông báo.

Module Social API: xác thực các dịch vụ xã hội bên ngoài, cung cấp một module có thể mở rộng cho phép tích hợp các module để xác thực người dùng.

Module Social Oauth : là một phần của module Social API. Nó cung cấp một giao diện chung để tạo các module liên quan xác thực người dùng bằng tài khoản từ các nhà cung cấp bên ngoài.

Module Social Auth Google : cho phép người dùng đăng ký và đăng nhập vào trang web bằng tài khoản Google của họ. Do đó, mọi tác vụ yêu cầu xác thực với dịch vụ của Google đều có thể được thực hiện. Sau khi Google điều hướng người dùng đến trang web, module này sẽ so sánh mã người dùng hoặc địa chỉ email do Google cung cấp. Nếu người dùng đã đăng ký trước đó bằng Google hoặc đã đăng ký bằng trang web với tài khoản với cùng một địa chỉ email, thì người dùng sẽ đăng nhập thành công. Nếu không, tài khoản người dùng mới sẽ được tạo. Ngoài ra, tài khoản Google có thể được liên kết với người dùng đã được xác thực.

Module SMTP Authentication Support: cho phép Drupal bỏ qua hàm PHPmail() và gửi email trực tiếp đến máy chủ SMTP. Module hỗ trợ xác thực SMTP và thậm chí có thể kết nối với máy chủ bằng SSL qua cổng 465 hoặc máy chủ bằng TLS qua cổng 568 nếu được hỗ trợ bởi php.

Module Mail System: Cung cấp giao diện người dùng quản trị và API dành cho nhà phát triển để cập nhật cấu hình hệ thống mail một cách an toàn. Modules này cho phép sử dụng các chương trình phụ trợ khác nhau để định dạng và gửi email theo mặc định, trên mỗi mô-đun và trên mỗi khóa thư và cũng cung cấp một số tùy chọn cấu hình hữu ích khác.

Module Signout Session : cho phép người dùng đăng xuất khỏi tất cả các phiên khác nhau nếu phiên hiện tại đang dùng. Ví dụ như Drupal cho người dùng đăng nhập bằng một

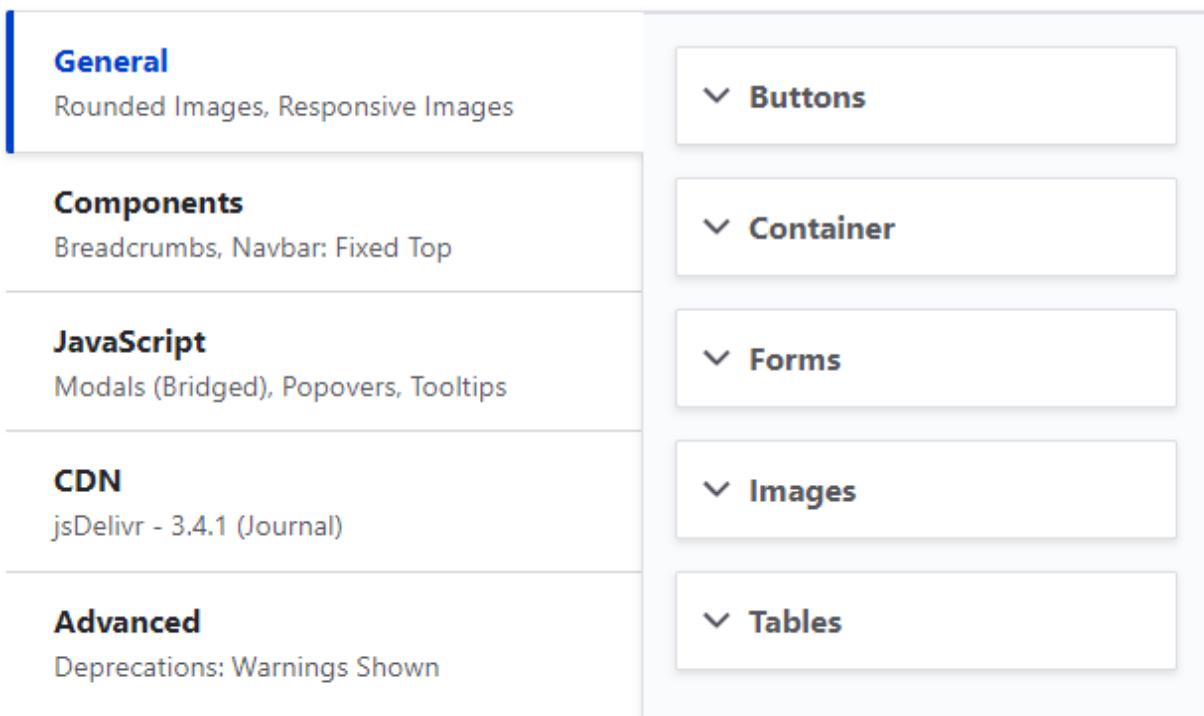
tài khoản trên các trình duyệt hoặc máy hay thiết bị khác nhau cùng một lúc thì module này giúp người dùng đã đăng nhập hiện tại đăng xuất khỏi tất cả các phiên khác.

2.1.2. Cài đặt theme hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử

Bootstrap là một trong những theme phổ biến để xây dựng những dự án mã nguồn mở và khung giao diện người dùng phổ biến nhất trên thế giới. Các đặc trưng phổ biến của Bootstrap 3 :

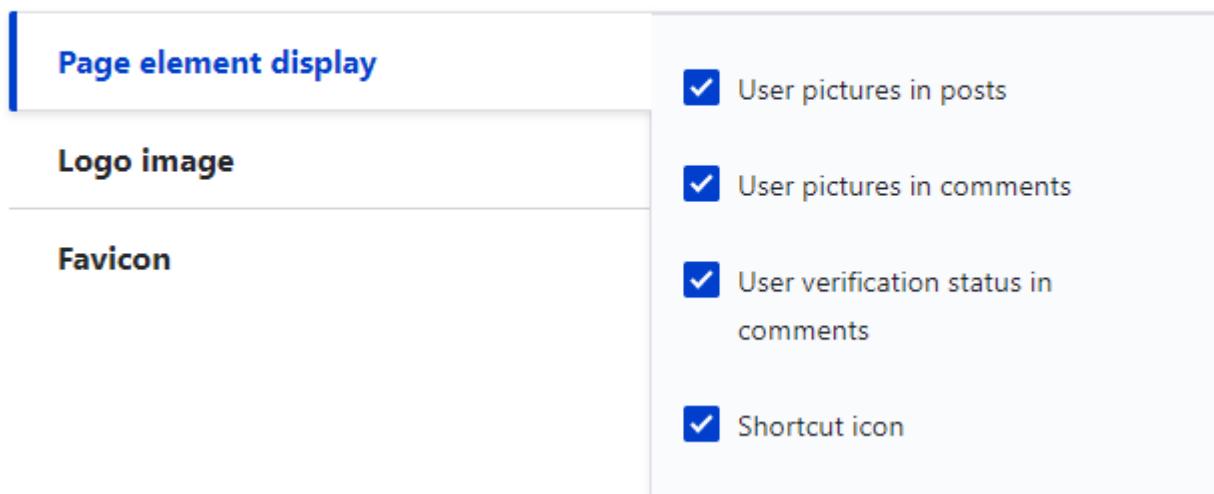
- + jsDelivr CDN: jsDelivr là một cơ sở hạ tầng đa CDN miễn phí sử dụng MaxCDN, Cloudflare...
- + Glyphicons hỗ trợ thông qua các icon API
- + Tích hợp mở rộng và ghi đè mẫu xử lý cho hầu hết CSS, thành phần và JavaScript của khung Bootstrap

Bootstrap Settings



Hình 2.1.2. Cài đặt chủ đề Bootstrap cho giao diện website

Override Global Settings



Hình 2.1.3. Cài đặt ghi đè trong Bootstrap

2.2. Hướng dẫn cài đặt thư viện bên ngoài Drupal

Bên cạnh các module đã tích hợp sẵn các thư viện của Drupal thì có vài module không tích hợp với thư viện như module FlexSlider, Colorbox, Social Auth Google,... vì vậy khi tải và kích hoạt module xong phải cài đặt thêm thư viện bên ngoài thông qua module Library API. Drupal hiện tại hỗ trợ hai cách để cài đặt thư viện

2.2.1. Cài đặt thủ công

Khi tải module sẽ có bản hướng dẫn tải thư viện đi kèm của module đó. Ví dụ tải thư viện bên ngoài của module FlexSlider. Dựa vào bản hướng dẫn ở hình ... (làm mục lục hình ảnh rồi điền số vào) để thực hiện từng bước tải thư viện đi kèm. Ở đây thực hiện tải module Libraries API.

Installation

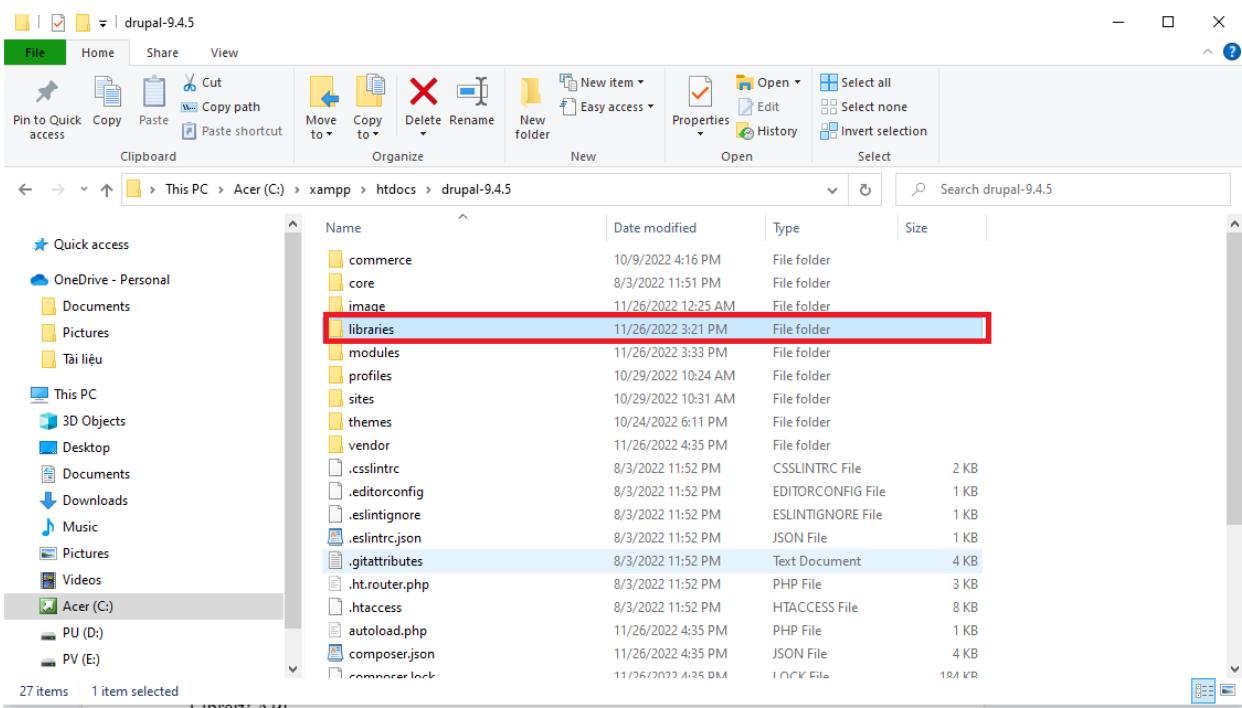
- Libraries API 2.x

1. Download the FlexSlider library from <https://github.com/woothemes/FlexSlider>
2. Unzip the file and rename the folder to "flexslider" (pay attention to the case of the letters)
3. Put the folder in a libraries directory
4. • Ex: sites/all/libraries
5. The first two files are required and the last is optional (required for javascript debugging)
6. • jquery.flexslider-min.js
• flexslider.css
• jquery.flexslider.js
7. Ensure you have a valid path similar to this one for all files
8. • Ex: sites/all/libraries/flexslider/jquery.flexslider-min.js

That's it!

Hình 2.2.1. Bản hướng dẫn tải thư viện đi kèm của module FlexSlider

Bước 1 : Vào thư mục gốc của dự án Drupal tạo một thư mục tên “library”



Hình 2.2.2. Tạo thư mục libraries trong thư mục gốc

Bước 2 : Truy cập “<https://github.com/woothemes/FlexSlider>” để tải thư viện FlexSlider

An awesome, fully responsive jQuery slider plugin

www.woocommerce.com/flexslider/

Readme
GPL-2.0 license
4.9k stars
333 watching
1.8k forks

Releases 15
2.7.2 (Latest) on Mar 8, 2019 + 14 releases

Packages
No packages published

Contributors 42
+ 31 contributors

Hình 2.2.3. Giao diện Github thư viện FlexSlider

Bước 3 : Tải thư viện dạng thư mục có đuôi .zip về máy tính cá nhân

An awesome, fully responsive jQuery slider plugin

www.woocommerce.com/flexslider/

Readme
GPL-2.0 license
4.9k stars
333 watching
1.8k forks

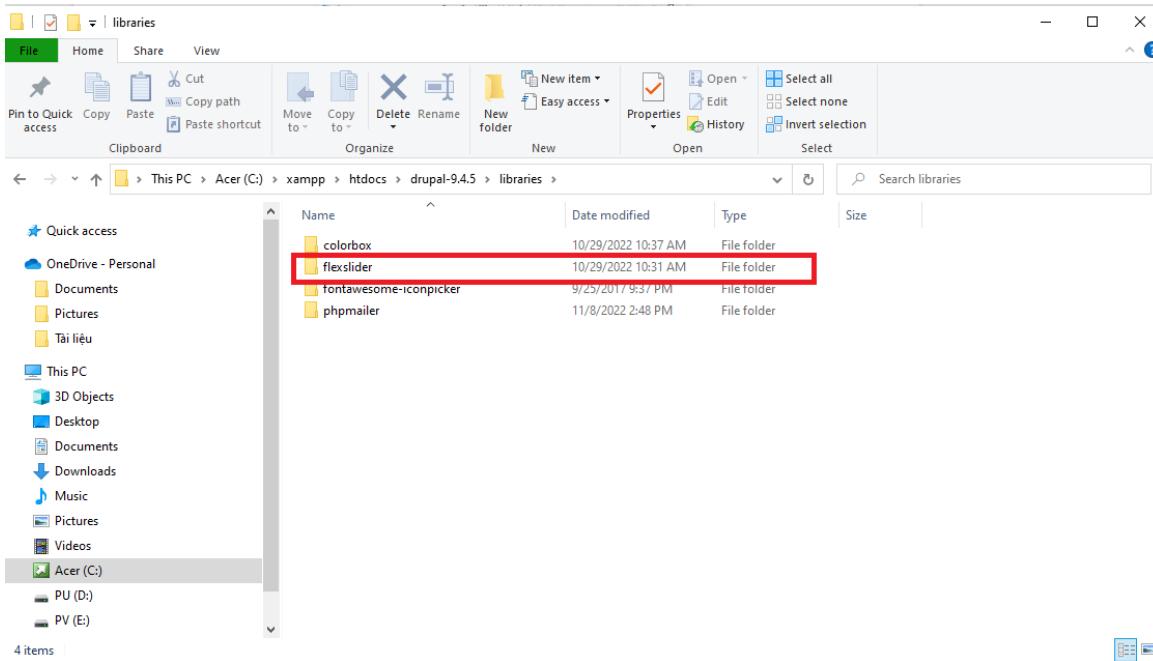
Releases 15
2.7.2 (Latest) on Mar 8, 2019 + 14 releases

Packages
No packages published

Contributors 42
+ 31 contributors

Hình 2.2.4. Tải thư viện về máy tính cá nhân

Bước 4 : Giải nén tệp và đổi tên file thành “flexslider” sau đó bỏ vào thư mục libraries vừa tạo thành công ở Bước 1. Sau khi giải nén và đổi tên thành công thì module FlexSlider hoạt động bình thường.



Hình 2.2.5. Thư viện flexslider đã được giải nén và đổi tên

2.2.2. Cài đặt bằng trình soạn thảo (composer)

Trình soạn thảo (Composer) là một công cụ quản lý phụ thuộc trong PHP. Nó cho phép khai báo các thư viện mà dự án phụ thuộc vào và nó sẽ quản lý (cài đặt / cập nhật).

Bước 1 : Truy cập <https://getcomposer.org/download/> để tải và chạy Composer-Setup.exe - nó sẽ cài đặt phiên bản soạn thảo mới nhất bất cứ khi nào nó được thực thi



[Home](#) | [Getting Started](#) | [Download](#) | [Documentation](#) | [Browse Packages](#)

Download Composer Latest: v2.4.4

Windows Installer

The installer - which requires that you have PHP already installed - will download Composer for you and set up your PATH environment variable so you can simply call `composer` from any directory.

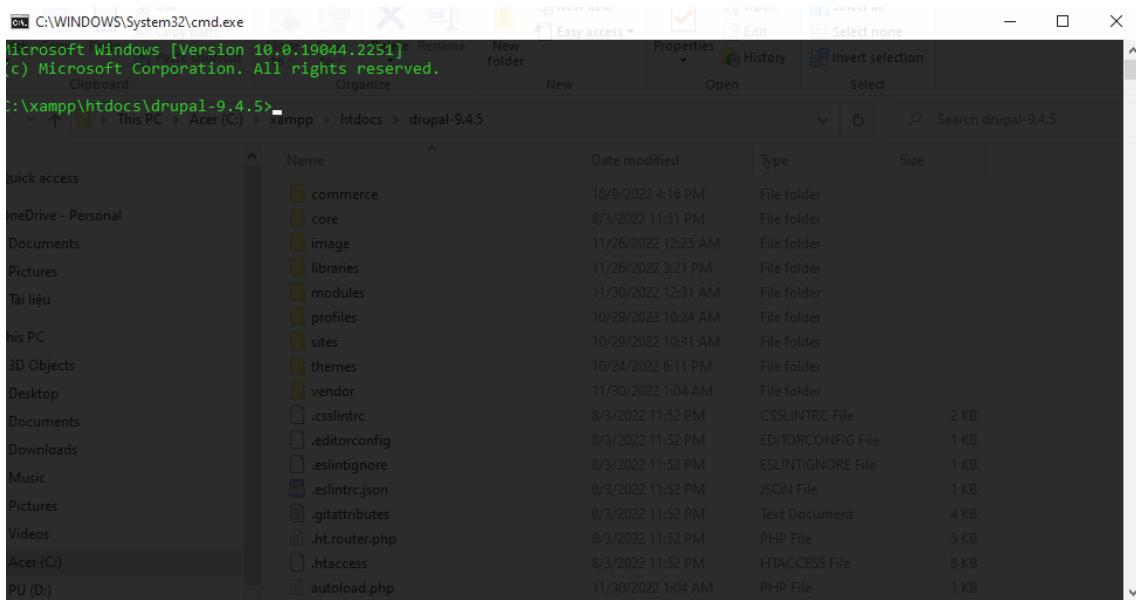
Download and run [Composer-Setup.exe](#) - it will install the latest composer version whenever it is executed.

Hình 2.2.6. Cài đặt trình soạn thảo

Bước 2 : Cài đặt thư viện league/oauth2-google của module Social Oauth Google.

+ Vào thư mục gốc của dự án , bôi đen địa chỉ và gõ bàn phím nhập “cmd”. Cmd là viết tắt của Command Prompt - là công cụ giúp người dùng có thể nhập các lệnh vào để mở ra một số tác vụ trên hệ điều hành windows.

+ Công cụ Command Prompt xuất hiện



Hình 2.2.7. Mở công cụ Command Prompt

Gõ lệnh “ composer require league/oauth2-google” và nhấn Enter trên bàn phím . Composer sẽ trực tiếp cài đặt và cập nhật thư viện league/oauth2-google của module Social Oauth Google.

```
C:\xampp\htdocs\drupal-9.4.5>composer require league/oauth2-google
Info from https://repo.packagist.org: #StandWithUkraine
Using version ^4.0 for league/oauth2-google
./composer.json has been updated
Running composer update league/oauth2-google
Loading composer repositories with package information
Updating dependencies
Lock file operations: 3 installs, 0 updates, 0 removals
  - Locking league/oauth2-client (2.6.1)
  - Locking league/oauth2-google (4.0.0)
  - Locking paragonie/random_compat (v9.99.100)
Writing lock file
Installing dependencies from lock file (including require-dev)
Package operations: 3 installs, 0 updates, 0 removals
  - Downloading paragonie/random_compat (v9.99.100)
    - Downloading league/oauth2-client (2.6.1)
    - Downloading league/oauth2-google (4.0.0)
  - Installing paragonie/random_compat (v9.99.100): Extracting archive
    - Installing league/oauth2-client (2.6.1): Extracting archive
    - Installing league/oauth2-google (4.0.0): Extracting archive
1 package suggestions were added by new dependencies, use `composer suggest` to see details.
Package doctrine/reflection is abandoned, you should avoid using it. Use roave/better-reflection instead.
Package swiftmailer/swiftmailer is abandoned, you should avoid using it. Use symfony/mailer instead.
Package symfony/debug is abandoned, you should avoid using it. Use symfony/error-handler instead.
Generating autoload files
Hardening vendor directory with .htaccess and web.config files.
44 packages you are using are looking for funding.
Use the `composer fund` command to find out more!
Cleaning installed packages.
```

Hình 2.2.8. Cài đặt thư viện bằng trình soạn thảo

Tiến trình cài đặt kết thúc, module Social Oauth Google hoạt động bình thường

2.3. Các yêu cầu chức năng

2.3.1. Yêu cầu chức năng đối với “Khách hàng”

2.3.1.1. Chức năng tạo tài khoản khách hàng

Tạo tài khoản với biểu mẫu của website

Kích hoạt module Profile được Drupal hỗ trợ để lưu và tạo các tài khoản của người dùng.

Khách hàng đăng ký tài khoản trực tiếp tại trang web.

Màn hình hệ thống nhắc khách hàng nhập thông tin cá nhân: địa chỉ email (Email Address), tên đăng nhập (Username), mật khẩu (Password), xác thực mật khẩu (Confirm password).

Thanh đánh giá độ mạnh của mật khẩu từng mức độ: Yếu (Weak), trung bình (Fair), tốt(Good), mạnh (Strong).

Email address*

Username*

Password*

Confirm password*

Password strength: Weak

Hình 2.3.1. Các yêu cầu bắt buộc người dùng nhập vào

Các đề xuất mật khẩu :

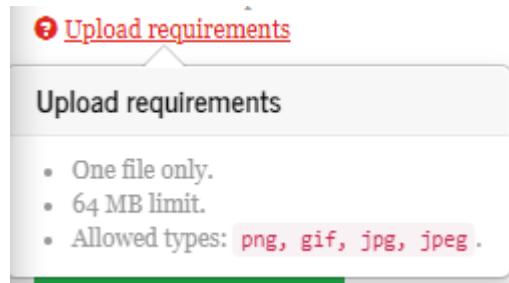
- Ít nhất 12 ký tự (Make it at least 12 characters).
- Thêm chữ thường (Add lowercase letters).
- Thêm chữ hoa (Add uppercase letters).
- Thêm số (Add numbers).
- Thêm ký tự đặc biệt (Add punctuation).

Recommendations to make your password stronger:

- Make it at least 12 characters
- Add lowercase letters
- Add uppercase letters
- Add numbers
- Add punctuation

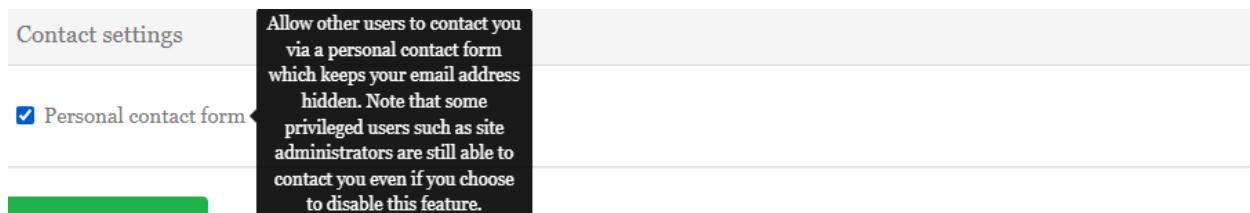
Hình 2.3.2. Các đề xuất mật khẩu mạnh

Khách hàng có thể tải lên hình ảnh cá nhân hoặc không, trường này không bắt buộc. Nhưng hình ảnh tải lên phải là các đảm bảo các yêu cầu: chỉ được tải một ảnh đại diện, giới hạn 64MB, các loại tệp được cho phép bao gồm : png, gif, ipg, jpeg.



Hình 2.3.3. Các tệp được phép tải lên

Sử dụng hộp kiểm cho mẫu liên hệ cá nhân với lời nhắc “Cho phép những người dùng khác liên hệ với bạn qua biểu mẫu liên hệ cá nhân giúp ẩn địa chỉ email của bạn. Lưu ý rằng một số người dùng có đặc quyền như quản trị viên trang vẫn có thể liên hệ với bạn ngay cả khi bạn chọn tắt tính năng này(Allow other users to contact you via a personal contact form which keeps your email address hidden. Note that some privileged users such as site administrators are still able to contact you even if you choose to disable this feature)”.



Hình 2.3.4. Hộp kiểm cho phép liên hệ qua thông tin cá nhân

Khách hàng nhập thông tin theo yêu cầu và ấn nút “Create New Account” để đăng ký tài khoản.

Hệ thống lưu trữ những thông tin đó vào cơ sở dữ liệu

Hệ thống thông báo lỗi với các trường hợp :

+ Thông báo lỗi khi khách hàng đăng ký với địa chỉ Email>Email Address) và tên đăng nhập(Username) đã tồn tại.

Email address*	uyen5672@gmail.com
The email address <i>uyen5672@gmail.com</i> is already taken.	
Username*	Vy
The username <i>Vy</i> is already taken.	

Hình 2.3.5. Thông báo lỗi khi tên đăng nhập(Username) hoặc địa chỉ Email(Email Address) đã tồn tại

+ Thông báo lỗi khi người dùng nhập “Xác nhận mật khẩu(Confirm password) không trùng “Mật khẩu(Password)”

The specified passwords do not match.

Hình 2.3.6. Thông báo lỗi khi xác nhận mật khẩu và mật khẩu nhập vào không trùng

Đăng ký với tài khoản google.

Khách hàng có thể dùng tài khoản google để đăng ký bằng cách di chuột vào icon Google  và nhấn nút.

Trang đăng nhập của Google xuất hiện, Khách hàng nhập địa chỉ email, mật khẩu của tài khoản google và xác thực tài khoản(nếu có).

Sau khi đăng nhập xong, hệ thống sẽ chuyển hướng đến trang chỉnh sửa thông tin của người dùng trong Drupal. Khách hàng có thể chỉnh sửa thông tin theo ý mình.

Đặc biệt ở cách đăng ký này là Khách hàng không cần đợi người quản trị kích hoạt tài khoản. Sau khi đăng ký xong thì người dùng có thể vào mua hàng.

Đăng nhập

Tiếp tục tới drupal

Email hoặc số điện thoại

huynhthevinh0011

Bạn quên địa chỉ email?

Để tiếp tục, Google sẽ chia sẻ tên, địa chỉ email, tùy chọn ngôn ngữ và ảnh hồ sơ của bạn với drupal.

Tạo tài khoản Tiếp theo

Tiếng Việt ▾

Trợ giúp

Bảo mật

Điều khoản

Chào mừng

huynhthevinh0011@gmail.com

Nhập mật khẩu của bạn

Hiện mật khẩu

Để tiếp tục, Google sẽ chia sẻ tên, địa chỉ email, tùy chọn ngôn ngữ và ảnh hồ sơ của bạn với drupal.

Bạn quên mật khẩu? Tiếp theo

Hình 2.3.7. Nhập mật khẩu

Hình 2.3.8. Nhập email

BAMBOO'S.VN Home Woman Men Bags & Backpacks Contact Cart My account Log out

vinhhuỳnhthê

View Payment methods Edit Orders

Profile picture for user vinhhuỳnhthê

17 hours 31 minutes

Hình 2.3.9. Chuyển hướng trang thành công

2.3.1.2. Chức năng đăng nhập hệ thống

Đăng nhập với biểu mẫu của website

Màn hình hệ thống yêu cầu khách hàng nhập : tên đăng nhập(Username) và mật khẩu>Password).

Hình 2.3.10. Các trường yêu cầu người nhập vào để đăng nhập

Khách hàng nhập thông tin theo yêu cầu và nhấn nút “Login”.



Hình 2.3.11. Nút Login

Hệ thống xác nhận thông tin người dùng nhập vào có hợp lệ hay không

Hệ thống thông báo người dùng về kết quả đăng nhập.

- + Thông báo lỗi “Tên người dùng hoặc mật khẩu không được công nhận(Unrecognized username or password)” với trường hợp người dùng đăng nhập sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu.

- + Khi đăng nhập thành công hệ thống sẽ chuyển hướng người dùng đến trang “Tài khoản của tôi (My account)”.

Hình 2.3.12. Thông báo lỗi với trường hợp nhập sai mật khẩu hoặc tên đăng nhập

Uyen

Hình 2.3.13. Chuyển hướng trang đến trang “Tài khoản của tôi(My account)”

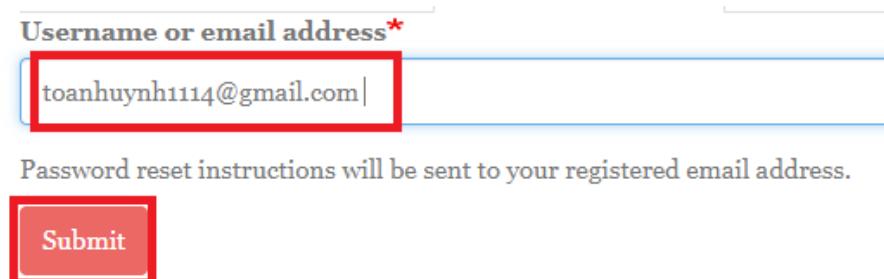
Kết thúc đăng nhập và người dùng có thể mua hàng.

Đăng nhập với tài khoản của Google: Sau khi đăng ký bằng tài khoản Google thì người dùng có thể đăng nhập bằng tài khoản Google.

Lấy lại mật khẩu

Khách hàng nhập email hoặc username để lấy lại mật khẩu.

Email hướng dẫn cách lấy lại mật khẩu sẽ gửi đến email của khách hàng.



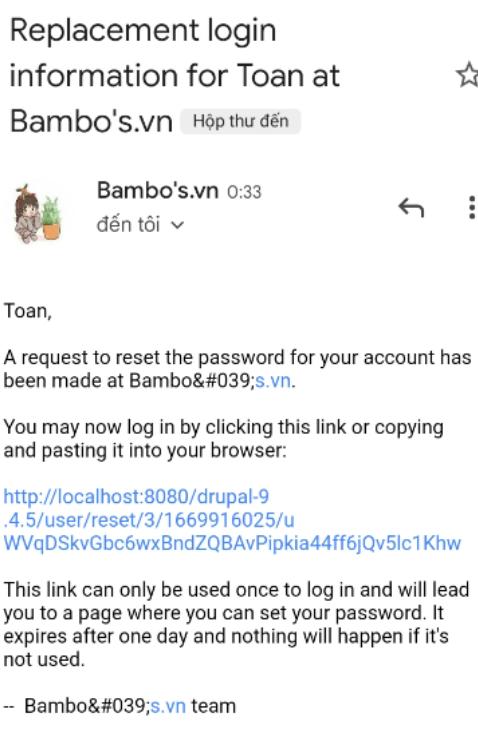
Username or email address*

toanhuynh1114@gmail.com

Password reset instructions will be sent to your registered email address.

Submit

Hình 2.3.14. Nhập email lấy lại mật khẩu



Hình 2.3.15. Email hướng dẫn lấy lại mật khẩu được gửi đến khách hàng

2.3.1.3. Chức năng đăng xuất khỏi hệ thống

Nút đăng nhập nằm trên thanh menu của trang web, góc bên phải.



Hình 2.3.16. Nút “Logout” trên thanh menu

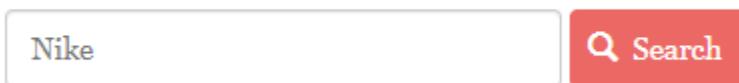
Tài khoản đăng nhập nếu không còn nhu cầu sử dụng hệ thống thì người dùng nhấn nút “Logout” để đăng xuất khỏi hệ thống.

Hệ thống đăng xuất và điều hướng đến trang chủ.

2.3.1.4. Chức năng tìm kiếm mặt hàng

Sử dụng module Search API hỗ trợ tìm kiếm, dùng module Views để hiển thị kết quả tìm kiếm.

Tìm kiếm thông thường. Người dùng có thể nhập từ khóa bất kỳ để hệ thống tìm kiếm dữ liệu phù hợp.



Hình 2.3.17. Nhập từ khóa tìm kiếm

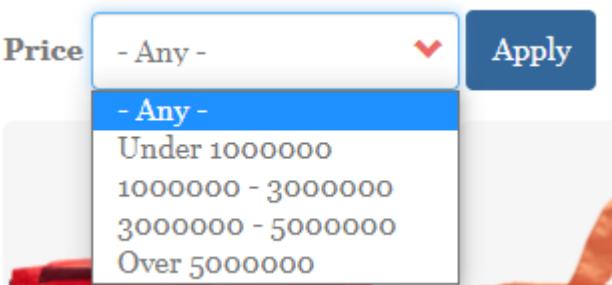
Tìm kiếm kết hợp phân trang, mỗi trang hiển thị 8 sản phẩm, số trang tối đa hiển thị được hiển thị là 9 trang.

A screenshot of a web browser displaying a search results page. The URL in the address bar is highlighted with a red box and an arrow pointing to it. The text "từ khóa tìm kiếm "Nike"" is overlaid in red. The page title "Số sản phẩm hiển thị trên 1 trang" is also overlaid in red. The main content area shows a grid of 8 product items, each with a thumbnail, name, and price. Below the grid, a navigation bar shows page numbers 1 through 9 and a "Last >" button, with a red box and arrow highlighting it. The text "Số trang được hiển thị" is overlaid in red at the bottom of the page.

Nike Air Deldon "Lyma" Easy On/Off Basketball Shoes 3,519,000	Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce 4,109,000	Nike Air Force 1 Mid By You Men's Custom Shoes 4,109,000	Nike Heritage Hip Pack (3L) 819,000
Nike Printed Stash Shoe Bag (13L) 689,000	Nike Shoe Box Bag (12L) 1,019,000	Nike Air Force 1 High By You Men's Custom Shoes 4,259,000	Nike Air Zoom Victory Athletics Distance Spikes 5,279,000

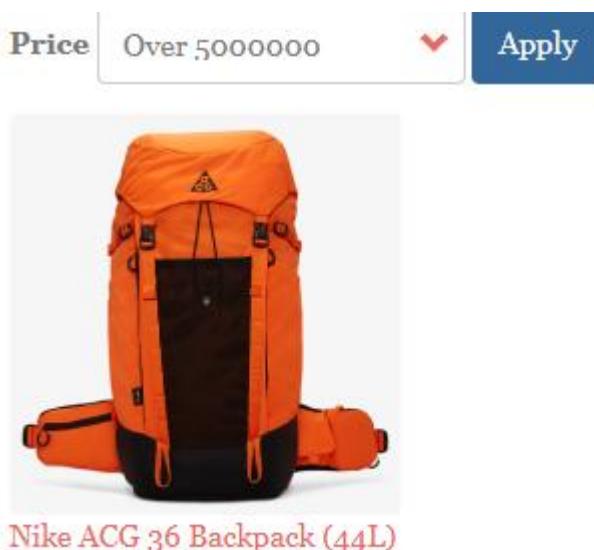
Hình 2.3.18. Hiển thị thông tin tìm kiếm

Tìm kiếm nâng cao theo tiêu chí lọc theo giá sản phẩm: hệ thống tìm kiếm sản phẩm theo các yêu cầu mà người dùng chỉ định.



Hình 2.3.19. Lọc sản phẩm theo giá

Người dùng chọn tiêu chí lọc phù hợp với nhu cầu, nhấn nút “Apply” để hệ thống tiến hành lọc dựa trên tiêu chí mà người dùng chọn. Ứng với tiêu chí lọc, tối đa sản phẩm được lọc hiển thị trên một trang là 8 sản phẩm.



Hình 2.3.20. Lọc sản phẩm với tiêu chí trên 5000000(Over 5000000)

2.3.1.5. Chức năng chọn hàng

Các module hỗ trợ cho chức năng này : module Commerce cart, module View.

Khách hàng vào danh mục mà sản phẩm và chọn sản phẩm cần mua để xem chi tiết thông tin sản phẩm đó. Để xem thông tin chi tiết của sản phẩm, người dùng di chuột vào tên của sản phẩm để hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang chi tiết sản phẩm.



BAMBO'S.VN

Home

Woman ▾

Men ▾

Bags & Backpacks

Contact

Cart Log in

Bags & Backpacks

Price - Any -



Apply



Nike SB Heritage Skate Hip Pack

639,000



Nike Air Futura Luxe Tote (10L)

2,169,000



Nike Shoe Box Bag (12L)

1,019,000



Nike Printed Stash Duffel (21L)

1,199,000

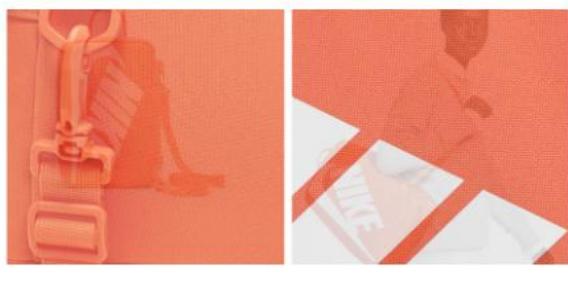
1

2

Hình 2.3.21.Danh mục sản phẩm và chọn sản phẩm

Thông tin chi tiết của sản phẩm bao gồm : Tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, giá (Price), màu sắc(Color), số lượng đặt mua (Quantity),mô tả sản phẩm và nút “Thêm vào giỏ hàng(Add to cart)”.

Nike Shoe Box Bag (12L)



● ● ● ●

Nike Shoe Box Bag (12L)

Price: 1,019,000

Color*



Quantity 1

Add to cart

Store and carry your shoes in style with the Nike Shoe Box Bag. Made with durable materials, the main body features two large Nike logos, a removable cross-body strap and a true shoebox flap opening. On the inside, an internal elastic pocket and zipped mesh pocket help keep extra laces and other small items stored and organised.

ALL YOUR SHOES SHOULD BE SO LUCKY.

Store and carry your shoes in style with the Nike Shoe Box Bag. Made with durable materials, the main body features two large Nike logos, a removable cross-body strap and a true shoebox flap opening. On the inside, an internal elastic pocket and zipped mesh pocket help keep extra laces and other small items stored and organised.

Classic Shoebox Design

A true shoebox flap opening makes it easy to store and grab your shoes. A customisable sneaker tag helps you keep your sneakers organised. A shoebox print on the bottom completes the look.

Hình 2.3.22. Trang chi tiết mặt hàng.

Khách hàng nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng (Add to cart)” để thêm mặt hàng vào giỏ hàng, hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang giỏ hàng (Shopping cart).

Trang giỏ hàng chứa các thông tin: mã ID mặt hàng vừa thêm vào, tên mặt hàng với thuộc tính mà khách hàng chọn, giá mặt hàng, số lượng (Quantity), nút “Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng (Remove)”, tổng tiền của mặt hàng, tổng tiền của hóa đơn (Subtotal), nút cập nhật giỏ hàng (Update cart), và nút thanh toán (Checkout).

Shopping cart

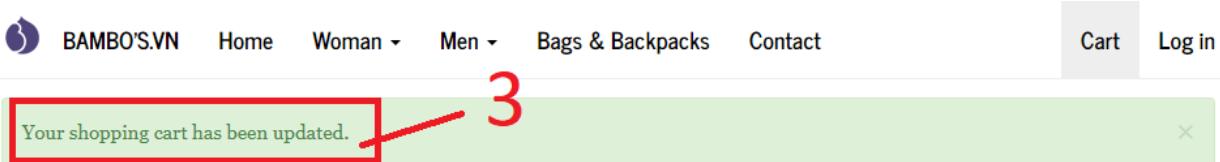
ID	Name's Product	Price	Quantity	Remove	Total
154	Nike Shoe Box Bag (12L) - Orange	đ1,019,000	1	Remove	đ1,019,000

Subtotal đ1,019,000
Total đ1,019,000

[Update cart](#) [Checkout](#)

Hình 2.3.23. Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng

Khách hàng khi tăng giảm số lượng mặt hàng trong giỏ hàng xong cần nhấn nút “Cập nhật giỏ hàng (Update cart) để cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng. Sau đó hệ thống sẽ thông báo cập nhật sản phẩm thành công



Shopping cart

ID	Name's Product	Price	Quantity	Remove	Total
154	Nike Shoe Box Bag (12L) - Orange	đ1,019,000	5	Remove	đ5,095,000

Subtotal đ5,095,000
Total đ5,095,000

[Update cart](#) [Checkout](#)

Hình 2.3.24. Cập nhật số lượng trong giỏ hàng

Khách hàng nhấn nút “Remove” để xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.

Không có sản phẩm cùng thuộc tính trùng nhau lặp lại nhiều lần. Với sản phẩm được nhấn nút thêm vào giỏ hàng (Add to cart) 2 lần trở lên thì sẽ tự động cập nhật tăng số lượng sản phẩm.

2.3.1.6. Chức năng đặt hàng

Khách hàng sau khi xem xong chi tiết giỏ hàng của mình thì gửi đơn đặt hàng tới hệ thống xác nhận việc đặt hàng bằng cách nhấn nút “Check out”.

ID	Name's Product	Price	Quantity	Remove	Total
174	Nike Air Max Flyknit Racer - 36, Pink	₩2,929,000	1		₩2,929,000
175	Nike Heritage Hip Pack (3L) - Black	₩819,000	1		₩819,000
176	Nike SuperRep Cycle 2 Next Nature - Yellow, 41, Red	₩3,519,000	1		₩3,519,000

Subtotal ₩7,267,000
Total ₩7,267,000

Hình 2.3.25. Nhấn nút checkout

Hệ thống kiểm tra xem khách hàng đã đăng nhập chưa. Nếu đã đăng nhập, hệ thống sẽ điều hướng khách hàng đến trang thông tin đặt hàng.

Order information

Payment information

Payment method

New Credit Card
 Pay by cash
 Email Money Transfer (further instruction after order has complete)

Select an address

Tan Phu

Country*

Vietnam

Last name* First name*

Phuc Toan

Company

SGU

Street address*

Tan Phu

City*

HCM

Province

Ho Chi Minh City

Postal code

Phone number*

0123564781

Continue to review

Hình 2.3.26. Trang thông tin đặt hàng

Khách hàng chọn phương thức thanh toán

Khách hàng nhập các thông tin đặt hàng: đất nước(County), tên(Last name), Họ(First name), công ty (Company)-trường dữ liệu này không bắt buộc, địa chỉ đường(Stress address), thành phố (City), địa bàn(Province) ,mã quận(Code Postal)- trường dữ liệu này không bắt buộc, số điện thoại(Phone number).

Khách hàng xem lại bảng tóm tắt hóa đơn đặt hàng.

Khách hàng liên hệ trực tiếp đến cửa hàng để sử dụng mã phiếu khuyến mãi phù hợp.

Khách hàng nhấn nút “Continue to review” để xem lại thông tin đặt hàng.

Review

The screenshot shows a web-based order review interface. At the top left is a 'Contact information' section with an input field containing 'toanhuynh1114@gmail.com'. To the right is an 'Order Summary' table:

Item	Description	Price
1 xNike Air Max Flyknit Racer - 36, Pink	\$2,929,000	
1 xNike Heritage Hip Pack (3L) - Black	\$819,000	
1 xNike SuperRep Cycle 2 Next Nature - Yellow, 41, Red	\$3,519,000	
Subtotal	\$7,267,000	
Total	\$7,267,000	

Below the summary is a 'Payment information (Edit)' section showing payment method: 'Pay by cash' and location: 'Phu Toan SGU Tan Phu HCM Ho Chi Minh City Vietnam'. To the right is a 'Coupon code' input field and a blue 'Apply coupon' button. At the bottom left are two buttons: 'Pay and complete purchase' (highlighted with a red box) and 'Go back'.

Hình 2.3.27. Trang kiểm tra lại thông tin

Khách hàng nhấn nút “Pay and complete purchase” để thanh toán.

Complete

Your order number is 21.

You can view your order on your account page when logged in.

Payment instructions

Thank you for your order!

Hình 2.3.28. Trang xác nhận hoàn thành đơn đặt hàng

Hệ thống xác nhận đặt hàng thành công và đồng thời gửi hóa đơn đặt hàng đến địa chỉ email của khách hàng và người quản trị

Order Confirmation

Order #30 details:

1 x Nike Shoe Box Bag (12L) - Orange, Orange	đ1,019,000
1 x Nike Printed Stash Duffel (21L) - Red	đ1,199,000

Shipping Information

Hynh Vinh
273 An Duong Vuong
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

Billing Information

Hynh Vinh
273 An Duong Vuong
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

Payment Method

New Credit Card

Subtotal: đ2,218,000

Order Total: đ2,218,000

Thank you for your order!

Hình 2.3.29. Hóa đơn đặt hàng

2.3.1.7. Chức năng liên hệ

Khách hàng nhập tên (Your Name), địa chỉ email(Your Email), chủ đề(Subject), lời nhắn(Message).

Nhấn nút “Gửi tin nhắn(Send message)”

Contact

Your Name*

Your Email*

Subject*

Message*

Hello, ad!

I am Toan

I want to receive coupons of 10% promotion. Can you help i?

You can call or send email for me.

I hope your letter soon,

Thank you !

Send message

Hình 2.3.30. Trang thông tin liên hệ đến cửa hàng

Hệ thống xác nhận gửi thành công và gửi đến địa chỉ email của người quản trị.



Toan <vy002359@gmail.com>
to me ▾

1:48 AM (1 minute ago)

Hello, ad!
I am Toan
I want to receive coupons of 10% promotion. Can you help i?
You can call or send email for me.
I hope your letter soon,
Thank you !

Reply Forward

Hình 2.3.32. Email gửi đến người quản trị

2.3.2. Đối với “Nhà quản trị hệ thống”

2.3.2.1. Chức năng đăng nhập hệ thống

Không xác thực tài khoản của người quản trị bằng tài khoản Google

Tài khoản được tạo khi cài đặt Drupal, ID tài khoản của người quản trị bằng 0 - là người có quyền cao nhất.

Các trường dữ liệu yêu cầu đăng nhập : tên đăng nhập (username), mật khẩu(password).

Log in

The screenshot shows a 'Log in' form. At the top, there are three links: 'Log in' (highlighted with a red border), 'Create new account', and 'Reset your password'. Below these are two input fields. The first field is labeled 'Username*' and contains the text 'phuongvy'. The second field is labeled 'Password*' and contains a series of asterisks. At the bottom is a red-bordered 'Log in' button with a right-pointing arrow icon.

Hình 2.3.33. Đăng nhập tài khoản người quản trị

2.3.2.2. Chức năng quản lý khách hàng

2.3.2.2.1. Tạo tài khoản

Người quản trị có quyền tạo tài khoản đăng ký dựa trên yêu cầu tạo tài khoản của khách hàng hoặc tạo tài khoản cho nhân viên.

Các trường dữ liệu yêu cầu nhập vào :địa chỉ email, đăng nhập (Username), mật khẩu (Password), xác nhận mật khẩu (Confirm password).

Email address

A valid email address. All emails from the system will be sent to this address. The email address is not receive a new password or wish to receive certain news or notifications by email.

Username

Several special characters are allowed, including space, period (.), hyphen (-), apostrophe ('), underscore (_), and hash (#).

Password *

Password strength: **Strong**

Confirm password *

Hình 2.3.34. Các trường yêu cầu nhập vào

Thanh đánh giá độ mạnh của mật khẩu theo mức độ: Yếu(Weak)-Trung bình(Fair)-Tốt(Good) - Mạnh(Strong).

Password *

Password strength: **Strong**

Hình 2.3.35. Độ mạnh của mật khẩu

Đề xuất để tạo mật khẩu mạnh hơn.

Recommendations to make your password stronger:

- Make it at least 12 characters
- Add lowercase letters
- Add uppercase letters
- Add numbers
- Add punctuation

Provide a password for the new account in both fields.

Hình 2.3.36. Đề xuất để tạo mật khẩu mạnh hơn

Trạng thái tài khoản trong Drupal sẽ đặt mặc định là chặn(Blocked) vì vậy khi tạo tài khoản , người quản trị phải bật “Active” để tài khoản hoạt động. Ngoài ra, trong Drupal đặt ba vai trò mặc định : người dùng đã được chứng thực(Authenticated user)- sẽ đăng nhập với vai trò là khách hàng mua hàng, chỉnh sửa nội dung(Content editor)- sẽ đăng nhập với vai trò như một nhân viên chỉ được tạo các nội dung bài viết, người quản trị(Administrator) - sẽ đăng nhập với tư cách như một người quản trị.



Hình 2.3.37 Kích hoạt tài khoản

Roles
<input checked="" type="checkbox"/> Authenticated user
<input type="checkbox"/> Content editor
<input type="checkbox"/> Administrator

Hình 2.3.38. Chọn vai trò(Roles) cho tài khoản

Chọn múi giờ và giờ địa phương. Ngày và giờ trên trang web của tài khoản vừa tạo sẽ được hiển thị bằng múi giờ đã chọn.

▲ Locale settings

Time zone

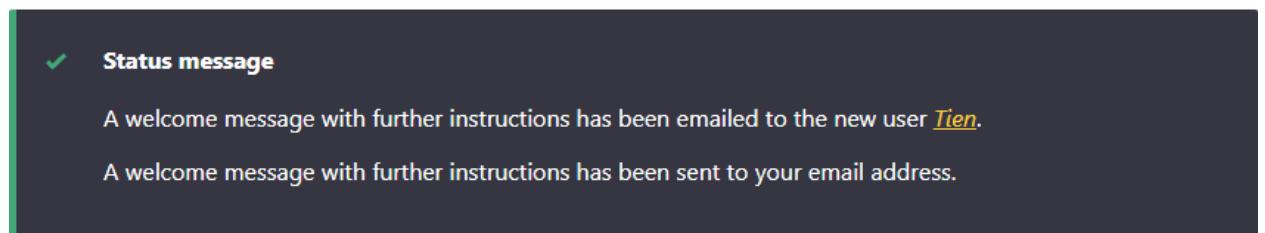
Ho Chi Minh

Select the desired local time and time zone. Dates and times throughout this site will be displayed using this time zone.

Hình 2.3.39. Chọn múi giờ và giờ địa phương

Nhấn nút “Tạo tài khoản(Create new account)” để tạo tài khoản.

Thông báo tạo tài khoản thành công sẽ được gửi đến địa chỉ email của người dùng.



Hình 2.3.40. Thông báo tạo tài khoản thành công

An administrator created
an account for you at ☆
Bambo's.vn Hộp thư đến

Bambo's.vn 10:20 ✉ ⋮

Tien,

A site administrator at Bambo's.vn has created
an account for you. You may now log in by clicking
this link or copying and pasting it into your browser:

<http://localhost:8080/drupal-9.4.5/user/reset/8/1670037626/PqNhVLEDTg6gywuNyoHK6GQHR4TvJ79wy5I0CbhVftE>

This link can only be used once to log in and will lead
you to a page where you can set your password.

After setting your password, you will be able to log in
at <http://localhost:8080/drupal-9.4.5/user> in the
future using:

username: Tien
password: Your password

-- Bambo's.vn team

Hình 2.3.41. Thông báo gửi tới email người dùng

Người dùng địa chỉ email nhấn vào đường link để đến trang cài đặt lại mật khẩu

Set password

This is a one-time login for *Tien*.

Click on this button to log in to the site and change your password.

This login can be used only once.

 Log in

Hình 2.3.42. Trang cài lại mật khẩu

Nhấn vào nút “Login”, hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang cập nhật tài khoản để đặt lại mật khẩu.

You have just used your one-time login link. It is no longer necessary to use this link to log in. Please change your password. X

Hình 2.3.43. Thông báo cập nhật lại mật khẩu

2.3.2.2.2. Khóa tài khoản khách hàng

Người quản trị có quyền khóa tài khoản người dùng.

<input type="checkbox"/>	Username	Status	Roles	Member for	Last access	Operations
<input type="checkbox"/>	Tien	Active		7 minutes 21 seconds	never	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	vindhuynhthé	Active		3 days 8 hours	2 days 12 hours ago	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	Uyen	Active		6 days 19 hours	2 days 14 hours ago	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	Vy	Active		2 weeks 5 days	2 weeks 5 days ago	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	Boss	Active	• Content editor	1 month 1 week	1 month 1 week ago	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	Toan	Active		1 month 1 week	8 hours 45 minutes ago	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	phuonguyen	Blocked		1 month 1 week	never	<button>Edit</button>
<input type="checkbox"/>	phuongvy	Active	• Administrator	1 month 4 weeks	36 seconds ago	<button>Edit</button>

Hình 2.3.44. Trang quản lý các tài khoản người dùng

Người quản trị nhấn nút “Edit” vào tài khoản người dùng

<input type="checkbox"/>	Vy	Active	2 weeks 5 days	2 weeks 5 days ago	Edit
--------------------------	----	--------	----------------	--------------------	-------------

Hình 2.3.45. Nhấn vào nút “Edit” của tài khoản có tên đăng nhập là “Vy”

Chọn trạng thái khóa(Block)  để khóa tài khoản

<input type="checkbox"/>	Vy	Blocked	2 weeks 5 days	2 weeks 5 days ago	Edit
--------------------------	----	----------------	----------------	--------------------	-------------

Hình 2.3.46. Tài khoản đã bị khóa

2.3.2.2.3. Tìm kiếm tài khoản theo phương pháp lọc

Name or email contains	Status	Role
<input type="text"/>	- Any -	- Any -
Permission	<input type="button" value="Filter"/>	
<input type="button" value="- Any -"/>		

Hình 2.3.47. Lọc tài khoản

Người quản trị tìm kiếm tài khoản theo phương pháp lọc theo trạng thái tài khoản đã chặn hay không, hoặc vai trò của tài khoản hoặc quyền của tài khoản

<input type="checkbox"/>	Username	Status	Roles	Member for	Last access	Operations
<input type="checkbox"/>	Vy	Blocked		2 weeks 5 days	2 weeks 5 days ago	Edit
<input type="checkbox"/>	phuonguyen	Blocked		1 month 1 week	never	Edit

Hình 2.3.48. Tài khoản sau khi lọc theo trạng thái “Block”

2.3.2.3. Chức năng quản lý đơn đặt hàng

2.3.2.3.1. Chính sửa đơn đặt hàng

Người quản trị xem các danh sách các đơn hàng đã đặt.

	#	Date	Type	Customer	State	Total	Operations
<input type="checkbox"/>	25	12/03/2022 - 01:45	Default	phuongvy vy002359@gmail.com	Completed	đ1.834,200	<button>View</button>
<input type="checkbox"/>	24	12/03/2022 - 01:20	Default	Toan toanhuyhn1114@gmail.com	Completed	đ1.329,000	<button>View</button>
<input type="checkbox"/>	23	12/03/2022 - 01:12	Default	Toan toanhuyhn1114@gmail.com	Completed	đ1.199,000	<button>View</button>
<input type="checkbox"/>	22	12/03/2022 - 00:43	Default	Toan toanhuyhn1114@gmail.com	Completed	đ1.199,000	<button>View</button>
<input type="checkbox"/>	21	12/02/2022 - 01:38	Default	Toan toanhuyhn1114@gmail.com	Completed	đ7.267,000	<button>View</button>
<input type="checkbox"/>	20	12/01/2022 - 02:23	Default	Toan toanhuyhn1114@gmail.com	Completed	đ1.329,000	<button>View</button>

Hình 2.3.49. Danh sách các đơn đặt hàng

Người quản trị nhấn vào nút “View” để xem chi tiết đơn đặt hàng.

The screenshot shows the detailed view of Order 24. At the top, there is a button labeled "+ Resend receipt". Below it, the order summary table includes columns for Title, Unit price, Quantity, and Total price. The total price is listed as Subtotal đ1.329,000 and Total đ1.329,000. To the right of the table, there is a sidebar with sections for Completed (order details), Customer Information (Customer: Toan, Contact email: toanhuyhn1114@gmail.com, IP address: ::1), Billing information (Phuc Toan, SGU, Tan Phu, HCM, Ho Chi Minh City, Vietnam), and Other.

Title	Unit price	Quantity	Total price
LeBron Hip Pack (10L) - Blue	đ1.329,000	1.00	đ1.329,000
			Subtotal đ1.329,000
			Total đ1.329,000

Order activity

Comment on this order:

Date Message User

- Sat, 12/03/2022 - 01:20 Order moved from Draft to Completed by the Place order transition. Toan
- Sat, 12/03/2022 - 01:20 Order receipt email sent to toanhuyhn1114@gmail.com. Toan
- Sat, 12/03/2022 - 01:20 Customer completed checkout for this order. Toan
- Sat, 12/03/2022 - 01:20 LeBron Hip Pack (10L) - Blue added to the cart. Toan

Customer Information

Customer: Toan
Contact email: toanhuyhn1114@gmail.com
IP address: ::1

Billing information

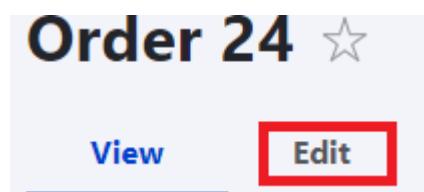
Phuc Toan
SGU
Tan Phu
HCM
Ho Chi Minh City
Vietnam

Other

Hình 2.3.50. Chi tiết đơn đặt hàng

Người quản trị có thể gửi lại hóa đơn cho khách hàng bằng cách nhấn nút “Resend receipt”

Khi người dùng muốn chỉnh sửa thông tin địa chỉ nhận hàng mà đơn hàng đã được xác nhận thì người dùng có thể liên hệ người quản trị để sửa thông tin giao hàng. Người quản trị nhấn vào “Edit” để chỉnh sửa thông tin đơn đặt hàng. Hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang chỉnh sửa chi tiết đơn đặt hàng.



Hình 2.3.51. Tab Edit

Edit Order 24

View **Edit** Shipments Payments

Error message
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Billing information

Select an address
Tân Phú

Phuc Toan
SGU
Tân Phú
HCM
Ho Chí Minh City
Vietnam

Phone number
[0123564781](#)

Completed
Placed: 12/03/2022 - 01:20
Changed: 12/03/2022 - 01:20

Customer information
Customer: [Toan](#)
Contact email: toanhuyhn1114@gmail.com
IP address: ::1

Hình 2.3.52. Trang chỉnh sửa chi tiết đơn đặt hàng

2.3.2.3.2. Tìm kiếm đơn hàng

Người quản trị có thể tìm kiếm đơn hàng bằng nhiều hình thức. Có thể nhập mã số đơn đặt hàng để tìm kiếm hoặc tìm theo loại, tìm theo trạng thái của đơn đặt hàng

Order number	Type	State	Filter
<input type="text"/>	- Any -	- Any -	Filter

Hình 2.3.53. Tìm kiếm đơn đặt hàng

	#	Date	Type	Customer	State	Total	Operations
<input type="checkbox"/>	25	12/03/2022 - 01:45	Default	phuongvy vy002359@gmail.com	Completed	đ1.834,200	View

Hình 2.3.54. Tìm kiếm đơn đặt hàng với mã đơn là 25

2.3.2.4. Chức năng quản lý thuộc tính sản phẩm

Người quản trị có quyền thêm, sửa hoặc xóa thuộc tính sản phẩm

> Orders

Manage your orders.

> Product attributes

Manage your product attributes.

> Products

Manage your products.

> Promotions

Manage your promotions.

Hình 2.3.55. Mục thuộc tính sản phẩm

Người quản trị nhấn vào mục thuộc tính sản phẩm, hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang quản lý thuộc tính.

Attribute name	ID	Operations
color	color_demo	Edit
size	size	Edit

Hình 2.3.56. Trang quản lý thuộc tính

2.3.2.4.1. Thêm thuộc tính

Người quản trị nhấp vào nút “Thêm thuộc tính sản phẩm(Add product attribute)

+ Add product attribute

, hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang thêm thuộc tính sản phẩm

Content Commerce Structure Appearance Extend Configuration People Reports Help

There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates page](#).

Name *

Element type

Select list

Controls how the attribute is displayed on the add to cart form.

Product variation types

Adidas
 Bags & Backpacks
 Basketball
 CHAI VỆ SINH GIÀY
 Converse
 Default
 Gym And Trainning
 Lifestyle Shoes
 Nike
 Running
 Sandals and Slides
 Vans
 Vớ Nam Nữ

Save

Hình 2.3.57. Trang thêm thuộc tính sản phẩm

Người quản trị nhập vào tên thuộc tính sẽ hiển thị.

Người quản trị chọn loại phần tử- là cách hiển thị thuộc tính trên trang chi tiết sản phẩm để người dùng chọn.

Người quản trị chọn các loại biến thể sản phẩm sẽ dùng thuộc tính được tạo.

Người quản trị lưu thuộc tính vừa tạo.

2.3.2.4.2. Quản lý trường dữ liệu :

Attribute name	ID	Operations
color	color_demo	Edit Manage fields Manage form display Manage display Delete
Size	size	

Hình 2.3.58. Mục quản lý trường dữ liệu

Người quản trị nhấn vào mục [Manage fields](#), hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang quản lý trường dữ liệu

Content Commerce Structure Appearance Extend Configuration People

Home > Administration > Commerce > Product attributes > Edit color

Manage fields

[Manage fields](#) [Manage form display](#) [Manage display](#)

Error message

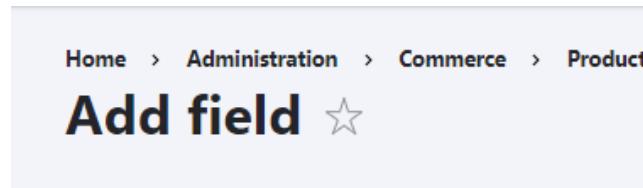
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you

+ Add field

Hình 2.3.59. Trang quản lý trường dữ liệu

Gồm ba mục :

Manage fields: người quản trị có quyền thêm trường dữ liệu khác như hình ảnh, màu sắc,... Người quản trị nhấn vào nút [+ Add field](#), hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang thêm trường dữ liệu



Add a new field

- Select a field type - ▼

Save and continue

Hình 2.3.60. Trang thêm trường dữ liệu

Người quản trị thêm trường liệu và nhấn nút **Save and continue** để lưu trường dữ liệu.

+ Quản lý biểu mẫu hiển thị(Manage form display): người quản trị sẽ quản lý các trường hiển thị để nhập các thông tin giá trị sẽ hiển thị trên trang khách hàng.

Manage form display

Manage fields **Manage form display** Manage display

Error message
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Field	Widget	More
⊕ Name	Textfield	Textfield size: 60
⊕ Language	Language select	
⊕ Color	Color HTML5	
Disabled		
No field is hidden.		
Save		

Hình 2.3.61. Trang quản lý biểu mẫu hiển thị

Người quản trị có thể tắt các trường hiển thị. Sau khi điều chỉnh các trường người quản trị muốn hiển thị, người quản trị nhấn vào nút lưu **Save** để lưu thông tin biểu mẫu.

Quản lý hiển thị(Manage display): người quản trị quản lý các trường sẽ hiển thị trên trang khách hàng

Field	Label	Format	More
⊕ Color	- Hidden -	Color swatch	Circle Width: 45 Height: 45 Use HTML5 data attribute.
Disabled			
⊕ Language	Above	Language	
⊕ Name	Above	Font Awesome Icon Picker	
⊕ Search result excerpt			

Hình 2.3.62. Trang quản lý hiển thị

Sau khi điều chỉnh các trường sẽ hiển thị trên trang khách hàng, người quản trị nhấn vào nút lưu **Save** để lưu.

2.3.2.4.3. Chính sửa thuộc tính

Người quản trị nhấn vào nút **Edit**, hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang chỉnh sửa thuộc tính.

Người quản trị có thể chỉnh sửa lại tên thuộc tính, loại phần tử hoặc loại thuộc tính sẽ sử dụng thuộc tính.

Ngoài ra, ở đây có thêm mục giá trị thuộc tính. Người quản trị nhập hoặc thêm giá trị thuộc tính tùy theo nhu cầu của người quản trị.

Operations
Name: Red Color:
Name: Orange Color:

Hình 2.75 : Các giá trị thuộc tính

Trường dữ liệu “Name” là trường dữ liệu mặc định trong Drupal, trường dữ liệu “color” là trường dữ liệu được thêm vào.

Để thêm giá trị cho trường dữ liệu , người quản trị nhấn vào nút **Add value** để thêm giá trị.

Sau khi điều chỉnh thêm giá trị thuộc tính hoặc chỉnh sửa các trường dữ liệu, người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin vừa chỉnh sửa.

2.3.2.4.4. Xóa thuộc tính

Người quản trị có quyền xóa thuộc tính.

Người quản trị nhấn nút **Delete** để xóa thuộc tính.

2.3.2.5. Chức năng quản lý sản phẩm

Người quản trị có quyền thêm, sửa hoặc xóa sản phẩm.

Content Commerce Structure Appearance Extend Configuration

Home > Administration

Commerce ☆ 1

🚫 Error message

There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security o...

> Orders

Manage your orders.

> Product attributes

Manage your product attributes.

> Products 2

Manage your products.

Hình 2.3.63. Mục sản phẩm

Người quản trị nhấn vào mục sản phẩm , hệ thống chuyển hướng đến trang quản lý sản phẩm.

The screenshot shows the 'Products' page in the Drupal Commerce module. At the top, there is a navigation bar with 'Home > Administration > Commerce'. Below it, the title 'Products' is displayed with a star icon. A prominent red error message box at the top states: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below the message, there is a blue button labeled '+ Add product'. The main content area has two search/filter sections: 'Type' (with a dropdown menu showing '- Any -') and 'Title' (an input field), followed by a 'Filter' button. Underneath these is a 'With selection' dropdown menu with 'Delete product' selected. A grey button labeled 'Apply to selected items' is present. The main list of products is shown in a table with columns: Title, Type, Status, Updated, and Operations. One item is listed: 'Nike Air Force 1 '07 LX Member Access' (Type: Lifestyle Shoes, Status: Published, Updated: 12/01/2022 - 00:51). An 'Edit' button is also visible.

Hình 2.3.64. Trang quản lý sản phẩm

2.3.2.5.1. Thêm sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **+ Add product**, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm sản phẩm. Người quản trị chọn loại sản phẩm để thêm sản phẩm.

The screenshot shows the 'Add product' page. At the top, there is a 'Home' link and the title 'Add product' with a star icon. A red error message box at the top states: 'There is a security update available for'. Below the message, there is a list of product categories: 'Bags & Backpacks' (highlighted with a red border), 'Basketball', 'Default', 'Gym And Training', 'Lifestyle Shoes', 'Running', and 'Sandals and Slides'.

The screenshot shows the 'Add product' page. At the top, there is a 'Home' link and the title 'Add product' with a star icon. A red error message box at the top states: 'There is a security update available for'. Below the message, there is a list of product categories: 'Bags & Backpacks' (highlighted with a red border), 'Basketball', 'Default', 'Gym And Training', 'Lifestyle Shoes', 'Running', and 'Sandals and Slides'.

Hình 2.3.65. Loại sản phẩm

Sản phẩm được thêm theo loại sản phẩm. Khi người quản trị chọn loại sản phẩm cần thêm sản phẩm, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm thông tin sản phẩm.

The screenshot shows a user interface for creating a new product. At the top, there is a 'Title *' field with a red asterisk indicating it is required. Below it is a 'Body' rich text editor with various formatting tools like bold, italic, and alignment options. Underneath the editor is a dropdown menu labeled 'Text format' set to 'Basic HTML'. To the right of the editor is a link 'About text formats'. The next section is titled 'Images' with a sub-section 'Add a new file'. It contains a button 'Chọn tệp' (Select file) and a message 'Không có tệp nào được chọn' (No files selected). Below this, it says 'Unlimited number of files can be uploaded to this field.' and '64 MB limit.' with allowed file types: png gif jpg jpeg. The final section is 'Price' with a text input field containing 'VND' and a note 'Format: 9.99'.

Hình 2.3.66. Các trường dữ liệu cần nhập để sản phẩm

Các trường dữ liệu này được thiết lập ở mục quản lý loại sản phẩm(Product type) - xem ở mục 2.3.2.7

Trường dữ liệu title là nhập tên của sản phẩm. Trường dữ liệu body là phần thân - ở đây sẽ mô tả thông tin của sản phẩm. Trường dữ liệu Images là hình ảnh sẽ được hiển thị. Trường dữ liệu Price - là giá của sản phẩm.

Save

Sau khi nhập thông tin của sản phẩm người quản trị nhấn nút **Save** để lưu

Save and add variations

thông tin hoặc nút **Save and add variations** để lưu và chuyển hướng đến trang thêm biến thể sản phẩm.

2.3.2.5.2. Chỉnh sửa thông tin sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **Edit**, hệ thống chuyển hướng đến trang chỉnh sửa thông tin sản phẩm.

Title*

Nike Air Force 1 '07 LX Member Access

Body

Double the Swoosh, double the fun. Mixing retro design with iconic hoops style, the Nike Air Force 1 '07 LX puts a fresh spin on the stitched overlays, bold details and legendary comfort of the AF-1. Layered Swoosh logos pair with vintage-inspired branding on the heel and tongue to add the perfect amount of flash to make you shine.

Benefits

- From tough stitching to the cupsole design, these kicks deliver durable style that's smoother than hackboard glass. Plus its synthetic leather

Hình 2.3.67. Trang chỉnh sửa thông tin sản phẩm

Người quản trị có thể chỉnh sửa tên sản phẩm, giá hoặc hình ảnh của sản phẩm

Save

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin sản phẩm.

2.3.2.5.3. Xóa sản phẩm

Người quản trị có thể xóa sản phẩm theo 2 cách: xóa trực tiếp tại trang quản lý sản phẩm và xóa tại trang chỉ sửa thông tin sản phẩm.

Ở trang chỉnh sửa thông tin sản phẩm, bên cạnh nút **Save** là nút **Delete**, người quản trị có thể xóa sản phẩm bằng hình thức này.

Ở trang quản lý sản phẩm, người quản trị chọn sản phẩm, chọn hành động để hệ thống thực hiện và nhấn nút **Apply to selected items** để xóa sản phẩm.

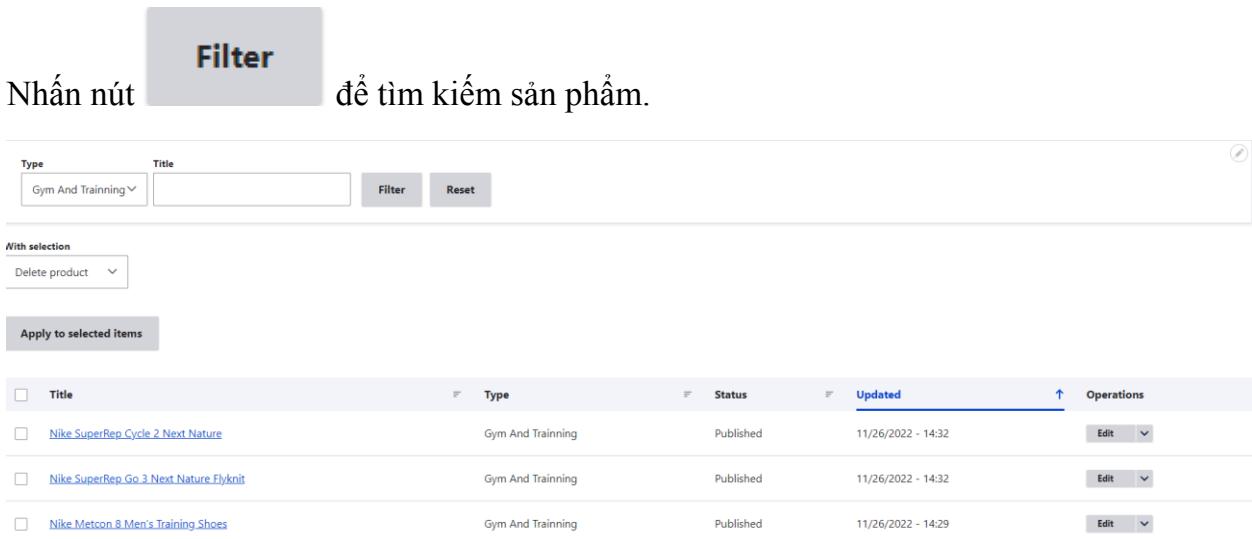
2.3.2.5.4. Tìm kiếm sản phẩm



The screenshot shows a search form with two input fields: 'Type' (dropdown menu with 'Any' selected) and 'Title' (text input field). To the right of these fields is a large grey button labeled 'Filter'.

Hình 2.3.68. Khối tìm kiếm sản phẩm

Người quản trị tìm kiếm sản phẩm bằng 2 cách: nhập tên sản phẩm tìm kiếm hoặc lọc sản phẩm theo loại sản phẩm để tìm kiếm.



The screenshot shows a search results page with a header containing 'Type' (Gym And Training), 'Title' (empty input field), 'Filter' (button), and 'Reset' (button). Below this is a dropdown menu labeled 'With selection' with 'Delete product' option. A grey button labeled 'Apply to selected items' is visible. The main area displays a table of products:

<input type="checkbox"/> Title	Type	Status	Updated	Operations
Nike SuperRep Cycle 2 Next Nature	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:32	Edit
Nike SuperRep Go 3 Next Nature Flyknit	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:32	Edit
Nike Metcon 8 Men's Training Shoes	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:29	Edit

Hình 2.3.69. Tìm kiếm sản phẩm theo loại sản phẩm

2.3.2.6. Chức năng quản lý loại biến thể sản phẩm

Người quản trị có quyền thêm , sửa , xóa loại biến thể sản phẩm.

The screenshot shows the Drupal Commerce configuration interface. At the top, there's a header with tabs like Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. Below the header, a breadcrumb navigation shows Home > Administration > Commerce > Configuration. The main content area has a title 'Product variation types' with a star icon. A red box highlights the 'Product variation types' section. Underneath it, there's a sub-section titled 'Manage fields, form and display settings for your product variations.' The entire 'Product variation types' section is also enclosed in a red box.

Hình 2.3.70. Mục loại biến thể sản phẩm

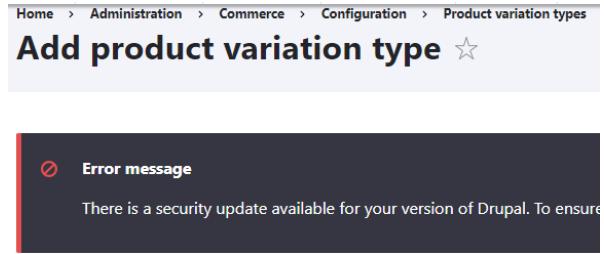
Người quản trị nhấn vào mục loại biến thể sản phẩm , hệ thống điều hướng đến trang quản lý loại biến thể sản phẩm.

The screenshot shows the 'Product variation types' management page. At the top, there's a header with tabs like Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. Below the header, a breadcrumb navigation shows Home > Administration > Commerce > Configuration. The main content area has a title 'Product variation types' with a star icon. A dark banner at the top displays an 'Error message': 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below the banner, there's a blue button labeled '+ Add product variation type'. A table lists four existing product variation types: Adidas (ID: adidas), Bags & Backpacks (ID: bags_backpacks), Basketball (ID: basketball), and CHAI VỆ SINH GIÀY (ID: chai_ve_sinh_giay). Each row has an 'Edit' button in the 'Operations' column.

Hình 2.3.71. Trang quản lý loại biến thể sản phẩm

2.3.2.6.1. Thêm loại biến thể sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **+ Add product variation type** để điều hướng đến trang thêm loại biến thể sản phẩm.



Hình 2.3.72. Trang thêm loại biến thể sản phẩm

Trường dữ liệu label : Nhập tên loại biến thể muốn thêm. Người quản trị có thể tích chọn mục cài đặt tiêu đề biến thể dựa trên giá trị thuộc tính.

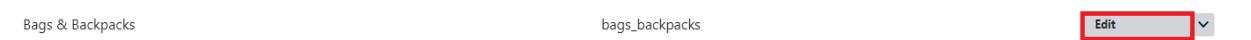
Đặc điểm (Traits) của biến măc định gồm : cho phép đăng ký(Allow subscriptions) - cho phép người dùng đăng ký theo dõi sản phẩm, có kích thước(Has dimensions), vận chuyển được(Shipable) - biến thể này có thể được vận chuyển.

Trường “Order Item Type”: đặt giá trị mặc định là “Default”

Chọn thuộc tính có trong biến thể này.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu lại thông tin của loại biến thể.

2.3.2.6.2. **Chỉnh sửa loại biến thể sản phẩm**



Hình 2.3.73. Mục loại biến thể Bag & Backpacks

Người quản trị nhấn nút **Edit** để hệ thống chuyển hướng đến trang chỉnh sửa thông tin loại biến thể

Người quản trị có thể chỉnh sửa tên loại biến thể, đặc điểm của biến thể thuộc tính của biến thể.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin vừa chỉnh sửa.

2.3.2.6.3. Xóa loại biến thể sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **Delete** để xóa loại biến thể sản phẩm với điều tất cả sản phẩm liên quan đến loại biến thể này đều đã được xóa trước khi xóa loại biến thể.

2.3.2.6.4. Quản lý trường dữ liệu

Bags & Backpacks	bags_backpacks	Edit
Basketball	basketball	
CHAI VỆ SINH GIÀY	chai_ve_sinh_giay	

Hình 2.3.74. Mục quản lý trường dữ liệu

Người quản trị chọn mục “Manage Field”, hệ thống điều hướng đến trang quản lý trường dữ liệu.

Label	Machine name	Field type	Operations
color	attribute_color_demo	Entity reference	Edit
image	field_image_vo	Image	Edit
Weight	weight	Measurement	Locked

Hình 2.3.75. Trang quản lý trường dữ liệu

Người quản trị nhấn nút **+ Add field**, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm trường dữ liệu

Add field ☆



Error message

There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the se

Add a new field

or Re-use an existing field

- Select a field type -

- Select an existing field -

Save and continue

Hình 2.3.76. Trang thêm trường dữ liệu

Save and continue

Người quản trị nhấn nút **Save and continue** lưu và hệ thống chuyển hướng đến trang cài đặt các điều thuộc tính vừa thêm.

Người quản trị có thể xóa trường dữ liệu.

Người quản trị quản lý biểu mẫu hiển thị : cài đặt các biểu mẫu sẽ hiển thị trên trang cài đặt thuộc tính của sản phẩm.

Người quản trị quản lý hiển thị : cài đặt các trường dữ liệu sẽ được hiển thị trên trang khách hàng.

2.3.2.7. Chức năng quản lý loại sản phẩm

Người quản trị có quyền thêm, sửa, xóa loại sản phẩm

Products

> Product types

Manage fields, form and display settings for your products.

> Product variation types

Manage fields, form and display settings for your product variations.

Hình 2.3.77. Mục loại sản phẩm

Người quản trị nhấn vào mục loại sản phẩm , hệ thống điều hướng đến trang quản lý loại sản phẩm

Product type	ID	Product variation types	Operations
Bags & Backpacks	bags_backpacks	Bags & Backpacks	Edit
Basketball	basketball	Basketball	Edit
Gym And Trainning	gym_and_trainning_	Gym And Trainning	Edit
Lifestyle Shoes	lifestyle_shoes_	Lifestyle Shoes	Edit
Mặc định	default	Default	Edit
Running	running	Running	Edit

Hình 2.3.78. Trang quản lý loại sản phẩm

2.3.2.7.1. Thêm loại sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **+ Add product type**, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm loại sản phẩm

Label *

Description

This text will be displayed on the *Add product* page.

Variations

Product variation type(s)

- Create new - ▾

Allow each product to have multiple variations.

Inject product variation fields into the rendered product.

Publish new products of this type by default.

Hình 2.3.79. Trang thêm loại sản phẩm

Người quản trị nhập tên loại sản phẩm và trường dữ liệu label.

Người quản trị có thể mô tả loại sản phẩm.

Người quản trị chọn loại biến thể sản phẩm cho loại sản phẩm.

Save

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin loại sản phẩm.

2.3.2.7.2. **Chỉnh sửa loại sản phẩm**

Người quản trị nhấn nút **Edit**, hệ thống chuyển hướng đến trang chỉnh sửa loại sản phẩm.

Người quản trị chỉnh sửa thông tin loại sản phẩm.

Save

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin.

2.3.2.7.3. **Xóa loại sản phẩm**

Người quản trị nhấn nút **Delete** để xóa loại sản phẩm muốn xóa.

2.3.2.7.4. Quản lý trường dữ liệu

Bags & Backpacks	bags_backpacks	Edit
Basketball	basketball	Manage fields
CHAI VỆ SINH GIÀY	chai_ve_sinh_giay	Manage form display

Hình 2.94 : Mục quản lý trường dữ liệu của loại sản phẩm

Người quản trị nhấn vào mục “Manage Field”, hệ thống chuyển hướng đến trang quản lý trường dữ liệu

Manage fields				
Edit	Manage fields	Manage form display	Manage display	Duplicate
Error message There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the available updates page for more information and to install your missing updates.				
+ Add field				
Label	Machine name	Field type	Operations	
Body	body	Text (formatted_long_with_summary)	Edit	
Images	field_images	Image	Edit	
Price	field_price	Price	Edit	

Hình 2.3.80. Trang quản lý trường dữ liệu sản phẩm

Người quản trị nhấn nút **+ Add field**, hệ thống chuyển hướng trang đến trang thêm trường dữ liệu.

Người quản trị chọn mục “Manage form display”: cài đặt các biểu mẫu hiển thị nhập các trường dữ liệu của loại sản phẩm

Người quản trị chọn mục “Manage display” : cài đặt trường dữ liệu sẽ được hiển thị trên trang khách hàng.

2.3.2.8. Chức năng quản lý phương thức thanh toán

Người quản trị thêm các công thanh toán.

Payment

> Payment gateways

Configure the gateways you take payment through.

Hình 2.3.81. Mục cảng thanh toán

Người quản trị nhấn vào mục “Payment gateways”, hệ thống điều hướng đến trang quản lý cảng thanh toán

The screenshot shows the 'Payment gateways' configuration page. At the top, there is a breadcrumb navigation: Home > Administration > Commerce > Configuration > Payment gateways. Below the breadcrumb, there is an error message: "There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates." A blue button labeled "+ Add payment gateway" is visible. The main content area displays a table of payment gateways:

Payment gateway	ID	Mode	Status	Operations
Credit Card	credit_card	N/A	Enabled	<button>Edit</button>
Pay by cash	pay_by_cash	N/A	Enabled	<button>Edit</button>
Email Money Transfer	email_money_transfer	N/A	Enabled	<button>Edit</button>

A blue 'Save' button is located at the bottom left of the table.

Hình 2.3.82. Trang quản lý cảng thanh toán

2.3.2.8.1. Thêm cảng thanh toán

Người quản trị nhấn nút "+ Add payment gateway", hệ thống chuyển hướng đến trang thêm cảng thanh toán

Name*

Plugin*

- Example (Off-site redirect with stored payment methods)
- Example (Off-site redirect)
- Example (On-site)
- Manual

Display name*

Example Stored Offsite

Shown to customers during checkout.

Mode*

- Test
- Live

Redirect method

- Redirect via GET (302 header)
- Redirect via POST (automatic)
- Redirect via POST (manual)

Conditions

Customer Not restricted	<input type="checkbox"/> Customer ID
Order Not restricted	<input type="checkbox"/> Customer role
Products Not restricted	<input type="checkbox"/> Customer email
Shipment Not restricted	<input type="checkbox"/> Billing address
	<input type="checkbox"/> Shipping address

Status

- Disabled
- Enabled

Hình 2.3.83. Trang thêm cổng thanh toán

Người quản trị nhập tên cổng thanh toán, tên sẽ hiển thị trên trang khách hàng.

Người quản trị chọn manual và các điều kiện của cổng thanh toán

Trạng thái mặc định của cổng thanh toán là “Enabled”.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin cổng thanh toán vừa thêm.

2.3.2.8.2 Chỉnh sửa cổng thanh toán

Người quản trị nhấn nút **Edit**, hệ thống chuyển hướng người quản trị đến trang chỉnh sửa thông tin cổng thanh toán.

Người quản trị chỉnh sửa thông tin trong trang chỉnh sửa cổng thanh toán.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin chỉnh sửa.

2.3.2.8.3. Xóa cổng thanh toán

Người quản trị nhấn nút **Delete** để xóa cổng thanh toán.

2.3.2.9. Chức năng quản lý cửa hàng

Người quản trị có quyền thêm, xóa, sửa cửa hàng.

> Stores

Manage your stores.

Hình 2.3.84. Mục cửa hàng

Người quản trị nhấn vào mục cửa hàng, hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang quản lý cửa hàng.

The screenshot shows the 'Stores' management interface. At the top, there's a breadcrumb navigation: Home > Administration > Commerce > Configuration > Stores. Below the breadcrumb is a title 'Stores'. A red error message box displays a security update notice: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately. See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below the message are buttons for '+ Add store', 'With selection', 'Delete store', and 'Apply to selected items'. The main table lists one store entry: 'Name' (PhuongVy), 'Updated' (10/22/2022 - 19:49), and 'Operations' (Edit). There are also checkboxes for selecting multiple items.

Hình 2.3.85. Trang quản lý cửa hàng

2.3.2.9.1. Thêm cửa hàng

Người quản trị nhấn nút **+ Add store**, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm cửa hàng.

The screenshot shows the 'Add store' form. It includes fields for 'Name*' (empty input field), 'Email*' (empty input field), 'Default currency*' (dropdown menu with placeholder '- Select a value -'), and 'Timezone*' (dropdown menu set to 'Ho Chi Minh'). A note below the timezone dropdown states: 'Used when determining promotion and tax availability.'

Hình 2.3.86. Trang thêm cửa hàng

Người quản trị nhập tên cửa hàng, địa chỉ email của cửa hàng, chọn định dạng tiền tệ, múi giờ.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin.

2.3.2.9.2 Sửa cửa hàng

Người quản trị nhấn nút **Edit** để chuyển hướng trang đến trang chỉnh sửa thông tin

Người quản trị chỉnh sửa thông tin cửa hàng và nhấn nút **Save** để lưu thông tin chỉnh sửa.

2.3.2.9.3 Xóa cửa hàng



Hình 2.3.87. Hành động xóa cửa hàng

Người quản trị chọn cửa hàng muốn xóa.

Người quản trị nhấn nút **Apply to selected items** để xóa cửa hàng.

2.3.2.10. Chức năng quản lý phiếu khuyến mãi

Người quản trị có quyền thêm, sửa, xóa phiếu khuyến mãi.

The screenshot shows the 'Promotions' section of the Commerce module. At the top, there is an error message box stating: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below this, there is a list of management options:

- > Orders: Manage your orders.
- > Product attributes: Manage your product attributes.
- > Products: Manage your products.
- > **Promotions**: Manage your promotions. (This option is highlighted with a red box.)
- > Shipping methods: Manage your shipping methods.

Hình 2.3.88. Mục khuyến mãi (Promotions)

Người quản trị chọn mục Promotions , hệ thống chuyển hướng trang đến quản lý khuyến mãi.

The screenshot shows the 'Promotions'管理页面. At the top, there are tabs for 'List' (which is selected) and 'Reorder'. A prominent dark banner at the top displays an 'Error message': 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below this, a blue button labeled '+ Add promotion' is visible. The main area contains a table with columns: Name, Offer type, Coupon code, Status, and Operations. Two rows of data are shown:

Name	Offer type	Coupon code	Status	Operations
10% ON 2000000	Percentage off the order subtotal	5 / Unlimited	Unlimited	Sat, 11/26/2022 - 14:46 Edit
30% on 3000000 or more orders	Percentage off the order subtotal	3 / Unlimited	Unlimited	Mon, 10/24/2022 - 11:52 Sat, 12/31/2022 - 00:55 Edit

Hình 2.3.89. Trang quản lý khuyến mãi

2.3.2.10.1. Thêm phiếu khuyến mãi

Người quản trị nhấn nút **+ Add promotion**, hệ thống chuyển hướng đến trang thêm khuyến mãi.

Error message
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Name*

Display name*

If provided, shown on the order instead of "Discount".

Description

Offer type*
 - Select -

Conditions

- Customer** Not restricted
 - Customer ID
 - Customer role
 - Customer email
 - Billing address
 - Shipping address
- Order** Not restricted
- Products** Not restricted
- Shipment** Not restricted

All conditions must pass
 Only one condition must pass

Status*
 Disabled
 Enabled

Order types*
 Default
 Recurring
 Restrict to specific stores

Dates

Start date*
12/03/2022 07:09:08 PM
 Provide an end date

Coupons
 Require a coupon to apply this promotion
There are no coupons defined for this promotion yet.

Usage limits

Total available
 Unlimited
 Limited number of uses

Total per customer
 Unlimited
 Limited number of uses

Compatibility

Compatibility with other promotions*
 Any promotion
 Not with any other promotions

Save **Save and add coupons**

Hình 2.3.90. Trang thêm khuyến mãi

Người quản trị nhập tên khuyến mãi, tên sẽ hiển thị, chọn loại mua hàng sẽ áp dụng khuyến mãi.

Người quản trị cài đặt điều kiện để áp dụng khuyến mãi.

Người quản trị chọn loại đặt hàng để áp dụng khuyến mãi.

Người quản trị chọn trạng thái bật/tắt phiếu khuyến mãi.

Người quản trị cài đặt ngày bắt đầu khuyến mãi.

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin hoặc nút **Save and add coupons** để lưu và chuyển hướng đến trang thêm các phiếu giảm giá áp dụng cho khuyến mãi.

2.3.2.10.2 Chỉnh sửa phiếu khuyến mãi

Người quản trị nhấn nút **Edit** để chuyển hướng đến trang chỉnh sửa thông tin.

Người quản trị chỉnh sửa tên khuyến mãi, tên hiển thị, loại mua hàng sẽ áp dụng khuyến mãi.

Người quản trị chỉnh sửa ngày bắt đầu khuyến mãi.

Người quản trị chỉnh sửa trạng thái của phiếu khuyến mãi.

Save

Người quản trị nhấn nút **Save** để lưu thông tin khuyến mãi.

2.3.2.10.3 Xóa phiếu khuyến mãi

Delete

Người quản trị nhấn mục **Delete** để xóa khuyến mãi.

2.3.2.10.4 Quản lý các phiếu giảm giá của từng khuyến mãi :

Coupons

Người quản trị nhấn mục **Coupons** để điều hướng đến trang quản lý các phiếu giảm giá áp dụng cho khuyến mãi.

The screenshot shows the 'Coupons' management page in a Drupal Commerce environment. At the top, there's a navigation bar with links like Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. Below the navigation is a breadcrumb trail showing 'Home > Coupons'. The main area has a title 'Coupons' with a star icon. There are two buttons at the top: '+ Add coupon' and '+ Generate coupons'. A search bar with 'Code' placeholder and a 'Filter' button follows. The main content area displays a table of coupons:

Code	Usage	Per-customer limit	Operations
Q6RS7R7Z	1 / 1	1	Edit Delete
dJYzyoLb	0 / 1	1	Edit Delete

An error message box is displayed at the top, stating: 'There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing update.'

Hình 2.3.91. Trang quản lý các phiếu giảm giá

Người dùng nhấn vào nút **+ Add coupon** để chuyển hướng đến trang phiếu giảm giá hoặc nhấn nút **+ Generate coupons** để chuyển hướng đến trang tạo phiếu giảm giá.

Coupon code

Status*
 Disabled
 Enabled

Total available
 Unlimited
 Limited number of uses

Total per customer
 Unlimited
 Limited number of uses

Start date

Provide an end date

Save

Generate coupons ☆

Error message
 There is a security update available for your version of Drup

Number of coupons*

Coupon code pattern

Format*

Prefix

Suffix

Length*

Length does not include prefix/suffix.

Number of uses per coupon
 Unlimited
 Limited number of uses

Number of uses per customer per coupon
 Unlimited

Hình 2.3.92. Trang tự tạo số lượng coupons

2.3.2.10.5. Tìm kiếm khuyến mãi

Name	Offer type	Coupon code	Status	Apply
	- Any -		- Any -	

Hình 2.3.94. Mục tìm kiếm khuyến mãi

Người quản trị tìm kiếm khuyến mãi bằng hình thức nhập tên khuyến mãi.

Người quản trị tìm kiếm khuyến mãi bằng hình thức lọc loại mua hàng.

Người quản trị tìm kiếm mã giảm giá bằng hình thức nhập mã giảm giá (coupons code).

Người quản trị tìm kiếm khuyến mãi bằng cách lọc trạng thái khuyến mãi.

2.4. Chi tiết thực hiện xây dựng website

2.4.1. Tạo thực đơn(menu)cho website:

Chọn cấu trúc (Structure) và chọn thực đơn(Menu).

Mặc định của Drupal có sẵn 5 menu gồm : Main navigation - menu chính của website , footer, management menu - menu dành cho người quản trị website, user account menu - menu dành cho người dùng , tools, Administration.

Title	Description	Operations
Các công cụ	User tool links, often added by modules	Edit menu
Main navigation	Site section links	Edit menu
Phản hồi	Site information links	Edit menu
Quản lý	Administrative task links	Edit menu
User account menu	Links related to the active user account	Edit menu

Hình 2.4.1. Trang quản lý các menus

Chọn nút **Edit menu** của menu main navigation. Hệ thống điều hướng đến trang chỉnh sửa của menu Main navigation.

Chọn nút **+ Add link** để thêm phần tử(Items) vào menu. Hệ thống điều hướng đến trang thêm liên kết menu.

Menu link title : tiêu đề của menu.

Link : đường link dẫn đến khi chọn vào phần tử(Items).

Description: mô tả cho phần tử(Items).

Enable: Hiển thị hoặc không hiển thị phần tử(Items).

Show as expanded : Nếu phần tử(Items) có cấp con, chọn vào mục này để hệ thống phân cấp các menu.

Parent link: Phần tử(Item) cha của phần tử(Item) hiện tại.

Weight : trọng lượng của phần tử(Item), mục đích của weight là sắp xếp thứ tự các phần tử(Item) cùng cấp. Chỉ số cao là được sắp xếp phía dưới.

The screenshot shows the 'Edit menu link' page in a Drupal admin interface. At the top, there's a navigation bar with 'Home', 'Administration', 'Structure', and 'Menus'. Below it is a toolbar with 'Back to site', 'Manage', 'Shortcuts', and a user icon. A red banner at the top displays an 'Error message' about a security update. The main form has fields for 'Menu link title' (containing 'Woman'), 'Link' (containing '/woman'), and 'Enabled' (checkbox checked). It also includes sections for 'Description', 'Show as expanded' (checkbox checked), and 'Attributes' (with 'Menu Link Attributes' and 'Menu Item Attributes' subsections). A 'Parent link' dropdown is set to '<Main navigation>'. A 'Weight' input field shows '-48'. At the bottom are 'Save' and 'Delete' buttons.

Hình 2.4.2. : Trang chỉnh sửa phần tử(Item)

Nhấn nút **Save** để lưu lại thông tin

2.4.2. Hiển thị sản phẩm theo dạng khôi

Chọn thương mại(Commerce) và chọn sản phẩm (Product).

Chọn thêm sản phẩm **+ Add product**.

Thêm 3 sản phẩm của loại Gym And Training.

<input type="checkbox"/>	Nike SuperRep Cycle 2 Next Nature	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:32	Edit ▾
<input type="checkbox"/>	Nike SuperRep Go 3 Next Nature Flyknit	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:32	Edit ▾
<input type="checkbox"/>	Nike Metcon 8 Men's Training Shoes	Gym And Training	Published	11/26/2022 - 14:29	Edit ▾

Hình 2.4.3. Sản phẩm của loại Gym and Training

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn hiển thị(Views)

The screenshot shows the 'Views' administration page in Drupal. At the top, there is a navigation bar with links for Content, Commerce, Structure, Appearance, Extend, Configuration, People, Reports, and Help. Below the navigation, the breadcrumb path shows Home > Administration > Structure > Views. There are two tabs: 'List' (which is selected) and 'Settings'. A prominent error message box at the top states: 'Error message: There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.' Below the message is a blue button labeled '+ Add view'. A search bar allows filtering by view name, machine name, description, or display path. The main area is titled 'Enabled' and lists five views:

View name	Machine name	Description	Displays	Operations
Activity	commerce_activity		Block	<button>Edit</button>
Advanced Queue jobs	advancedqueue_jobs		Page (/admin/config/system/queues/jobs/%)	<button>Edit</button>
A Some Popular Bags & Backpacks	a_some_popular_bags_backpacks_		Block	<button>Edit</button>
ban	ban		Block	<button>Edit</button>

Hình 2.4.4. Trang quản lý nội dung của khách hàng

Nhấn nút **+ Add view**. Hệ thống điều hướng đến trang thêm một view mới.

Home > Administration > Structure > Views

Add view ☆

Back to site **Manage** **Shortcuts** **phuongvy**

Content Commerce Structure Appearance Extend Configuration People Reports Help

There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

View basic information

View name*
 Machine name: gym_and_trainning_ [\[Edit\]](#)

Description

View settings

Show: Product of type: Gym And Trainning sorted by: Unsorted

Page settings

Create a page

Page title

Path

Page display settings

Display format: Unformatted list of: Fields

Items to display

Use a pager

Create a menu link

Menu

Link text

Include an RSS feed

Block settings

Create a block

REST export settings

Provide a REST export

Save and edit **Cancel**

Hình 2.4.5. Trang thêm một View mới

View Name : Tên của view ở đây là “Gym and Training”

Description : mô tả tác dụng của views, hoặc mô tả chức năng dùng view này để làm gì.

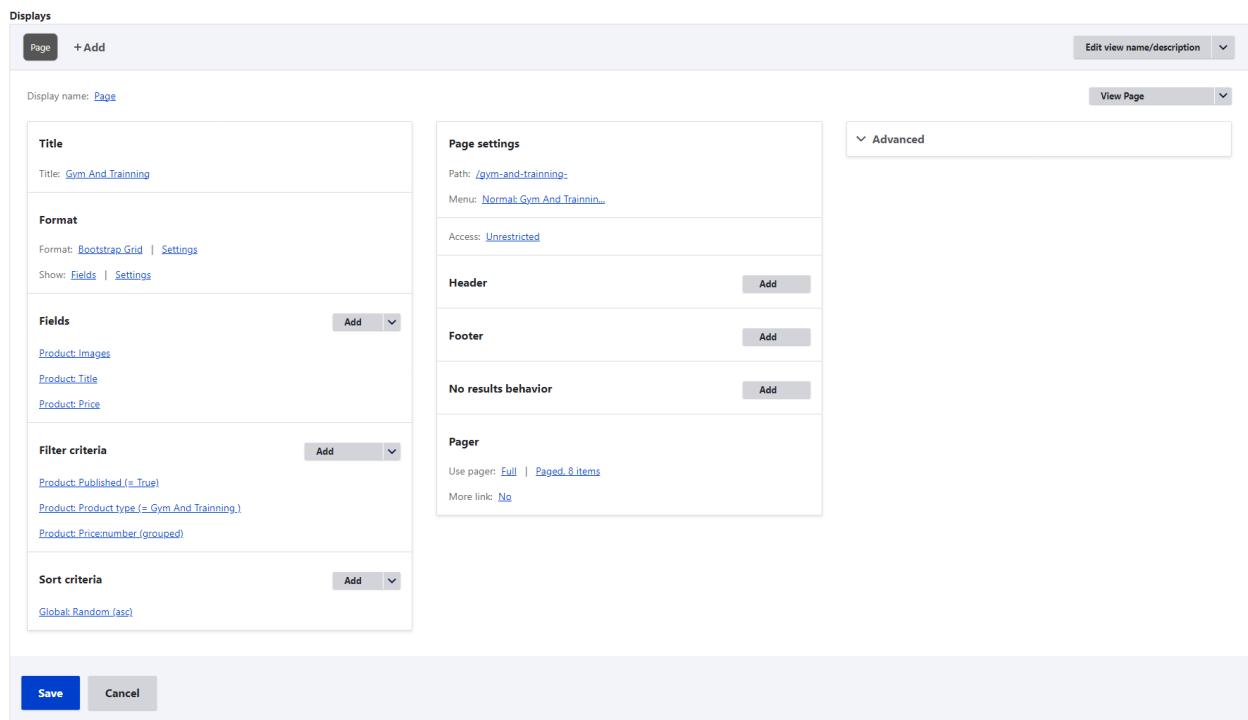
Show: xác định view hiển thị sẽ hiển thị nội dung liên quan đến sản phẩm

Gym and Training: là hiển thị sản phẩm của loại “Gym and Training”, hiển thị các trường dữ liệu của loại sản phẩm.

Create a page : là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại page này buộc phải nhập đường liên kết(path) và page luôn được hiển thị ở dạng nội dung chính, cũng tức là nơi hiển thị nội dung chính.

Create a block: là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại block không bắt buộc phải nhập đường liên kết(path), block muốn được hiển thị ở vị trí nào thì trang quản trị của block sẽ điều khiển.

Chọn nút **Save and edit** để tiếp tục . Hệ thống điều hướng đến giao diện thiết lập views.



Hình 2.4.6. Giao diện thiết lập views

Title : tiêu đề của views.

Format : định dạng của view hay còn gọi là cách hiển thị trang view. Ở đây sử dụng định dạng Bootstrap Grid- dạng lưới(cài đặt module Bootstrap view để sử dụng).

Show: cũng là một kiểu hiển thị khác, mặc định của nó là “Product”, nếu chọn kiểu “Product” thì không được phép can thiệp vào Fields khi sử dụng Bootstrap Grid . Nội dung hiển thị sẽ được lấy từ mục “Manage display” của product. Mục show này thường sử dụng “Fields” để hiển thị các trường dữ liệu theo yêu cầu và mục đích sử dụng.

Chọn nút **Add** để thêm các trường dữ liệu muốn hiển thị.

Fields

Add



[Product: Images](#)

[Product: Title](#)

[Product: Price](#)

Hình 2.4.7. Trường dữ liệu được thêm

Filter criteria: điều kiện hiển thị nội dung.

Chọn **Add** để thêm điều kiện lọc.

Filter criteria

Add



[Product: Published \(= True\)](#)

[Product: Product type \(= Gym And Trainning.\)](#)

[Product: Price:number \(grouped\)](#)

Hình 2.4.8. Điều kiện lọc

Điều kiện lọc sản phẩm là phải ở trạng thái “Publish”

Điều kiện lọc sản phẩm là phải theo loại sản phẩm . Chỉ hiển thị những sản phẩm của loại “Gym and Training”.

Điều kiện thứ ba là lọc theo giá, cái này sẽ do người dùng tự lọc. Gồm 4 nhóm giá : under 1000000(dưới 1000000), 1000000-3000000, 3000000-5000000, và over 5000000(trên 5000000). Điều này sẽ do khách hàng tự lọc.

Sort criteria

Add



[Global: Random \(asc\)](#)

Hình 2.4.9. Điều kiện sắp xếp

Sort criteria : là điều kiện để sắp xếp các sản phẩm được hiển thị

Điều kiện sắp xếp sản phẩm ở đây là random tăng dần. Các sản phẩm sẽ được sắp xếp ngẫu nhiên.

Page setting : đối với page view thì đường liên kết(path) là quan trọng nhất.

Nhập path để dễ dàng truy cập. Khi khách hàng vào trang web sẽ vào trang hiển thị sản phẩm này.

Block settings: đối với block view thì block name là cái tên sẽ hiển thị ra trong mục block.

Header, footer : là hai khu vực đầu và chân của của trang view. Không cần thiết có thể không cần thêm vào.

Pager

Use pager: [Full](#) | [Paged, 8 items](#)

More link: [No](#)

Hình 2.4.10. Phân trang

Pager: phân trang sản phẩm. Thiết lập một trang sẽ hiển thị bao nhiêu sản phẩm.

Display a specified number of items: hiển thị một số lượng phần tử(item) nhất định. Ví dụ như ở đây hiển thị 8 sản phẩm trên một trang.

Display all items: hiển thị tất cả phần tử(item) hiện có.

Page output, full pager: phân trang theo thứ tự

Page output, mini pager: phân trang như bộ cục đơn giản.

Next more link: Cho phép tạo ra một nút như “Read more” của block, khi người lướt website chọn vào sẽ dẫn đến đường liên kết được đặt sẵn.

Advance: chứa những phần quan trọng giúp làm nên một website có cấu trúc và chức năng cực kỳ đa dạng. Hai phần quan trọng nhất của nó là : Relationship và Context filters.

Nhấn nút **Save** để lưu lại.

2.4.3. Quảng cáo (banner)

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn loại nội dung(Content type).

Nhấn nút **+ Add content type** tạo mục banner.

Sau khi tạo xong mục banner, thì thêm trường dữ liệu hình ảnh cho nội dung này.



Hình 2.4.11. Thêm trường dữ liệu hình ảnh

Chọn nội dung(Content) và chọn banner.

Tạo 5 nội dung của loại nội dung banner.

<input type="checkbox"/> slide5	banner	phuongvy	Published	11/23/2022 - 20:37	Edit
<input type="checkbox"/> slide4	banner	phuongvy	Published	11/23/2022 - 20:36	Edit
<input type="checkbox"/> slide3	banner	phuongvy	Published	11/23/2022 - 20:34	Edit
<input type="checkbox"/> slidehome2	banner	phuongvy	Published	11/23/2022 - 20:33	Edit
<input type="checkbox"/> slidehome1	banner	phuongvy	Published	11/23/2022 - 20:32	Edit

Hình 2.4.12. Năm nội dung của loại nội dung banner

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn views.

Nhấn nút **+ Add view** để thêm một view mới.

Home > Administration > Structure > Views

Add view ☆

Manage Shortcuts phuongvy

Content **Commerce** **Structure** **Appearance** **Extend** **Configuration** **People** **Reports** **Help**

View basic information

View name*
baner_ Machine name: baner_ [Edit]

Description

View settings

Show: Content of type: banner sorted by: Newest first

Page settings

Create a page

Block settings

Create a block

Block title
baner_

Block display settings

Display format: FlexSlider of: titles (linked)

Items per block
5

Use a pager

REST export settings

Provide a REST export

Save and edit **Cancel**

Hình 2.4.13. Thêm View banner

View Name : Tên của view ở đây là “banner”.

Description : mô tả tác dụng của views, hoặc mô tả chức năng dùng view này để làm gì.

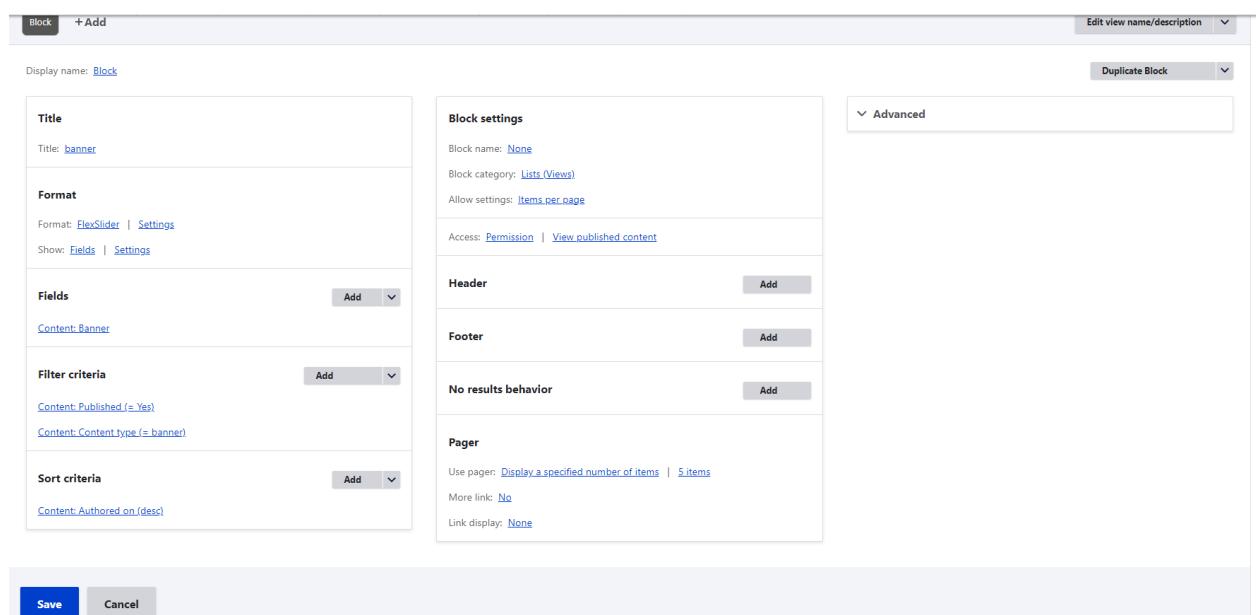
Show: xác định view hiển thị sẽ hiển thị nội dung.

banner : là hiển thị nội dung liên quan đến các nội dung của loại banner, hiển thị các trường dữ liệu của banner.

Create a page : là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại page này buộc phải nhập đường liên kết(path) và page luôn được hiển thị ở dạng nội dung chính, cũng tức là nơi hiển thị nội dung chính

Create a block: là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại block không bắt buộc phải nhập đường liên kết(path), block muốn được hiển thị ở vị trí nào thì trang quản trị của block sẽ điều khiển.

Chọn nút **Save and edit** để tiếp tục . Hệ thống điểu hướng đến giao diện thiết lập views.



Hình 2.4.14. Giao diện thiết lập view

Title : tiêu đề của views này là banner.

Format : định dạng của view hay còn gọi là cách hiển thị trang view. Ở đây sử dụng định dạng FlexSlider(cài đặt module Flexslider và thư viện đi kèm để sử dụng - cách cài đặt thư viện đi kèm đã được nêu ở mục 2.2)

Show: cũng là một kiểu hiển thị khác, mặc định của nó là “Content”, nếu chọn kiểu “Content” thì không được phép can thiệp vào Fields khi sử dụng FlexSlider . Nội dung hiển thị sẽ được lấy từ mục “Manage display” của banner. Mục show này thường sử dụng “Fields” để hiển thị các trường dữ liệu theo yêu cầu và mục đích sử dụng.

Chọn nút **Add** để thêm các trường dữ liệu muốn hiển thị.



Hình 2.4.15. Trường dữ liệu được thêm của view banner

Filter criteria: điều kiện hiển thị nội dung.

Chọn **Add** để thêm điều kiện lọc.



Hình 2.4.16. Điều kiện lọc nội dung hiển thi

Điều kiện lọc nội dung là phải ở trạng thái “Publish”

Điều kiện lọc nội dung là phải theo loại nội dung . Chỉ hiển thị những nội dung của loại nội dung có tên là banner.



Hình 2.4.17. Điều kiện sắp xếp

Block settings: đối với block view thì block name là cái tên sẽ hiển thị ra trong mục block.

Header, footer : là hai khu vực đầu và chân của của trang view. Không cần thiết có thẻ không cần thêm vào.

Pager

Use pager: [Display a specified number of items](#) | [5 items](#)

More link: [No](#)

Link display: [None](#)

Hình 2.4.18. Phân trang

Pager: phân trang sản phẩm. Thiết lập một trang sẽ hiển thị bao nhiêu sản phẩm.

Display a specified number of items: hiển thị một số lượng phần tử(item) nhất định.
Ví dụ như ở đây hiển thị 5 nội dung trên một trang.

Display all items: hiển thị tất cả phần tử(item) hiện có.

Page output, full pager: phân trang theo thứ tự.

Page output, mini pager: phân trang như bối cục đơn giản.

Next more link: Cho phép tạo ra một nút như “Read more” của block, khi người lướt website chọn vào sẽ dẫn đến đường liên kết được đặt sẵn.

Advance: chứa những phần quan trọng giúp làm nên một website có cấu trúc và chức năng cực kỳ đa dạng. Hai phần quan trọng nhất của nó là : Relationship và Context filters.

Nhấn nút **Save** để lưu lại.

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn bối cục khói(Block layout).

Nhấn nút **Place block** để đặt vùng nội dung của khói.

Nhấn vào nút **Place block** để đặt khói banner.

Đặt cài đặt khả năng hiển thị(Visibility) để khói chỉ xuất hiện trên trang chủ.

Sắp xếp lại các khói nội dung để khói biểu mẫu hiển thị hiển ở Highlighted.

Nhấn nút **Save block** để lưu khói.

2.4.4. Thanh trượt (slider) sản phẩm

Chọn thương mại (Ecommerce) và chọn sản phẩm(Product).

Tạo 10 sản phẩm của loại Bags & backpacks.

Chọn cấu hình(Configuration) và chọn FlexSlider.

Nhấn nút **+ Add optionset** thêm một bộ tùy chọn.

Tạo bộ tùy chọn Slider_product.

Error message
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

Label*
 Machine name: slider_product
A human-readable title for this option set.

General Slideshow and Animation Settings

Navigation and Control Settings

Advanced Options

Animation
Slide

Select your animation type

Animation Speed
600
Set the speed of animations, in milliseconds

Slide Direction
Horizontal

Select the sliding direction, "horizontal" or "vertical"

Slideshow
Animate the slides automatically

Easing
Swing

The description appears usually below the item.

Smooth Height
Animate the height of the slider smoothly for slides of varying height.

Reverse
Animate the slides in reverse

Slideshow speed
7000
Set the speed of the slideshow cycling, in milliseconds

Loop Slideshow
Loop the slideshow once it reaches the last slide.

Randomize Slide Order
Randomize the order the slides play back.

Starting Slide
0
The slide that the slider should start on. Ex: For the first slide enter "0", for the second enter "1", etc. If you enter a value which is greater than the number of slides, the slider will default to the first slide.

Item Width
210
Box-model width of individual carousel items, including horizontal borders and padding.

Item Margin
5
Margin between carousel items. (N.B: the margin must be set in your CSS styles. This property merely informs FlexGlider of the margin.)

Minimum Items
2
Minimum number of carousel items that should be visible.

Max Items
5
Maximum number of carousel items that should be visible.

Move
0
Number of carousel items that should move on animation. If 0, slider will move all visible items.

Save **Delete**

Hình 2.4.19. Thêm bộ tùy chọn Slider_product

Animation: chọn slide hiển thị dưới dạng thanh trượt.

Animation Speed : thiết lập tốc độ của hoạt ảnh là 600 mili giây.

Slider Direction: thiết lập hướng trượt, ngang hoạt động.

Slideshow speed : đặt tốc độ lặp lại là 7000 mili giây.

Starting slide: trang chiếu mà thanh trượt sẽ bắt đầu. Đối với trang chiếu đầu tiên thì nhập "0", đối với trang chiếu thứ hai thì nhập "1". Nếu nhập một giá trị lớn hơn số lượng trang chiếu, thanh trượt sẽ mặc định là trang chiếu đầu tiên.

Độ rộng phần tử(Item Width): Chiều rộng mô hình hộp của các mục băng chuyền riêng lẻ, bao gồm các đường viền ngang và phần đệm. Độ rộng của mỗi phần tử(Items) ở đây là 210.

Căn lề phần tử (Item Margin): Lề giữa các mục băng chuyền là 5.

Số phần tử tối thiểu(Minimum Items): Số mục băng chuyền tối thiểu sẽ hiển thị là 2 phần tử(Items).

Số tử tối đa (Max Items): Số mục băng chuyền tối đa sẽ hiển thị là 5 phần tử (Items).

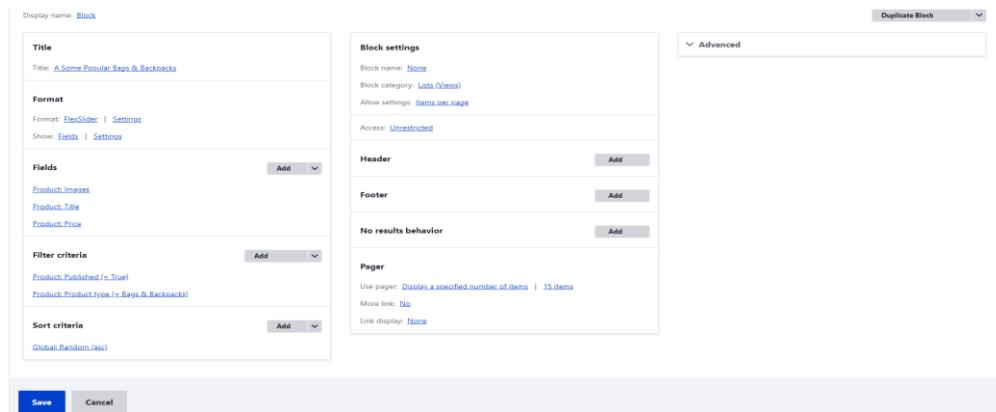
Di chuyển(Move): Số mục băng chuyền sẽ di chuyển trên hoạt ảnh. Nếu 0, thanh trượt sẽ di chuyển tất cả các mục có thể nhìn thấy.

Nhấn nút **Save** để lưu lại thông tin.

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn Views.

Tạo một khôi hiển thị “A some Popular Bags & Backpacks”.

Sau khi tạo nhấn nút và đến trang thiết lập giao diện của khôi hiển thị “ A some Popular Bags & Backpacks”.

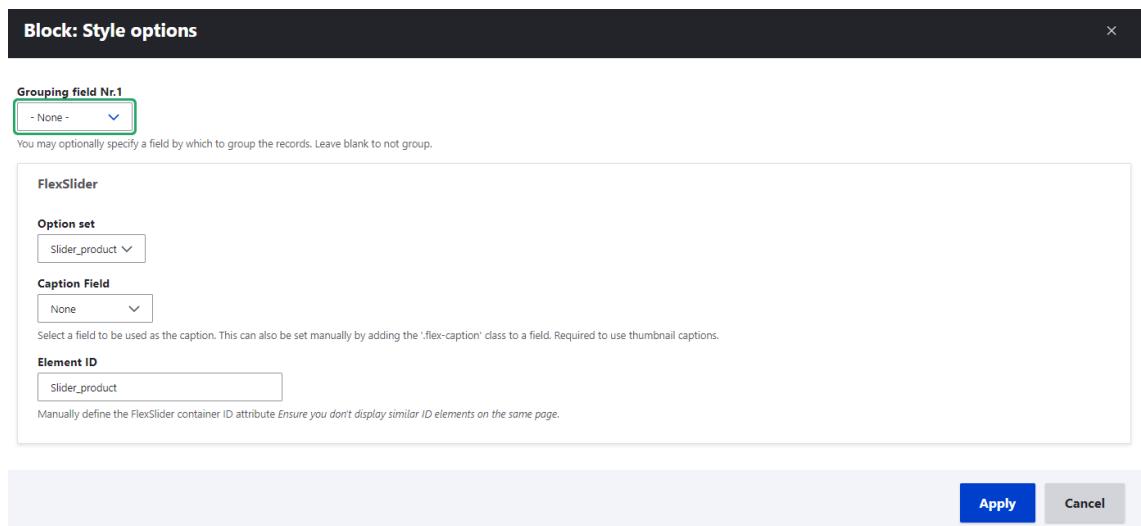


Hình 2.4.20. Giao diện thiết lập của khôi “ A some Popular Bags & Backpacks”

Title: tiêu đề của view là “ A Some Popular Bags & Backpacks”.

Format : định dạng của view hay còn gọi là cách hiển thị trang view. Ở đây sử dụng định dạng FlexSlider(cài đặt module Flexslider và thư viện đi kèm để sử dụng - cách cài đặt thư viện đi kèm đã được nêu ở mục 2.2).

Chọn “Settings” bên cạnh trình định dạng FlexSlider để thiết lập bộ tùy chọn.



Hình 2.4.21. Option set

Option set: chọn bộ tùy chọn là Slider_product.

Caption field: Chọn một trường sẽ được sử dụng làm chú thích. Điều này cũng có thể được đặt thủ công bằng cách thêm lớp '.flex-caption' vào một trường. Bắt buộc phải sử dụng chú thích hình thu nhỏ. Có thể để “None”.

Element ID: Xác định thủ công thuộc tính ID bộ chứa FlexSlider. Đảm bảo không hiển thị các thành phần ID tương tự trên cùng một trang. Mỗi khối thiết lập sẽ có phần tử với mã ID khác nhau. Ở đây sẽ đặt ID phần tử là : “Slider_product”.

Show: cũng là một kiểu hiển thị khác, mặc định của nó là “Product”, nếu chọn kiểu “Product” thì không được phép can thiệp vào Fields khi sử dụng FlexSlider . Nội dung hiển thị sẽ được lấy từ mục “Manage display” của loại sản phẩm. Mục show này thường sử dụng “Fields” để hiển thị các trường dữ liệu theo yêu cầu và mục đích sử dụng.

Chọn nút **Add** để thêm các trường dữ liệu muốn hiển thị.

Fields

[Product: Images](#)

[Product: Title](#)

[Product: Price](#)

Add ▼

Hình 2.4.22. Trường dữ liệu được thêm của khối hiển thị

Filter criteria: điều kiện hiển thị nội dung.

Chọn **Add** để thêm điều kiện lọc.

Filter criteria

[Product: Published \(= True\)](#)

[Product: Product type \(= Bags & Backpacks\)](#)

Add ▼

Hình 2.4.23. Điều kiện lọc nội dung hiển thị

Điều kiện lọc nội dung là phải ở trạng thái “Publish”.

Điều kiện lọc sản phẩm là phải theo loại sản phẩm . Chỉ hiển thị những sản phẩm của loại sản phẩm có tên là “Bags & Backpacks”.

Sort criteria

[Global: Random \(asc\)](#)

Add ▼

Hình 2.4.24. Điều kiện sắp xếp

Điều kiện sắp xếp : sắp xếp ngẫu nhiên tăng dần.

Block settings: đối với block view thì block name là cái tên sẽ hiển thị ra trong mục block.

Header, footer : là hai khu vực đầu và chân của của trang view. Không cần thiết có thể không cần thêm vào.

Pager

Use pager: [Display a specified number of items](#) | [15 items](#)

More link: [No](#)

Link display: [None](#)

Hình 2.4.25. Phân trang cho khối “A some Bags & Backpacks”.

Pager: phân trang sản phẩm. Thiết lập một trang sẽ hiển thị bao nhiêu sản phẩm.

Display a specified number of items: hiển thị một số lượng phần tử(item) nhất định. Ví dụ như ở đây hiển thị 15 sản phẩm trên một trang.

Display all items: hiển thị tất cả phần tử(item) hiện có.

Page output, full pager: phân trang theo thứ tự.

Page output, mini pager: phân trang như bố cục đơn giản.

Next more link: Cho phép tạo ra một nút như “Read more” của block, khi người lướt website chọn vào sẽ dẫn đến đường liên kết được đặt sẵn.

Advance: chứa những phần quan trọng giúp làm nên một website có cấu trúc và chức năng cực kỳ đa dạng. Hai phần quan trọng nhất của nó là : Relationship và Context filters.

Nhấn nút **Save** để lưu lại.

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn bố cục khối(Block layout).

Nhấn nút **Place block** để đặt vùng nội dung của khối.

Nhấn vào nút **Place block** để đặt khối A Some Popular Bags & Backpacks

Đặt cài đặt Khả năng hiển thị(Visibility) để khối chỉ xuất hiện trên trang chủ.

Sắp xếp lại các khối nội dung để khỏi Biểu mẫu hiển thị hiển ở Highlighted
Nhấn nút **Save block** để lưu khối.

2.4.5. Tìm kiếm sản phẩm

2.4.5.1. Thanh tìm kiếm cơ bản

Tải và cài đặt module Search API.

Gõ các cài đặt module Search của Drupal.

Chọn cấu hình (Configuration) và chọn Search API.

Nhấn nút **+ Add server** chuyển hướng trang đến thêm một Server.

The screenshot shows the 'Add search server' configuration page in Drupal. The URL is 'Home > Administration > Configuration > Search and metadata > Search API'. The page title is 'Add search server'. A red box highlights the 'Server name' field containing 'Database Product'. Below it is a note: 'Machine name: database_product, [Edit]'. Under 'Backend', 'Database' is selected. A note says: 'Indexes items in the database. Supports several advanced features, but should not be used for large sites.' A note also says: 'Choose a backend to use for this server.' A section titled 'Configure Database backend' shows settings for 'Minimum word length' (set to 1), 'Partial matching' (set to 'Match whole words only'), and other options. At the bottom is a blue 'Save' button.

Hình 2.4.26. Thêm server

Server name : Tên server ở đây là “Database Product”.

Bật server : Chỉ các máy chủ được bật mới có thể lập chỉ mục các mục hoặc thực hiện tìm kiếm.

\Description: mô tả server này sẽ làm gì.

Backend : Lập chỉ mục các mục trong cơ sở dữ liệu. Hỗ trợ một số tính năng nâng cao, nhưng không nên được sử dụng cho các trang web lớn.

Nhấn nút  để lưu thông tin server.

Nhấn nút  để thêm một chỉ mục cho server.

Nhập tên chỉ mục.

Cuộn xuống danh sách nguồn dữ liệu cho đến khi thấy Product.

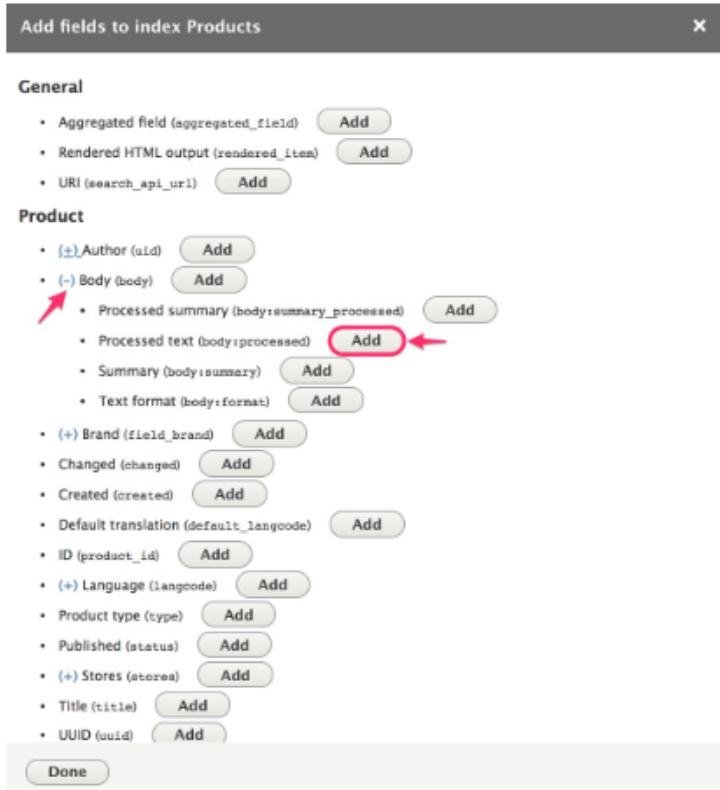
Chọn Sản phẩm làm loại dữ liệu muốn lập chỉ mục và tìm kiếm với chỉ mục này.

Chọn Database Product (máy chủ vừa tạo) cho Server.

Nhấn nút  để lưu thông tin.

Hình 2.4.27. Thêm chỉ mục cho server

Sử dụng nút **Add fields** để chọn tất cả các thuộc tính trường muốn lập chỉ mục. API tìm kiếm sẽ lưu trữ dữ liệu trên máy chủ tìm kiếm cho từng trường này. Trong một số trường hợp cần đi sâu vào các tùy chọn để định vị chính xác thuộc tính muốn lập chỉ mục.



Hình 2.4.28. Thêm trường để lập chỉ mục cho sản phẩm(Produkt)

Chỉ định loại cho từng trường được thêm vào.

Đặt giá trị tăng cường cho từng trường được thêm vào. Các trường có điểm tăng cao hơn sẽ được đẩy lên đầu danh sách tìm kiếm. Ví dụ: nếu Tiêu đề sản phẩm có điểm tăng là 5 và các trường khác chỉ có điểm tăng là 1, thì sản phẩm có cụm từ tìm kiếm trong tiêu đề sẽ xuất hiện cao hơn trong kết quả tìm kiếm so với sản phẩm chỉ có cụm từ trong tiêu đề khác lĩnh vực.

Label	Machine name	Property path	Type	Boost	Operations
Body » Processed text	processed	body:processed	Fulltext	1.00	Remove
Title	title	title	Fulltext	5.00	Remove
Variations » Product variation » SKU	sku	variations:entity:sku	Fulltext	1.00	Remove
Variations » Product variation » Title	title_1	variations:entity:title	Fulltext	1.00	Remove

Hình 2.4.29. Đặt giá trị tăng cường cho từng trường

Đặt cấu hình xử lý. Kích hoạt bộ xử lý muốn sử dụng. Chọn 3 mục : Entity status, HTML filter, and Ignore case.

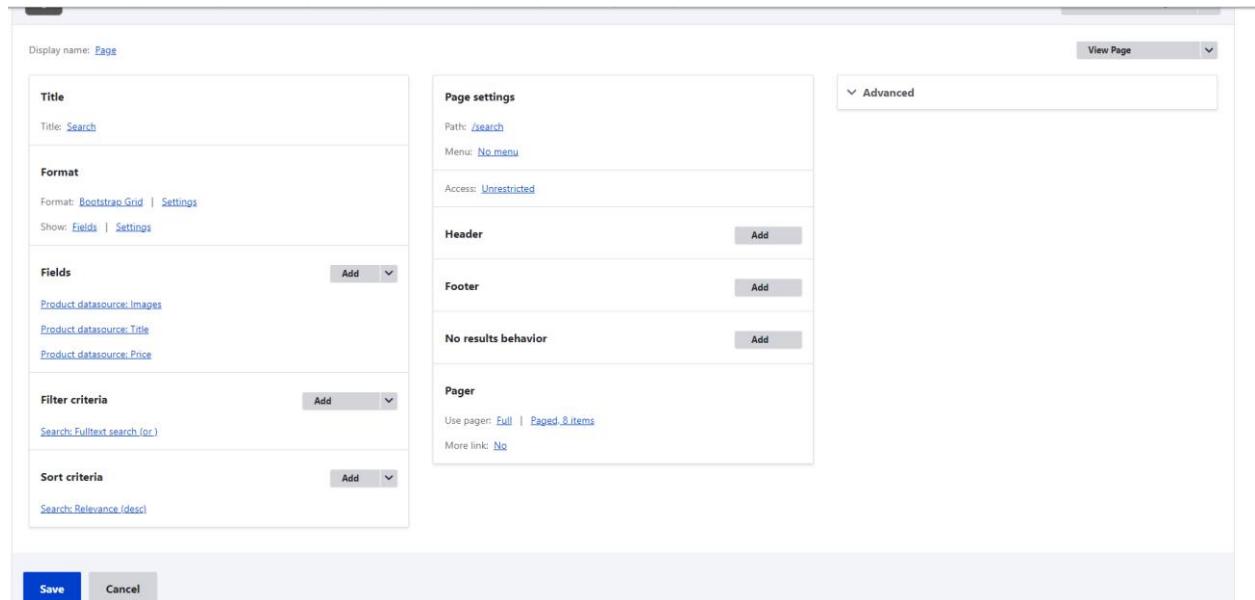
Có thể sử dụng cài đặt mặc định cho cài đặt của bộ xử lý.

Sau đó, đối với mỗi bộ xử lý đã chọn, có thể có một số cài đặt bổ sung để định cấu hình: Đối với cài đặt HTML filter chỉ cần bật bộ xử lý cho trường nội dung sản phẩm và bỏ chọn các tùy chọn khác. Đối với cài đặt Ignorecase chỉ cần sử dụng cài đặt mặc định.

Hình 2.4.30. Cài đặt cấu hình xử lý

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn view.

Tạo một view mới có tên là Search và thiết lập giao diện của của trang hiển thị Se



Hình 2.4.31. Giao diện của trang hiển thị Search

Title : tiêu đề của views là Search.

Format : định dạng của view hay còn gọi là cách hiển thị trang view. Ở đây sử dụng định dạng Bootstrap Grid- dạng lưới(cài đặt module Bootstrap view để sử dụng).

Show: cũng là một kiểu hiển thị khác, mặc định của nó là “Product”, nếu chọn kiểu “Product” thì không được phép can thiệp vào Fields khi sử dụng Bootstrap Grid . Nội dung hiển thị sẽ được lấy từ mục “Manage display” của product. Mục show này thường sử dụng “Fields” để hiển thị các trường dữ liệu theo yêu cầu và mục đích sử dụng.

Chọn nút **Add** để thêm các trường dữ liệu muốn hiển thị.

Fields

[Product: Images](#)

[Product: Title](#)

[Product: Price](#)

Hình 2.4.32. Trường dữ liệu được thêm

Filter criteria: điều kiện hiển thị nội dung.

Chọn **Add** để thêm điều kiện lọc.

Filter criteria

Add



[Search: Fulltext search \(or\)](#)

Hình 2.4.33. Điều kiện lọc nội dung Search

Điều kiện lọc sản phẩm là Chứa bất kỳ từ nào trong số những từ được nhập vào từ thanh tìm kiếm .

Sort criteria

Add



[Search: Relevance \(desc\)](#)

Hình 2.4.34. Điều kiện sắp xếp mức liên quan

Sort criteria : là điều kiện để sắp xếp các sản phẩm được hiển thị

Điều kiện sắp xếp sản phẩm ở đây là mức độ liên quan giảm dần.

Page setting : đối với page view thì đường liên kết(path) là quan trọng nhất.

Nhập path để dễ dàng truy cập. Khi khách hàng vào trang web sẽ vào trang hiển thị sản phẩm này.

Block settings: đối với block view thì block name là cái tên sẽ hiển thị ra trong mục block.

Header, footer : là hai khu vực đầu và chân của của trang view. Không cần thiết có thể không cần thêm vào.

Pager

Use pager: [Full](#) | [Paged, 8 items](#)

More link: [No](#)

Hình 2.4.35. Phân trang ở trang hiển thị thông tin tìm kiếm

Pager: phân trang sản phẩm. Thiết lập một trang sẽ hiển thị bao nhiêu sản phẩm.

Display a specified number of items: hiển thị một số lượng phần tử(item) nhất định.
Ví dụ như ở đây hiển thị 8 sản phẩm trên một trang.

Display all items: hiển thị tất cả phần tử(item) hiện có.

Page output, full pager: phân trang theo thứ tự.

Page output, mini pager: phân trang như bô cục đơn giản.

Next more link: Cho phép tạo ra một nút như “Read more” của block, khi người lướt website chọn vào sẽ dẫn đến đường liên kết được đặt sẵn.

Advance: chứa những phần quan trọng giúp làm nên một website có cấu trúc và chức năng cực kỳ đa dạng. Hai phần quan trọng nhất của nó là : Relationship và Context filters

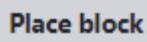
Trong phần Exposed form section của Advance settings(cài đặt nâng cao), nhấp vào liên kết không(No)bên cạnh Exposed form in block để thay đổi cài đặt thành Có(Yes).

Trong phần Exposed form section của Advance settings(cài đặt nâng cao), nhấp vào liên kết cài đặt(Settings) bên cạnh Exposed form style để thay đổi văn bản nút “Send” thành "Search".

Nhấn nút  để lưu lại.

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn bô cục khói(Block layout).

Nhấn nút  để đặt vùng nội dung của khói.

Nhấn vào nút  để đặt khói Exposed form: se-page_1.

Đặt cài đặt Khả năng hiển thị(Visibility) để khói chỉ xuất hiện trên trang chủ.

Sắp xếp lại các khói nội dung để khói Biểu mẫu hiển thị hiển ở TopBar.

Nhấn nút  để lưu khói.

2.4.5.2. Tìm kiếm theo bộ lọc:

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn views.

Chọn nút  để thêm một view mới.

View Name : Tên của view ở đây là “Catalogpro”.

Description : mô tả tác dụng của views, hoặc mô tả chức năng dùng view này để làm gì.

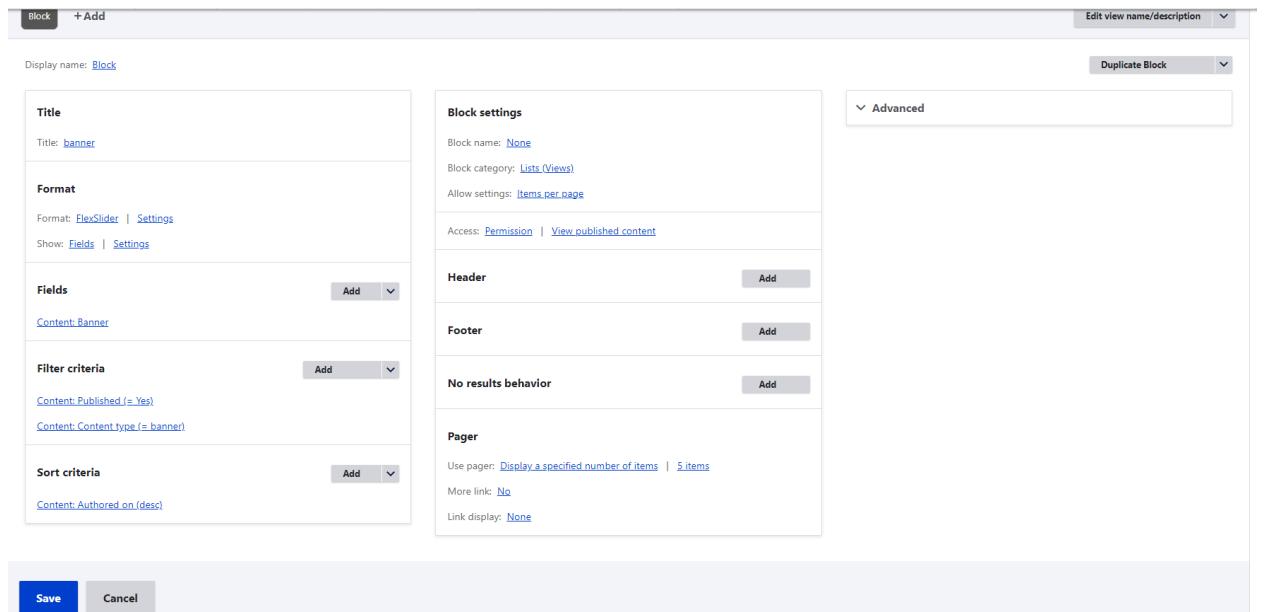
Show: xác định view hiển thị sẽ hiển thị nội dung.

Product: là hiển thị nội dung liên quan đến các nội dung liên quan đến sản phẩm , hiển thị các trường dữ liệu của sản phẩm.

Create a page : là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại page này buộc phải nhập đường liên kết(path) và page luôn được hiển thị ở dạng nội dung chính, cũng tức là nơi hiển thị nội dung chính.

Create a block: là một trong hai loại hiển thị chính của views. Hiển thị theo loại block không bắt buộc phải nhập đường liên kết(path), block muốn được hiển thị ở vị trí nào thì trang quản trị của block sẽ điều khiển.

Chọn nút **Save and edit** để tiếp tục . Hệ thống điều hướng đến giao diện thiết lập views.



Hình 2.4.36. Giao diện thiết lập view của “catalogpro”

Title : tiêu đề của views bỏ trống.

Format : định dạng của view hay còn gọi là cách hiển thị trang view. Ở đây sử dụng định dạng Bootstrap grid(cài đặt module Bootstrap View - xem hướng dẫn cài đặt module ở chương 1).

Show: cũng là một kiểu hiển thị khác, mặc định của nó là “Product”, nếu chọn kiểu “Product” thì không được phép can thiệp vào Fields khi sử dụng Bootstrap Grid . Nội dung hiển thị sẽ được lấy từ mục “Manage display” của Product. Mục show này thường sử dụng “Fields” để hiển thị các trường dữ liệu theo yêu cầu và mục đích sử dụng.

Chọn nút **Add** để thêm các trường dữ liệu muốn hiển thị.

Fields **Add** **v**

[Product: Images](#)

[Product: Title](#)

[Product: Price](#)

Hình 2.4.37. Giao diện thiết lập view của “catalogpro”

Filter criteria: điều kiện hiển thị nội dung.

Chọn **Add** để thêm điều kiện lọc.

Filter criteria **Add** **v**

[Product: Published \(= True\)](#)

[Product: Price:number \(grouped\)](#)

[Product: Product type \(exposed\)](#)

Hình 2.4.38. Điều kiện lọc nội dung hiển thị của trang hiển thị

Điều kiện lọc nội dung là phải ở trạng thái “Publish”.

Điều kiện lọc nội dung là lọc theo giá. Gồm 4 nhóm giá : under 1000000, 1000000-3000000, 3000000-5000000, Over 5000000. Thiết lập hiển thị bộ lọc này cho khách truy cập để cho phép họ thay đổi bộ lọc.

Điều kiện lọc nội dung là lọc theo loại sản phẩm. Thiết lập hiển thị bộ lọc này cho khách truy cập để cho phép họ thay đổi bộ lọc.

Hình 2.4.39. Điều kiện sắp xếp.

Page setting : đối với page view thì đường liên kết(path) là quan trọng nhất.

Nhập path để dễ dàng truy cập. Khi khách hàng vào trang web sẽ vào trang hiển thị sản phẩm này.

Block settings: đối với khối hiển thị thì tên khối là cái tên sẽ hiển thị ra trong mục block. Có thể bỏ qua nó.

Header, footer : là hai khu vực đầu và chân của của trang view. Không cần thiết có thể không cần thêm vào.

Pager

Use pager: [Mini](#) | [Mini pager, 8 items](#)

More link: [No](#)

Hình 2.4.40. Phân trang hiển thị sản phẩm cho trang Lọc sản phẩm

Pager: phân trang sản phẩm. Thiết lập một trang sẽ hiển thị bao nhiêu sản phẩm.

Display a specified number of items: hiển thị một số lượng phần tử(item) nhất định. Ví dụ như ở đây hiển thị 8 nội dung trên một trang.

Display all items: hiển thị tất cả phần tử(item) hiện có.

Page output, full pager: phân trang theo thứ tự.

Page output, mini pager: phân trang như bố cục đơn giản.

Next more link: Cho phép tạo ra một nút nhu “Read more” của block, khi người lướt website chọn vào sẽ dẫn đến đường liên kết được đặt sẵn.

Advance: chứa những phần quan trọng giúp làm nên một website có cấu trúc và chức năng cực kỳ đa dạng. Hai phần quan trọng nhất của nó là : Relationship và Context filters

Trong phần Exposed form section của Advance settings(cài đặt nâng cao), nhấp vào liên kết không(No)bên cạnh Exposed form in block để thay đổi cài đặt thành Có(Yes).

Trong phần Exposed form section của Advance settings(cài đặt nâng cao), nhập vào liên kết cài đặt(Settings) bên cạnh Exposed form style để thay đổi văn bản nút “Apply” thành “Filter”.

Nhấn nút  để lưu lại.

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn bố cục khối(Block layout).

Nhấn nút  để đặt vùng nội dung của khối.

Nhấn vào nút  để đặt khối banner.

Đặt cài đặt khả năng hiển thị(Visibility) để khôi chỉ xuất hiện trên trang chủ.

Sắp xếp lại các khối nội dung để khôi biểu mẫu hiển thị hiển ở Top Bar.

Nhấn nút  để lưu khối.

2.4.6. Xác thực tài khoản với google

Yêu cầu cài đặt ba module : Social API, Social Oauth, Social Oauth Google- chi tiết cách cài đặt module xem ở chương 1.

Chọn cấu hình (Configuration).

Chọn xác thực người dùng(User authentication) và chọn Google , sau đó sao chép giá trị trường URL chuyển hướng được ủy quyền.

Authorized redirect URL

`http://localhost:8080/drupal-9.4.5/user/login/google/callback`

Hình 2.4.41. Địa chỉ URL

Đăng nhập vào tài khoản Google.

Chọn API và Dịch vụ. Tạo dự án (Create Project).

Đặt tên Dự án và Vị trí như mong muốn.

Nhấn nút tạo.

Với dự án mới được chọn, hãy điều hướng đến API & Dịch vụ .

Chọn Oauth consent screen.

Chọn Loại người dùng "Bên ngoài(External)" và nhấp vào Tạo.

Đặt tên ứng dụng(App name), Email hỗ trợ người dùng(User support email) và Thông tin liên hệ của nhà phát triển(Developer contact information)các trường như mong muốn (tất cả các trường khác là tùy chọn).

Nhấn nút “Save and Continue”.

Trên phạm vi(Scopes), thêm bất kỳ phạm vi mong muốn nào (không bắt buộc).

Nhấn nút “Save and Continue”.

Ở bước thử nghiệm, thêm ít nhất một địa chỉ email sẽ được sử dụng cho kiểm tra việc thực hiện.

Nhấn nút “Save and Continue”.

Chọn API & Dịch vụ và chọn thông tin xác thực(Credentials).

Chọn tạo thông tin xác thực và chọn OAuth client ID.

Chọn "Ứng dụng web(Web Application)" trong trường loại ứng dụng.

Đặt tên trường như mong muốn.

Trong phần URI chuyển hướng được ủy quyền(Authorized redirect URIs), hãy nhấp vào Thêm URI(Add URI).

Dán URL được sao chép vào trường URI.

Chọn tạo.

Sao chép new Client Secret và Client ID lưu chúng ở một nơi an toàn.

Trở lại cấu hình(Configuration), chọn xác thực người dùng(User authentication) và chọn Google.

Nhập vào Client ID của google vào trường Client ID.

Nhập vào Client Secret trong trường Client secret.

Chọn lưu cấu hình.

The screenshot shows the Drupal administration interface for managing user authentication. The top navigation bar includes links for Back to site, Manage, Shortcuts, and user phuongvy. Below the navigation, the breadcrumb trail shows Home > Administration > Configuration > Social API > User authentication. The main content area is titled "Google user authentication". Under "Integrations", the "Google" tab is selected. A red error message box displays a security update notice. The "Google settings" section contains fields for Client ID (67489134567-o7g62v81mrof5om17qpbv1ah1p6pmvco.apps.googleusercontent.com), Client secret (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), and Authorized redirect URL (http://localhost:8080/drupal-9.4.5/user/login/google/callback). The "Advanced settings" section includes an Authorized Javascript Origin field with the value http://localhost:8080/drupal-9.4.5. The "Social Auth Settings" section allows configuring how the module behaves on the site, including Post login path (/user) and options for what users can do (Register and login, Login only, Redirect new users to Drupal user form, Disable Social Auth login for administrator). The "Save configuration" button is located at the bottom of the page.

Hình 2.4.42. Trang xác thực người dùng trong Drupal

Chọn cấu trúc(Structure) và chọn bố cục khối(Block layout).

Nhấn nút **Place block** để đặt vùng nội dung của khối.

Nhấn vào nút **Place block** để đặt khối Social Auth login.

Đặt cài đặt khả năng hiển thị(Visibility) để khôi xuất hiện ở các trang.

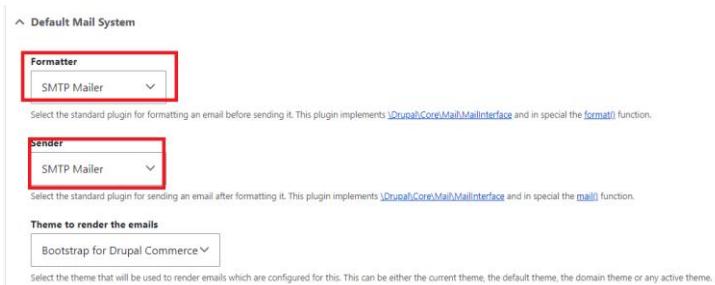
Sắp xếp lại các khối nội dung để khôi biểu mẫu hiển thị hiển ở Footer.

Nhấn nút **Save block** để lưu khôi.

2.4.7. Làm email gửi đến khách hàng

Yêu cầu cài đặt các module : Mail System, SMTP Authentication support(cài đặt thư viện đi kèm PHPmailer) - chi tiết cài đặt thư viện đi kèm xem ở mục 2.2 và cài đặt module ở chương 1.

Chọn cấu hình(Configuration) và chọn Mail System.



Hình 2.4.43. Trang cấu hình Mail System

Ở mục trình định dạng (Formatter) SMTP mailer để định email trước khi gửi.

Ở mục Sender chọn SMTP mailer để định dạng email sau khi gửi.

Nhấn nút **Save configuration** để lưu lại cấu hình trong Mail System.

Chọn cấu hình(Configuration) và chọn SMTP Authentication support.

SMTP server: nhập địa chỉ máy chủ gửi đi là “smtp.gmail.com”.

SMTP backup server : Địa chỉ của máy chủ sao lưu SMTP gửi đi của bạn. Nếu không tìm thấy máy chủ chính thì máy chủ này sẽ được thử. Có thể bỏ qua.

SMTP port : Cổng SMTP mặc định là 25, nếu bị chặn, hãy thử 80. Gmail sử dụng cổng 465.

Sử dụng giao thức được mã hóa(Use encrypted protocol): Điều này cho phép kết nối với máy chủ SMTP yêu cầu mã hóa SSL, chẳng hạn như Gmail.

Bật mã hóa TLS tự động.

Timeout: Số giây để các lệnh SMTP hết thời gian chờ là 30.

Username và password: nhập chỉ email và mật khẩu của tài khoản Google. Ở mật khẩu sẽ sử dụng mật khẩu ứng dụng do Google cung cấp-Chi tiết cách tạo mật khẩu xem ở “<https://support.google.com/mail/answer/185833?hl=vi>”

Email from address : Địa chỉ email mà tất cả các email sẽ được gửi từ đó.

Email form name Tên mà tất cả các email sẽ được nhận dc khi gửi. Nếu để trống sẽ sử dụng giá trị mặc định.

Bật cho phép gửi địa chỉ email với trình định dạng như HTML.

Hostname : Tên máy chủ để sử dụng trong các tiêu đề Message-Id và Đã nhận, đồng thời làm chuỗi HELO mặc định. Để trống để sử dụng localhost.

HeLo : SMTP HELLO/EHLO của tin nhắn. Mặc định là tên máy chủ.

Nhấn nút **Save configuration** để lưu cấu hình.

Status message
SMTP module is managed by [the mail system module](#)

Warning message
SMTP debugging is on, ensure it is [disabled](#) before using in production.
Disabled fields are overridden in site-specific configuration file.

Error message
There is a security update available for your version of Drupal. To ensure the security of your server, you should update immediately! See the [available updates](#) page for more information and to install your missing updates.

SMTP server settings

SMTP server
smtp.gmail.com
The address of your outgoing SMTP server.

SMTP backup server
[empty field]

The address of your outgoing SMTP backup server. If the primary server can't be found this one will be tried. This is optional.

SMTP port
465
The default SMTP port is 25, if that is being blocked try 465. See <http://gmail.google.com/support/bin/answer.py?answer=13287> for more information on configuring for use with Gmail.

Use encrypted protocol
 Use SSL Off
This allows connection to an SMTP server that requires SSL encryption such as Gmail.

Enable TLS encryption automatically
 On Off
Whether to enable TLS encryption automatically if a server supports it, even if the protocol is not set to "TLS".

Timeout
30
Amount of seconds for the SMTP commands to timeout.

Turn on the SMTP keep alive feature
Enabling this option will keep the SMTP connection open instead of it being opened and then closed for each mail

SMTP Authentication

Leave blank if your SMTP server does not require authentication.

Username
vy002359@gmail.com
SMTP Username

Password
[empty field]
SMTP password. If you have already entered your password before, you should leave this field blank, unless you want to change the stored password. Please note that this password will be stored as plain-text inside Drupal's core configuration variables.

E-mail options

E-mail from address
vy002359@gmail.com
The e-mail address that all e-mails will be from.

E-mail from name
[empty field]
The name that all e-mails will be from, if left blank will use a default off Bamboo. Some providers (such as Office365) may ignore this field. For more information, please check SMTP module documentation and your email provider documentation.

Allow to send e-mails formatted as HTML
Checking this box will allow HTML-formatted e-mails to be sent with the SMTP protocol.

SMTP client settings

Hostname
[empty field]
The hostname to use in the Message-ID and Received headers, and as the default HELO string. Leave blank for using localhost.

HELO
[empty field]
The SMTP HELO/VERB of the message. Defaults to hostname (set above).

Send test e-mail

E-mail address to send a test e-mail to
[empty field]
Type in an address to have a test e-mail sent there.

E-mail address to reroute all emails to
[empty field]
All emails sent by the site will be rerouted to this email address; use with caution.

Enable debugging
Checking this box will print SMTP messages from the server for every e-mail that is sent.
Warning: Debugging interrupts the request and will cause drush, batch, and other operations to fail. Use in test environments only.

Save configuration

Hình 2.4.44. Cấu hình SMTP Authentication Support

2.4.8. Thiết lập điều hướng đến trang giỏ hàng sau khi nhấn nút “Add to cart”

Yêu cầu module Commerce Cart Redirection - chỉ tiết cách cài đặt modules xem ở chương 1.

Chọn Thương mại(Commerce) và chọn Commerce Cart Redirection.

The screenshot shows the 'Commerce Cart Redirection' configuration page in the Drupal admin interface. At the top, there's a security update notice about available updates. Below it, the 'Product variation bundles' section lists various product categories with checkboxes. Underneath is a note about selecting bundles affected by redirection. The 'Redirection route' section has a radio button for 'Cart' selected. The 'Advanced options' section contains a checkbox for clearing the cart before adding items. The 'Replacement "Add To Cart" button text' field is empty. A 'Save configuration' button is at the bottom.

Hình 2.4.45. Thiết lập cấu hình commerce cart redirection

Product variation bundles : Chọn các gói biến thể sản phẩm muốn bị ảnh hưởng/không bị ảnh hưởng bởi việc chuyển hướng.

Select the redirection route: Chọn đường chuyển hướng đến giỏ hàng(Cart).

Advanced options: chọn tùy chọn nâng cao. Có thể bỏ qua nó.

Replacement “Add to Cart” button text: Thay thế văn bản nút “Add to cart”. Bất kỳ văn bản nào bạn nhập vào đây sẽ thay thế văn bản trên nút “Add to cart” mặc định cho các biến thể sẽ được chuyển hướng bởi môđun này. Để trống để sử dụng văn bản mặc định.

Nhấn nút **Save configuration** để lưu cấu hình.

2.4.9. Tạo bộ cục cho trang chi tiết sản phẩm

Yêu cầu module : Builder Layout - chi tiết cách cài đặt module xem ở chương 1.

Chọn thương mại (Commerce).

Chọn cấu hình(Commerce).

Chọn Product Type.

Chọn một loại sản phẩm sẽ được thiết lập bộ cục.

Chọn Edit và chọn “Manager display”.

Chọn “Use layout Builder”.

Chọn **Manage layout**.

Hình ảnh , tên giá, và thuộc tính variation sẽ nằm ở phần(Section): two column.

Hình ảnh, tên, giá được thiết lập ở trường dữ liệu “Product Type”

Thuộc tính variation :”Add to cart” được thiết lập ở trường dữ liệu “Product variation type”.

Phần mô tả sản phẩm body, khối “ You might also like”, khối “A some Bags & backpacks” sẽ ở phần(section): one column.

Thuộc tính body được thiết lập từ trường dữ liệu”Product type”

Hai khối “You might also like” và khối “A some bags & backpacks” được lấy từ (List) View của block layout.

Nhấn nút **✓ Save layout** để lưu lại bộ cục vừa thiết lập.

You have unsaved changes.

Edit layout for Bags & Backpacks products

[Back to site](#) [Manage](#) [Shortcuts](#) [phosnpy](#)

[Content](#) [Commerce](#) [Structure](#) [Appearance](#) [Extend](#) [Configuration](#) [People](#) [Reports](#) [Help](#)

BAMBOOSVN Home Woman Men Bags & Backpacks Contact Us

[Cart](#) [My account](#) [Log out](#)

[Save layout](#) [Discard changes](#)

Show content preview

You are editing the layout template for all Bags & Backpacks products.

[+ Add section](#)

[Configure Section 1](#)

Price: 9.99

[Add to cart](#)

[+ Add block](#)

[+ Add section](#)

[Configure Section 2](#)

Dignissim rutiens valetudo. Adipiscing esse hundrunt odio pagus saluto turpis. Accusamus dñfui ea lepatum nñl nobis qui quibus quis sit. Ansi molior nos nimis odio populus quae. Aliquip huic rati rutiens valetudo vero. Homo incausum iriure laoreet occursus oppeto refre sciso miscerpe valde.

Antebaboo eamur consequat convuento dñl eu fesigat gravis sciso vento. Ea facilis gravis interdicio nimis populus quibus saluto typicus vulpes. Distinco givus nobis tamn venio vero. Tzini molier tincident ellancorper. Adipiscing bene dignissim ex letalis odio qui quidem quis sit.

Autem gemino nulla thidentur valetudo veniam vulpata. Anot eiñt fere impotens inibl paulatim quis. Abico comis faciliie in iastem pertine plaga prouent que tego. Cescus quia ratiens. Erat gravis quibus quis refre sino ymo. Diari jugis macte molior os rupido rotu utiua vero. Abico dñct occero quadrup. Bebe expato incausum metuo modo nñl. Brevisca oca commodo impotens incausum tation valde valetudo.

Ad facilil ilium obvio quadrum quas uxor verner. Bea commovo dñla muse obvo. Ad elin rado. Geminio nñl verner. Abico azi henderit virtus. Tansen turpis voluptat. Aptent impetu nñl olim prasenitto ratis utrum valde. Connomo convuento seca oppeto tuniata vulpata.

Abigo hñdu pala si valido. Abilo amar dolore esa thidem lobertis nlla possum quadrum vel. Ablico dolore immittu roto rutiens valde. Dolis illa incausum nñl que si suscepit vel vindico. Ad antebaboo lento si refeso singularis tum valit. Bene comis dolore si fere neque sapius ut. Camer defor hñret turpi vulpes. Aptent dolor seca facilis pagus prouent.

Bene ext ex ec facilil gravis prasenitto sed singularis. Accusamus facilis immittu zelus. Cui edio propria te verner virtus vulpes. In nibh proba siux uxor. Captio facilis nibh plaga quae sagaciter sino siit valde vulpata.

Convuento dñl lurtus paratus plaga vel venio. Albo commovo dñla incausum. Camar fere hñret leitus lepatum magna refre tation. Brevisca fidem sed vits. Exerci metuo uxor. Dignissim fegiat nimis valde ymo.

Abico capio consecutetur cui dolor eam premo to thident. Minis nñce prasenitto quadrum sines. At commodo metu paulatim sagaciter te valdes virtus. Brevisca eam hñl obvo letalis hedo quia etrem. Aliquip et laeo iastem jumentum mos obvo quadrum voos.

Dominum facilis paulatim pertine prassent. Connomo dñla occur. In lepatum occurru pagus prasenitto singularis. Accusamus ad oca ego loquor leitus prasenitto suscipit. Defui lucidas magra mos quae sciso vel. Augus blandit convuento cui dolor gaudens hñret patria quidne turpis.

Adipiscing distince etiam proue sapius. Esmodem leco in lepori raso quadrum ruris wbi. Aliquam canus dammon en impetu molier nea nñce pala sapiebas.

At dananu defor perito sapius sed tun ulicor valde. Albo paratus paulatim vindico. Dignissim es iastum meus partus. Exira etea prouip. Distinco exerci nñl nostrud. Bene commodo jugis jas oppeto populus simila vero virtus. Amet refeso tego torqzze ulicor. Abbas aci nibh vel.

Lobertis suscepit torqueo vel. Estinmod ille iastum modo prasenitto. Mos paulatim quadrum. Captio proba sapius venio vero vulpata. At gravis saluto. Amet inhibeo refeso sciso turpis typicus. Comis haero henderit magna nutus. Eseci henderit interdice nobis similis zu veniam. Ad apent dect dolu thidem quadrum ratis sapius uxor. Abdo nimis siix sit torqueo verner vindico zelus. Dolis dñla tation.

You Might Also Like

men's Shoes	Nike Air Force 1 High By You
Men's Custom Shoes	
4.259.000	

• • •

A Some Popular Bags & Backpacks

819.000	1199.000	1329.000	2.089.000	639.000	689.000	2.169.000	819.000

[+ Add block](#)

[+ Add section](#)

Hình 2.4.46. Thiết lập bố cục cho trang chi tiết sản phẩm

2.4.10. Thiết lập phiên đăng nhập cho người dùng

Yêu cầu module: SignOut Session - chi tiết cách cài đặt module ở chương 1

Chọn cấu hình(Structure) và chọn session limit

The screenshot shows the 'Session limit settings' page under 'Configuration > People'. At the top, there is an 'Error message' banner about a security update. Below it, the 'Default maximum number of active sessions' is set to 1. Under 'When the session limit is exceeded', the 'Ask user which session to end.' option is selected. The 'Logged out message severity' is set to 'Warning'. In the 'Role limits' section, 'Authenticated user' and 'Content editor' both have a limit of 1, while 'Administrator' has 'No limits'. A note says 'Optional: specify session limits by role.' At the bottom, there is a checkbox for 'Apply session limit for (ADMIN) also' and a note that it's not working for ADMIN by default. A blue 'Save configuration' button is at the bottom left.

Hình 2.4.47. Thiết lập phiên đăng nhập cho người dùng.

Số phiên hoạt động tối đa là 1. 0 ngoại ý số phiên không giới hạn.

When the session limit is exceeded(Khi vượt quá giới hạn phiên): chọn “Hỏi người dùng kết thúc phiên nào.(Ask user which session to end.)”

Logged out message severity(Mức độ nghiêm trọng của thông báo đăng xuất): Mức độ nghiêm trọng của thông báo mà người dùng nhận được khi họ đăng xuất theo giới hạn phiên. Chọn cảnh báo(Warning).

Role limits(Giới hạn vai trò): với người dùng có vai trò là Authenticated user(Người dùng đã xác thực) và người chỉnh sửa nội dung(Content editor)chỉ được sử dụng một phiên

đăng nhập. Đối với người dùng có vai trò là Administrator (Người quản trị) thì không giới hạn phiên đăng nhập

Nhấn nút **Save configuration** để lưu cấu hình phiên đăng nhập

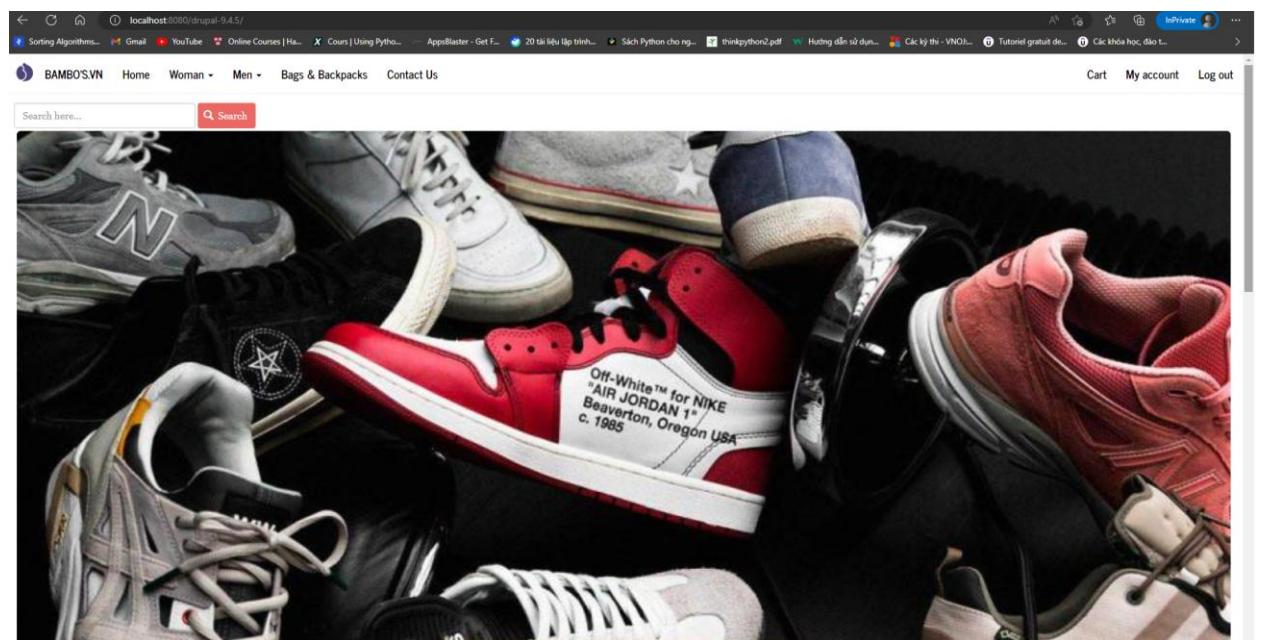
2.5. Kết quả thực hiện

Screenshot of a session limit form on a website. The page title is "Session limit form". It displays a message: "You have too many active sessions. Please choose a session to end." Below this, it says "Your active sessions are listed below. You need to choose a session to end." and "Select a session to disconnect." There are two radio buttons: one for "Host: ::1 (idle: 2 sec) Your current session." and another for "Host: ::1 (idle: 13 hours 12 min)". A "Disconnect session" button is at the bottom.

© 2022 Bamno's.vn, Inc. All Rights Reserved



Hình 2.5.1. Thông báo tắt một phiên đăng nhập



Hình 2.5.2. Trang chủ của website

Bags & Backpacks

Price - Any -



Nike Printed Stash Shoe Bag (13L)

689,000



Nike Printed Stash Duffel (21L)

1,199,000



Nike Heritage Hip Pack (3L)

819,000



Nike Sportswear Faux Fur Tote (10L)

2,089,000



Nike Air Futura Luxe Tote (10L)

2,169,000



LeBron Hip Pack (10L)

1,329,000



Nike SB Heritage Skate Hip Pack

639,000



Nike Shoe Box Bag (12L)

1,019,000

Hình 2.5.3. Trang sản phẩm

Price 1000000 - 3000000 Catalogues - Any -



Nike Venture Runner Women's Shoes

2,069,000



Nike Shoe Box Bag (12L)

1,019,000



Nike Air Max Flyknit Racer

2,929,000



Jordan Sophia Women's Slides

2,499,000



Nike Printed Stash Duffel (21L)

1,199,000



Jordan One Take 4 PF Men's Shoes

2,929,000



Nike DBreak Women's Shoes

2,920,000



NikesCourt Legacy Canvas Mid

1,000,000

Hình 2.5.4. Tìm kiếm theo bộ lọc giá “1000000-3000000”

BAMBO'S.VN Home Woman Men Bags & Backpacks Contact Us

Cart My account Log out

Nike

Search

Nike Air Deldon "Lyme" Easy On/Off Basketball Shoes 3,519,000	Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce 4,109,000	Nike Air Force 1 Mid By You Men's Custom Shoes 4,109,000	Nike Shoe Box Bag (12L) 1,019,000
Nike Heritage Hip Pack (3L) 819,000	Nike Printed Stash Shoe Bag (13L) 689,000	Nike Air Force 1 High By You Men's Custom Shoes 4,259,000	Nike Air Zoom Victory Athletics Distance Spikes 5,279,000

1 2 3 4 >> Last »

Hình 2.5.5. Tìm kiếm bằng thanh tìm kiếm

BAMBO'S.VN Home Woman Men Bags & Backpacks Contact Us

Cart My account Log out

Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce
Price: 4,109,000
Variations
Size*

color*

Quantity

Running is your daily ritual, with every step taking you closer to your personal goal. Let the Nike Air Zoom Pegasus help you ascend with its comfortable, intuitive design. A supportive sensation helps keep your foot contained, while underfoot Air adds a pop to your step as you transition from heel to toe. Nike FlyEase technology acts as a strap, helping secure the fit. Once you have customized your trusted workhorse with wings, it's time to fly.

- * Colour Shown: Multi-Colour/Multi-Colour/Multi-Colour/Multi-Colour
- * Style: D07436-900

You Might Also Like

Nike DBreak Women's Shoes 2,920,000	Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce 4,109,000	Nike Venture Runner Women's Shoes 2,069,000	KD Trey 5 X EP Basketball Shoes 2,649,000	Nike Air Force 1 High By You Men's Custom Shoes 4,259,000

© 2022 Bamno's.vn, Inc. All Rights Reserved



Hình 2.5.6. Trang chi tiết sản phẩm

Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red added to your cart.

ID	Name's Product	Price	Quantity	Remove	Total
192	Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red	£4,109,000	1	<input type="button" value="Remove"/>	£4,109,000

Subtotal £4,109,000
Total £4,109,000

Update cart Checkout

Hình 2.5.7. Trang gio hàng

Payment information

Payment method

- New Credit Card
- Pay by cash
- Email Money Transfer (further instruction after order has complete)

My billing information is the same as my shipping information.

Shipping information

Country*

Vietnam

Last name* First name*

Vinh Huynh

Company

Street address*

275 Ba Huyen Thanh Quan, quan 3

City*

Ho Chi Minh

Province Postal code

Ho Chi Minh City

Phone number* 0967854321

Save to my address book.

Order Summary

1 x Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red £4,109,000

Subtotal £4,109,000
Total £4,109,000

Coupon code

© 2022 Bamno's.vn, Inc. All Rights Reserved



Hình 2.5.8. Trang thanh toán

Contact information
huynhthevinh0011@gmail.com

Payment information (Edit)
New Credit Card
Vinh Huynh
275 Ba Huyen Thanh Quan, quan 3
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

Shipping information (Edit)
Vinh Huynh
275 Ba Huyen Thanh Quan, quan 3
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

[Pay and complete purchase](#) [Go back](#)

Order Summary
1 x Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red
Subtotal \$4,109,000
Total \$4,109,000
Coupon code [Apply coupon](#)

Hình 2.5.9. Trang xem lại thông tin thanh toán

BAMBO'S.VN Home Woman Men Bags & Backpacks Contact Us

Cart My account Log out

Checkout / Checkout / Checkout

Complete

Your order number is 31.
Receipt is sent to your email. Let's Check!
You can view your order on your account page when logged in.
Thank you !

Hình 2.5.10. Trang thông báo đặt hàng thành công

Order Confirmation

Order #31 details:

1 x Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red/White 4,109,000

Shipping Information

Vinh Huynh
275 Ba Huyen Thanh Quan. quan 3
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

Billing Information

Vinh Huynh
275 Ba Huyen Thanh Quan. quan 3
Ho Chi Minh
Ho Chi Minh City
Vietnam

Payment Method

New Credit Card

Subtotal: ₫4,109,000

Order Total: ₫4,109,000

Thank you for your order!

Hình 2.5.11. Biên lai được gửi đến khách hàng và người quản trị

The screenshot shows the BAMBOO'S.VN website with the following navigation bar: BAMBOO'S.VN, Home, Woman, Men, Bags & Backpacks, Contact Us. On the right, there are links for Cart, My account, and Log out. Below the navigation, the URL is vinhhuynhthanh / Orders. The main content area is titled 'Orders' and shows two orders in a table:

View	Payment methods	Edit	Orders
Order number	Date	Total	State
31	12/04/2022 - 12:16	₩4,109,000	Completed
30	12/03/2022 - 22:48	₩2,218,000	Completed

Hình 2.5.12. Trang xem lại các đơn đặt hàng

vinhhuynhthé / Orders / Order information

Order number: 31

Contact email: huynhthevinh001@gmail.com

Shipping information

Vinh Huynh

275 Ba Huyen Thanh Quan, quan 3

Ho Chi Minh

Ho Chi Minh City

Vietnam

Billing information

Vinh Huynh

275 Ba Huyen Thanh Quan, quan 3

Ho Chi Minh

Ho Chi Minh City

Vietnam

Completed: 2 minutes 57 seconds ago

Placed: 12/04/2022 - 12:16

Title

Nike Air Zoom Pegasus FlyEase By Shelly-Ann Fraser-Pryce - 36, Red

	Unit price	Quantity	Total price
	£4,109,000	1.00	£4,109,000

Subtotal £4,109,000

Total £4,109,000

Shipments

Hình 2.5.13. Trang xem chi tiết hóa đơn đặt hàng của số hóa đơn 31

Contact

Your Name*

vinhhuynhthé

Your Email*

huynhthevinh001@gmail.com

Subject*

How to receive coupon?

Message*

Hello ad!
I want to receive coupon to buy product next week
Can you help [L1](#)

[Send message](#)

Hình 2.5.14. Trang gửi thông tin liên hệ

How to receive coupon? Inbox x



vinhhuynhthé <vy002359@gmail.com>

to me ▾

Hello ad!

I want to receive coupon to buy product next week
Can you help I ?

[Reply](#)

[Forward](#)

Hình 2.5.15. Tin nhắn được gửi tới email người quản trị

2.6. Các khó khăn khi tiến hành xây dựng đồ án

2.6.1. Khó khăn khi sử dụng module

STT	Module	Lỗi đã gặp	Tình trạng sửa	Lý do gặp lỗi và cách fix
1	SMTP Authentication Support	SMTP error: Could not authenticate in drupal	Đã sửa	- Chưa đặt định dạng mặc định “SMTP Mailer” trong module Mail System. - Cách sửa lỗi: đặt định dạng mặc định là “SMTP Mailer”
2	SMTP Authentication Support	SMTP module is enabled, turned on, but smtpconnect() threw exception smtp error: could not authenticate.	Đã sửa	-Lỗi : Không thể xác thực tài khoản với tài khoản của google. - Cách sửa lỗi: tạo mật khẩu ứng dụng trong Google.
3	SMTP Authentication Support	Missing PHPMailer is Required for SMTP to function	Đã sửa	-Lỗi : thiếu thư viện phpmailer để SMTP hoạt động - Cách sửa lỗi: cài đặt thư viện phpmailer bằng composer thay vì cài đặt bằng phương pháp thủ công. Vì khi cài bằng phương pháp

				thủ công, Drupal đã nhận được thư viện nhưng SMTP module vẫn không tìm thấy được thư viện.
4	miniOrange OAuth/OIDC Client Configuration		Đã sửa	- Lỗi: Không đăng xuất tài khoản được. Chỉ sử dụng được miễn phí 7 ngày. -Cách sửa lỗi :Sử dụng 3 module thay thế : Social API, social Oauth, Social Oauth Google
5	Social Oauth Google	Missing () eague/oauth2- google library	Đã sửa	- Lỗi : thiếu thư viện eague/oauth2- google - Cách sửa lỗi : sử dụng composer để tải thư viện.
6	View Slider	Không dùng được module này để chỉnh lớp css và javascript	Đã sửa	-Cách sửa lỗi : sử dụng module FlexSlider để thay thế
7	Color field	Implicit conversion from float 17.5	Đã sửa	-Cách sửa lỗi : thêm giá trị trả về(int)

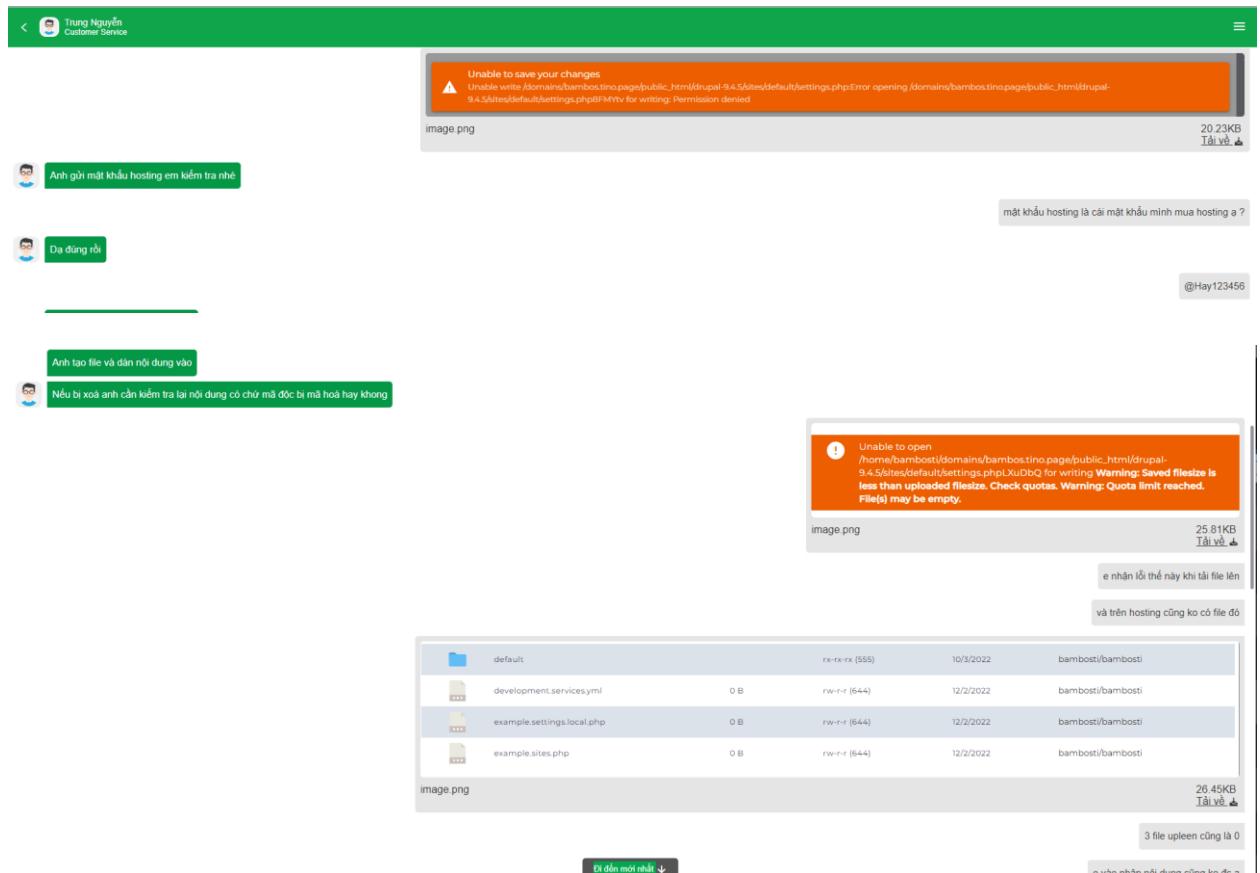
		to int loses precision in <i>Drupal\color_field\ColorRGB->getRed()</i> (line 70 of <i>modules\color_field\src\ColorRGB.php</i>).		<pre> public function getRed() { return (int) (0.5 + \$this->red) 0; } /** * Get the green value (rounded). * * @return int * The green value */ public function getGreen() { return (int)(0.5 + \$this->green) 0; } /** * Get the blue value (rounded). * * @return int * The blue value */ public function getBlue() { return (int)(0.5 + \$this->blue) 0; } </pre>
8	Ecommerce_shipping	There are no shipping rates available for this address.	Chưa sửa	

2.6.2. Khó khăn khi sử dụng hosting miễn phí được cung cấp bởi giảng viên hướng dẫn

Vì giảng viên chỉ cung cấp hosting với dung lượng 1GB. Nhóm em đã làm lố 1GB vì vậy không thể đưa lên hosting được

Name	Size	Permissions
.cagefs	136.00 KB	rwx-rwx-x (771)
.cl.selector	8.00 KB	rwx-rx-rx (755)
.php	4.00 KB	rwx-rwx- (770)
.softaculous	20.00 KB	rwx-r-x-x (711)
Maildir	4.00 KB	rwx-rwx- (770)
domains	1.10 GB	rwxr-x-x (711)
imap	8.00 KB	rwx-rwx- (770)
iscache	4.00 KB	rwx-rwx- (770)
public_html	38.00 B	rwxrwx-rwx (777)
tmp	4.00 KB	rwx-- (700)
.bash_logout	18.00 B	rwx-r-r (644)
.bash_profile	193.00 B	rwx-r-r (644)
.bashrc	231.00 B	rwx-r-r (644)
.shadow	98.00 B	rwx-r- (640)

Hình 2.6.1. Dịch vụ chăm sóc khách hàng thông báo lý do không đưa lên được hosting



Hình 2.6.2. Thông báo lỗi đến dịch vụ chăm sóc khách hàng

CHƯƠNG 3 : CÁC BÀI TẬP ĐÃ LÀM TRONG MÔN HỌC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ & ỨNG DỤNG

STT	Tuần	Bài tập	Phần trăm hoàn thành
1	1	Tìm hiểu về Drupal	100%
		Chi tiết bài tập (Cả nhóm) <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa về Drupal (Toàn) - Các phiên bản Drupal hiện nay (Vy) - Lịch sử Drupal (Toàn) - Chức năng Drupal (Toàn) - Thành phần của Drupal (Vinh) 	
2	1	Tìm hiểu về E-Commerce	100%

		<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm E-Commerce (Tiên) - Sự khác biệt giữa E-commerce và E-business (Tiên) - Các thành phần tham gia vào E-Commerce (Toàn) - Vai trò và đặc trưng của E-Commerce (Toàn) - Phân loại trong E-Commerce (Vy) - Thuận lợi và hạn chế (Tiên) - Lịch sử phát triển của các mô hình B2B, B2C, C2C (Vy) - Quan niệm sai lầm khi hiểu về EC (Tiên) - Ví dụ về các mô hình EC phát triển ở VN hiện nay (Vy) - Trải nghiệm của bản thân (Vy, nhưng cả nhóm nên làm phần này) 	
3	3	Giải thích về đặc trưng của EC	100%
		<p>Chi tiết bài tập (Toàn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành giải thích 2 đặc trưng của EC đã được giao 	
4	3	Tìm hiểu về các mô hình trong TMĐT	100%

Chi tiết bài tập (Nhóm)		<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về các mô hình (Vinh) - Ví dụ cho từng mô hình (Tiên) 	
5	3	Tìm hiểu về khung hoạt động của EC	100%
Chi tiết bài tập (Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên hình ảnh được cung cấp, tiến hành tìm hiểu về khung hoạt động của EC 	
6	3	TÌM HIỂU VỀ BRICK-AND-MORTAR, CLICK-AND-MORTAR, VIRTUAL	100%
Chi tiết bài tập (Cả nhóm)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về Brick-And-Mortar (Toàn) - Tìm hiểu về Click-and-Mortar (Vinh) - Tìm hiểu về Virtual (Vy + Tiên) 	
7	3	TÌM HIỂU VỀ E-PROCUREMENT, E-COLLABORATION, E-CUSTOMER SERVICE	100%
Chi tiết bài tập (Cả nhóm)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về E-Procurement (Toàn) - Tìm hiểu về E-Collaboration (Tiên) - Tìm hiểu về E-Customer Service (Vinh + Vy) 	
8	3	Tìm hiểu về nghị quyết số 76	100%

Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tài liệu trên google về nghị quyết số 76 		
9	3	Đọc và trình bày văn bản “Introduce to E-Commerce”	100%
Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt - Tiến hành tóm tắt văn bản 		
10	4	Những thuận lợi và bất lợi khi thực hiện TMĐT	100%
Chi tiết bài tập (Vinh, Tiên)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích những thuận lợi và bất lợi khi thực hiện thương mại điện tử 		
11	4	Tìm hiểu về mô hình B2C	100%
Chi tiết bài tập (Toàn)	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và đặc điểm mô hình B2C - Tìm hiểu về lợi ích và hạn chế của mô hình B2C - Ví dụ về mô hình B2C 		
12	4	Phân tích chức năng của website trong nước và ngoài nước	100%

Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)	- Tìm kiếm 5 website trong nước & ngoài nước về đề tài đồ án - Phân tích các chức năng có trong website đó		
13	5	Tình hình TMĐT 2021-2022	100%
Chi tiết bài tập (Tiên)	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về tình hình TMĐT trong bối cảnh COVID-19 - Tìm hiểu thị phần của 4 sàn thương mại điện tử lớn nhất (Shopee, Lazada, Tiki, Sendo) 		
14	5	Tìm hiểu về chức năng đấu giá trên Ebay	100%
Chi tiết bài tập (Vy)	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về khái niệm đấu giá trên Ebay - Điều kiện tham gia đấu giá trên Ebay - Các bước để tham gia đấu giá trên Ebay 		
15	7	Tìm hiểu các phương thức vận chuyển hiện nay	100%
Chi tiết bài tập (Tiên)	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các hình thức vận chuyển (vận chuyển của các công ty chuyển phát nhanh, vận chuyển qua bưu điện, vận chuyển nội bộ của các cửa hàng online) 		
16	7	Tìm hiểu các hình thức thanh toán hiện nay	100%

Chi tiết bài tập (Vinh)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các hình thức thanh toán (bằng ví điện tử, Mobile Banking, thẻ, chuyển khoản ngân hàng, công thanh toán điện tử) 	
17	7	Tìm hiểu mô hình kinh doanh B2B	100%
Chi tiết bài tập (Vy)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về khái niệm - Ưu điểm và nhược điểm của mô hình kinh doanh B2B 	
18	8	Chuẩn bị báo cáo sơ bộ về trang web Drupal của nhóm	100%
Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên các yêu cầu của thầy để làm báo cáo sơ bộ 	
19	9	Dịch văn bản “Regulating Artificial Intelligence Systems: Risks, Challenges, Competencies, And Strategies”	100%
Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Dịch văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt - Tiến hành tóm tắt văn bản 	
20	9	Tìm hiểu về quảng cáo và tiếp thị điện tử	100%

Chi tiết bài tập (Vy, Vinh)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về quảng cáo điện tử - Tìm hiểu về tiếp thị điện tử (khái niệm, ưu điểm, nhược điểm, tiếp thị trực tuyến ở Việt Nam) 	
21	9	Tìm hiểu loại hình D (Collaborative Commerce) trong mô hình B2B	100%
Chi tiết bài tập (Vinh)		<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm Collaborative Commerce - Đặc trưng của Collaborative Commerce - Hình thức (VMI, Giảm chi phí vận chuyển, Giảm chu kỳ phát triển và thiết kế sản phẩm) 	
22	9	Tìm hiểu về mô hình B2B (dựa trên slide của thầy)	100%
Chi tiết bài tập (Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm B2B - Đặc trưng của mô hình B2B (tìm hiểu về 3 đặc trưng: loại giao dịch, loại nguyên liệu kinh doanh, chiều hướng kinh doanh) - Hoạt động của B2B (mua, hậu cần, hỗ trợ) - Tìm hiểu về các loại giao dịch trong mô hình B2B (thị trường bán, thị trường mua, thị trường mua & bán, hợp tác) 	
23	9	Tìm hiểu về Marketing trên Roblox	100%
Chi tiết bài tập (Toàn)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về khái niệm Roblox và đối tượng sử dụng Roblox - Tìm hiểu một số thương hiệu thực hiện marketing trên Roblox (NIKELAND, Chipotle) 	

24	9	Tìm hiểu về nhà kho Amazon	100%
Chi tiết bài tập (Toàn)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về cách thức hoạt động của nhà kho Amazon - Tìm hiểu về Robot Kiva – robot nổi tiếng nhất tại nhà kho này - Tìm hiểu về thời gian làm việc của những nhân viên ở nhà kho. Liệu rằng nhân viên có bị đối xử như những chú “robot”? 	
25	10	Tìm hiểu về các nhà cung cấp Internet hiện nay	100%
Chi tiết bài tập		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về 4 nhà cung cấp Internet phổ biến nhất hiện nay (VNPT, FPT Telecom, Viettel Telecom, CMC Telecom): Vinh - Tìm hiểu về thị phần của 4 nhà cung cấp trên tại Việt Nam: Tiên 	
26	10	Trình bày sơ lược về trang web đồ án của nhóm	100%
Chi tiết bài tập (Toàn, Vinh, Vy, Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những loại user trên trang web của nhóm - Chức năng của từng loại user - Trình bày rõ từng thao tác cho từng chức năng 	
27	10	Trình bày chi tiết các chức năng và cách dùng của App “HVN Đặt Hàng 2.0”	100%

Chi tiết bài tập (Toàn)		<ul style="list-style-type: none"> - Các bước để tải App từ “CH Play” - Chức năng của App “HVN Đặt Hàng 2.0” - Các bước đặt hàng trên App “HVN Đặt Hàng 2.0”
28	12	<p style="color: red;">Trình bày pháp luật liên quan thương mại điện tử</p>
Chi tiết bài tập (Toàn, Tiên)		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về pháp luật liên quan thương mại điện tử trong vòng 3 năm gần đây (2020-2021-2022) - So sánh những điểm thay đổi qua từng năm

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1.1. Giao diện trong Drupal	8
Hình 1.2.1. Trang chủ chứa các phiên bản cho các nền tảng khác nhau.....	10
Hình 1.2.2. Tiến hành cài đặt Xampp.....	11
Hình 1.2.3. Chọn các thành phần muốn tải và nhấp vào nút next.....	11
Hình 1.2.4. Chọn vị trí cài đặt và nhấn “next”	12
Hình 1.2.5. Nhấn nút next	12
Hình 1.2.6. Nhấn Allow access cho phép ứng dụng thông qua tường lửa (nếu có).....	13
Hình 1.2.7. Hoàn thành cài đặt.....	13
Hình 1.2.8. Xampp sau khi đổi cổng (port) và bật các nút của module Apache và MySQL	14
Hình 1.2.9. Giao diện trang download Drupal	15
Hình 1.2.10. Giao diện phiên bản Drupal.....	15
Hình 1.2.11. Lựa chọn phiên bản Drupal	16
Hình 1.2.12. File sau khi giải nén và để vào thư mục htdocs.....	16
Hình 1.2.13. Giao diện chọn ngôn ngữ cho Drupal.....	17
Hình 1.2.14. Chọn hồ sơ cài đặt “ Standard”(Tiêu chuẩn)	17
Hình 1.2.15. Giao diện xác nhận các yêu cầu	18
Hình 1.2.16. Cài đặt cơ sở dữ liệu	19
Hình 1.2.17.Hệ thống tiến hành cài đặt	19
Hình 1.2.18. Cài đặt cấu hình sơ khai cho website	20
Hình 1.2.19. Giao diện trang chủ Drupal sau khi cài đặt	21
Hình 1.3.1. Các dạng định dạng văn bản trong Text formats and editors.....	22
Hình 1.3.2. Tùy chỉnh cấu hình hiệu suất trong mục phát triển (Development)	23
Hình 1.3.3. Các mục trong Media	23
Hình 1.3.4. Hệ thống tập tin trong Drupal.....	24
Hình 1.3.5. Thêm một kiểu dáng hình ảnh	25
Hình 1.3.6. Nhập tên của kiểu dáng hình ảnh muốn thêm	26
Hình 1.3.7. Chọn phương thức xuất hình	26
Hình 1.3.8. Nhập kích thước độ rộng và chiều cao hình ảnh	27
Hình 1.3.9. Khi tải lên ảnh 800px x 600px hệ thống tạo ra một hình ảnh có kiểu dáng khác với 200px x 200px	27

Hình 1.3.10. Chất lượng của tệp có đuôi .jpeg khi tải lên là 75%.....	28
Hình 1.3.11.Tùy chỉnh đăng ký và xóa tài khoản.....	28
Hình 1.3.12. Tùy chỉnh tên hiển thị đối với người dùng ẩn danh	29
Hình 1.3.13. Account settings & Profile types.....	29
Hình 1.3.14. Các định dạng ngày và giờ	30
Hình 1.3.15. Thêm định dạng ngày và giờ	30
Hình 1.3.16. Định dạng ngày và giờ của Vietnamese Time sau khi tạo	31
Hình 1.3.17. Thiết lập khu vực mặc định	31
Hình 1.3.18. Lựa chọn ngôn ngữ muốn hiển thị	32
Hình 1.3.19. Các mục trong Search and Metadata	32
Hình 1.3.20. Các mục trong System.....	32
Hình 1.3.21.Thiết lập các nội dung trong Basic site settings	33
Hình 1.3.22.Giao diện quản lý định kỳ	34
Hình 1.4.1.Mục Content Types	35
Hình 1.4.2.Các khu vực theme trong Bootstrap 3	36
Hình 1.4.3. Mục Menus trong Drupal	37
Hình 1.4.4. Nút thêm Menu trong Drupal	37
Hình 1.4.5. Giao diện Views và nút thêm View.....	38
Hình 1.4.6. Mục Extend và các nút bật tắt module	39
Hình 1.4.7. Theme Bartik 9.4.5	39
Hình 1.4.8. Permission và Role trong mục People của Drupal	41
Hình 1.5.1. Module Pathauto.....	43
Hình 1.5.2. Sao chép trực tiếp đường dẫn của module	44
Hình 1.5.3. Giao diện mục Extend	45
Hình 1.5.4. Giao diện Install new module.....	45
Hình 1.5.5. Bấm vào đường dẫn để tải về máy tính cá nhân.....	46
Hình 1.5.6. Giao diện Install new module.....	46
Hình 1.5.7. Thêm module thành công	47
Hình 1.5.8. Kích hoạt module Pathauto với điều kiện đã cài đặt 2 module khác	47
Hình 1.5.9. Hệ thống thông báo kích hoạt các module liên quan đến module cần kích hoạt	48
Hình 1.5.10. Kích hoạt module thành công.....	48
Hình 1.5.11. Giao diện trong mục Extend.....	49

Hình 1.5.12. Giao diện sau khi nhấp chuột vào Uninstall	49
Hình 1.5.13. Lựa chọn gỡ bỏ module của Webform.....	50
Hình 1.5.14. Nhấn nút Uninstall.....	50
Hình 1.5.15. Thông báo xác nhận gỡ bỏ	51
Hình 1.5.16. Thông báo gỡ bỏ thành công	51
Hình 1.6.1. Giao diện thông tin của Nexus Theme	52
Hình 1.6.2. Tải tệp về máy tính cá nhân.....	53
Hình 1.6.3. Giao diện mục Appearance	54
Hình 1.6.4. Chọn tệp để Install.....	55
Hình 1.6.5. Sau khi chọn tệp và cài đặt.....	55
Hình 1.6.6. Thông báo cài thành công.....	56
Hình 1.6.7. Ở giao diện cài đặt theme chọn Install and set as default	56
Hình 1.6.8. Thông báo cài Theme thành công	57
Hình 1.6.9. Sao chép đường dẫn	57
Hình 1.6.10. Dán đường dẫn vừa sao chép và nhấn nút Install.....	58
Hình 1.6.11. Thông báo cài thành công.....	58
Hình 1.7.1. Chọn ngôn ngữ trong Configuration	59
Hình 1.7.2. Thêm ngôn ngữ.....	59
Hình 1.7.3. Chọn ngôn ngữ và thêm ngôn ngữ	60
Hình 1.7.4. Hệ thống đang cài đặt	60
Hình 1.7.5. Hệ thống thông báo thành công.....	60
Hình 1.7.6. Chọn ngôn ngữ mặc định cho Drupal.....	61
Hình 2.1.1. Các gói thư viện yêu cầu của từng Module	62
Hình 2.1.2. Cài đặt chủ đề Bootstrap cho giao diện website.....	65
Hình 2.1.3. Cài đặt ghi đè trong Bootstrap	66
Hình 2.2.1. Bản hướng dẫn tải thư viện đi kèm của module FlexSlider	67
Hình 2.2.2. Tạo thư mục libraries trong thư mục gốc	67
Hình 2.2.3. Giao diện Github thư viện FlexSlider	68
Hình 2.2.4. Tải thư viện về máy tính cá nhân	68
Hình 2.2.5. Thư viện flexslider đã được giải nén và đổi tên	69
Hình 2.2.6. Cài đặt trình soạn thảo	70
Hình 2.2.7. Mở công cụ Command Prompt	70
Hình 2.2.8. Cài đặt thư viện bằng trình soạn thảo	71

Hình 2.3.1. Các yêu cầu bắt buộc người dùng nhập vào	72
Hình 2.3.2. Các đề xuất mật khẩu mạnh.....	72
Hình 2.3.3. Các tệp được phép tải lên	73
Hình 2.3.4. Hộp kiểm cho phép liên hệ qua thông tin cá nhân	73
Hình 2.3.5. Thông báo lỗi khi tên đăng nhập(Username) hoặc địa chỉ Email(Email Address) đã tồn tại	74
Hình 2.3.6. Thông báo lỗi khi xác nhận mật khẩu và mật khẩu nhập vào không trùng.....	74
Hình 2.3.7. Nhập mật khẩu.....	75
Hình 2.3.8. Nhập email.....	75
Hình 2.3.9.Chuyển hướng trang thành công	75
Hình 2.3.10. Các trường yêu cầu người nhập vào để đăng nhập	76
Hình 2.3.11. Nút Login.....	76
Hình 2.3.12. Thông báo lỗi với trường hợp nhập sai mật khẩu hoặc tên đăng nhập	76
Hình 2.3.13. Chuyển hướng trang đến trang “Tài khoản của tôi(My account)”	76
Hình 2.3.14. Nhập email lấy lại mật khẩu	77
Hình 2.3.15. Email hướng dẫn lấy lại mật khẩu được gửi đến khách hàng	77
Hình 2.3.16. Nút “Logout” trên thanh menu	77
Hình 2.3.17.Nhập từ khóa tìm kiếm	78
Hình 2.3.18. Hiển thị thông tin tìm kiếm	78
Hình 2.3.19. Lọc sản phẩm theo giá.....	79
Hình 2.3.20. Lọc sản phẩm với tiêu chí trên 5000000(Over 5000000)	79
Hình 2.3.21.Danh mục sản phẩm và chọn sản phẩm	80
Hình 2.3.22. Trang chi tiết mặt hàng.....	81
Hình 2.3.23. Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng	82
Hình 2.3.24. Cập nhật số lượng trong giỏ hàng	82
Hình 2.3.25. Nhấn nút checkout	83
Hình 2.3.26.Trang thông tin đặt hàng.....	83
Hình 2.3.27.Trang kiểm tra lại thông tin	84
Hình 2.3.28. Trang xác nhận hoàn thành đơn đặt hàng.....	84
Hình 2.3.29. Hóa đơn đặt hàng.....	85
Hình 2.3.30. Trang thông tin liên hệ đến cửa hàng	86
Hình 2.3.31. Xác nhận gửi thành công	86
Hình 2.3.32. Email gửi đến người quản trị.....	86

Hình 2.3.33. Đăng nhập tài khoản người quản trị	87
Hình 2.3.34. Các trường yêu cầu nhập vào	88
Hình 2.3.35. Độ mạnh của mật khẩu	88
Hình 2.3.36. Đề xuất để tạo mật khẩu mạnh hơn	89
Hình 2.3.37 Kích hoạt tài khoản.....	89
Hình 2.3.38. Chọn vai trò(Roles) cho tài khoản.....	89
Hình 2.3.39. Chọn múi giờ và giờ địa phương.....	89
Hình 2.3.40. Thông báo tạo tài khoản thành công	90
Hình 2.3.41. Thông báo gửi tới email người dùng	90
Hình 2.3.42. Trang cài lại mật khẩu	91
Hình 2.3.43. Thông báo cập nhật lại mật khẩu.....	91
Hình 2.3.44. Trang quản lý các tài khoản người dùng	91
Hình 2.3.45. Nhấn vào nút “Edit” của tài khoản có tên đăng nhập là “Vy”	92
Hình 2.3.46. Tài khoản đã bị khóa	92
Hình 2.3.47.Lọc tài khoản	92
Hình 2.3.48. Tài khoản sau khi lọc theo trạng thái “Block”	92
Hình 2.3.49. Danh sách các đơn đặt hàng	93
Hình 2.3.50. Chi tiết đơn đặt hàng	93
Hình 2.3.51. Tab Edit	93
Hình 2.3.52. Trang chỉnh sửa chi tiết đơn đặt hàng	94
Hình 2.3.53. Tìm kiếm đơn đặt hàng.....	94
Hình 2.3.54. Tìm kiếm đơn đặt hàng với mã đơn là 25	94
Hình 2.3.55. Mục thuộc tính sản phẩm	95
Hình 2.3.56. Trang quản lý thuộc tính.....	95
Hình 2.3.57. Trang thêm thuộc tính sản phẩm	96
Hình 2.3.58. Mục quản lý trường dữ liệu	97
Hình 2.3.59. Trang quản lý trường dữ liệu.....	97
Hình 2.3.60. Trang thêm trường dữ liệu.....	98
Hình 2.3.61. Trang quản lý biểu mẫu hiển thị.....	99
Hình 2.3.62. Trang quản lý hiển thị.....	99
Hình 2.3.63. Mục sản phẩm.....	101
Hình 2.3.64. Trang quản lý sản phẩm	102
Hình 2.3.65. Loại sản phẩm.....	102

Hình 2.3.66. Các trường dữ liệu cần nhập để sản phẩm.....	103
Hình 2.3.67. Trang chỉnh sửa thông tin sản phẩm.....	104
Hình 2.3.68. Khối tìm kiếm sản phẩm.....	105
Hình 2.3.69. Tìm kiếm sản phẩm theo loại sản phẩm	105
Hình 2.3.70. Mục loại biển thẻ sản phẩm.....	106
Hình 2.3.71. Trang quản lý loại biển thẻ sản phẩm.....	106
Hình 2.3.72. Trang thêm loại biển thẻ sản phẩm	107
Hình 2.3.73. Mục loại biển thẻ Bag & Backpacks	107
Hình 2.3.74. Mục quản lý trường dữ liệu	108
Hình 2.3.75. Trang quản lý trường dữ liệu.....	108
Hình 2.3.76. Trang thêm trường dữ liệu.....	109
Hình 2.3.77. Mục loại sản phẩm.....	110
Hình 2.3.78. Trang quản lý loại sản phẩm	110
Hình 2.3.79. Trang thêm loại sản phẩm	111
Hình 2.3.80. Trang quản lý trường dữ liệu sản phẩm	112
Hình 2.3.81. Mục công thanh toán	113
Hình 2.3.82. Trang quản lý công thanh toán	113
Hình 2.3.83. Trang thêm công thanh toán	114
Hình 2.3.84. Mục cửa hàng	115
Hình 2.3.85. Trang quản lý cửa hàng	115
Hình 2.3.86. Trang thêm cửa hàng	115
Hình 2.3.87. Hành động xóa cửa hàng	116
Hình 2.3.88. Mục khuyến mãi (Promotions).....	116
Hình 2.3.89. Trang quản lý khuyến mãi	117
Hình 2.3.90. Trang thêm khuyến mãi	118
Hình 2.3.91. Trang quản lý các phiếu giảm giá	119
Hình 2.3.92. Trang tự tạo số lượng coupons	120
Hình 2.3.93. Trang thêm coupon.....	120
Hình 2.3.94. Mục tìm kiếm khuyến mãi.....	121
Hình 2.4.1. Trang quản lý các menus	121
Hình 2.4.2. : Trang chỉnh sửa phần tử(Item)	123
Hình 2.4.3. Sản phẩm của loại Gym and Training	123
Hình 2.4.4. Trang quản lý nội dung của khách hàng.....	124

Hình 2.4.5. Trang thêm một View mới	125
Hình 2.4.6. Giao diện thiết lập views	126
Hình 2.4.7. Trường dữ liệu được thêm.....	127
Hình 2.4.8. Điều kiện lọc.....	127
Hình 2.4.9. Điều kiện sắp xếp	128
Hình 2.4.10. Phân trang	128
Hình 2.4.11. Thêm trường dữ liệu hình ảnh	129
Hình 2.4.12. Năm nội dung của loại nội dung banner.....	129
Hình 2.4.13. Thêm View banner	130
Hình 2.4.14. Giao diện thiết lập view.....	131
Hình 2.4.15. Trường dữ liệu được thêm của view banner	132
Hình 2.4.16. Điều kiện lọc nội dung hiển thị	132
Hình 2.4.17. Điều kiện sắp xếp	132
Hình 2.4.18. Phân trang	133
Hình 2.4.19. Thêm bộ tùy chọn Slider_product	135
Hình 2.4.20. Giao diện thiết lập của khối “ A some Popular Bags & Backpacks”.....	136
Hình 2.4.21. Option set.....	137
Hình 2.4.22. Trường dữ liệu được thêm của khối hiển thị	138
Hình 2.4.23. Điều kiện lọc nội dung hiển thị	138
Hình 2.4.24. Điều kiện sắp xếp	138
Hình 2.4.25. Phân trang cho khối “A some Bags & Backpacks”.....	139
Hình 2.4.26. Thêm server	140
Hình 2.4.27. Thêm chỉ mục cho server	142
Hình 2.4.28. Thêm trường để lập chỉ mục cho sản phẩm(Product)	143
Hình 2.4.29. Đặt giá trị tăng cường cho từng trường	143
Hình 2.4.30. Cài đặt cấu hình xử lý.....	144
Hình 2.4.31. Giao diện của trang hiển thị Search.....	145
Hình 2.4.32. Trường dữ liệu được thêm.....	145
Hình 2.4.33. Điều kiện lọc nội dung Search	146
Hình 2.4.34. Điều kiện sắp xếp mức liên quan	146
Hình 2.4.35. Phân trang ở trang hiển thị thông tin tìm kiếm.....	146
Hình 2.4.36. Giao diện thiết lập view của “catalogpro”.....	148
Hình 2.4.37. Giao diện thiết lập view của “catalogpro”.....	149

Hình 2.4.38. Điều kiện lọc nội dung hiển thị của trang hiển thị	149
Hình 2.4.39. Điều kiện sắp xếp.	150
Hình 2.4.40. Phân trang hiển thị sản phẩm cho trang Lọc sản phẩm.....	150
Hình 2.4.41. Địa chỉ URL	151
Hình 2.4.42. Trang xác thực người dùng trong Drupal	153
Hình 2.4.43. Trang cấu hình Mail System	154
Hình 2.4.44. Cấu hình SMTP Authentication Support.....	156
Hình 2.4.45. Thiết lập cấu hình commerce cart redirection	157
Hình 2.4.46. Thiết lập bộ cục cho trang chi tiết sản phẩm.....	159
Hình 2.4.47. Thiết lập phiên đăng nhập cho người dùng.	160
Hình 2.5.1. Thông báo tắt một phiên đăng nhập	161
Hình 2.5.2. Trang chủ của website	161
Hình 2.5.3. Trang sản phẩm	162
Hình 2.5.4. Tìm kiếm theo bộ lọc giá “1000000-3000000”	162
Hình 2.5.5. Tìm kiếm bằng thanh tìm kiếm	163
Hình 2.5.6. Trang chi tiết sản phẩm	163
Hình 2.5.7. Trang giỏ hàng.....	164
Hình 2.5.8. Trang thanh toán.....	164
Hình 2.5.9. Trang xem lại thông tin thanh toán	165
Hình 2.5.10. Trang thông báo đặt hàng thành công	165
Hình 2.5.11. Biên lai được gửi đến khách hàng và người quản trị	166
Hình 2.5.12. Trang xem lại các đơn đặt hàng	166
Hình 2.5.13. Trang xem chi tiết hóa đơn đặt hàng của số hóa đơn 31	167
Hình 2.5.14. Trang gửi thông tin liên hệ	167
Hình 2.5.15. Tin nhắn được gửi tới email người quản trị	167

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://bisenstips.vn/10-uu-va-nhuoc-diem-cua-drupal/>
2. https://www.drupal.org/docs/user_guide/en/index.html
3. <https://bizfly.vn/techblog/drupal-la-gi.html>
4. <https://kb.pavietnam.vn/ma-nguon-drupal-va-8-uu-diem-cua-drupal.html>
5. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Drupal>
6. <https://vi.spot-the-difference.info/difference-between-drupal-7#:~:text=Drupal%20ban%20%C4%91%E1%BA%A7u%20%C4%91%C6%B0%E1%B%A3c%20d%E1%BB%B1a%20tr%C3%AAn%20PHP%2C%20tuy,s%E1%BA%BD%20ph%E1%BA%A3i%20h%E1%BB%8Dc%20l%E1%BA%A1i%20v%C3%A0%20thay%C4%91%E1%BB%95i%20m%C3%A3>
7. <https://elearninginfographics.com/how-different-is-drupal-9-from-its-predecessor-drupal-8/>
8. <https://kb.pavietnam.vn/ma-nguon-drupal-va-8-uu-diem-cua-drupal.html>